**CHUYÊN ĐỀ 1: VĂN HỌC TRUNG ĐẠI**

**1.** **Kiến thức:** Hiểu rõ được những đặc sắc về nội dung- nghệ thuật của tác phẩm

  Nắm được các yếu tố về nội dung, nghệ thuật (từ mức độ thấp đến mức độ cao)

**2.** **Kĩ năng:** Biết cách đọc hiểu một văn bản  thơ trung đại theo đặc trưng thể loại; Biết cách tạo lập văn bản

**3.Thái độ, phẩm chất:** Yêu thương con người; Khát vọng sống, khát vọng hạnh phúc; Yêu nước (yêu thiên nhiên, …); Sống tự chủ; Sống trách nhiệm

**4**. **Năng lực**: Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản; Năng lực giải quyết những tình huống đặt ra trong các văn bản; Năng lực đọc hiểu một văn bản thơ trung đại theo đặc trưng thể loại; Năng lực trình bày suy  nghĩ, cảm nhận  của cá nhân về ý  nghĩa văn bản; Năng lực hợp tác, trao đổi, thảo luận nội dung và nghệ thuật của văn bản

**II. NỘI DUNG.**

**1. KHÁI NIỆM CHỦ NGHĨA NHÂN ĐẠO**

***Chủ nghĩa nhân đạo (Tiếng Anh: humanism), còn gọi là chủ nghĩa nhân văn***, là toàn bộ những tư tưởng quan điểm, tình cảm quý trọng các giá trị của con người như trí tuệ, tình cảm, phẩm giá, sức mạnh, vẻ đẹp. Chủ nghĩa nhân đạo không phải là một khái niệm đạo đức đơn thuần , mà còn bao hàm cả cách nhìn nhận, đánh giá con người về nhiều mặt (vị trí, vai trò, khả năng, bản chất…) trong các quan hệ với tự nhiên, xã hội và đồng loại.

Thế giới sáng tạo ra trong văn học và bằng văn học nghệ thuật từ xưa đến nay là một thế giới mà trong đó con người luôn đấu tranh chống lại mọi thế lực thù địch luôn xuất hiện dưới mọi hình thức, để khẳng định chính mình, khẳng định quyền năng và sức mạnh của mình, đồng thời thể hiện khát vọng làm người mãnh liệt và cao đẹp của mình. ***Lòng yêu thương, ưu ái đối với con người và thân phận của nó từ trước đến nay vẫn là sự quan tâm hàng đầu của các nhà văn, nhà nghệ sĩ trong cảm hứng sáng tạo của nghệ thuật.***

**2.** [**CHỦ NGHĨA NHÂN ĐẠO TRONG VĂN HỌC**](http://blogchuyenvan.blogspot.com/2016/07/chu-nghia-nhan-ao-trong-van-hoc.html)**- BIỂU HIỆN CỦA CHỦ NGHĨA NHÂN ĐẠO**

Biểu hiện của chủ nghĩa nhân đạo rất đa dạng, là toàn bộ những tư tưởng, quan điểm quý trọng các giá trị của con người, nhưng trong văn học có thể phân ra bốn biểu hiện chính, đó là: thông cảm, thấu hiểu cho số phận con người; khám phá và tôn vinh vẻ đẹp con người; tố cáo, phê phán những thế lực chà đạp lên con người; nâng niu ước mơ của con người hay mở ra một tương lai tươi sáng cho con người.

**2.1.THÔNG CẢM, THƯƠNG XÓT CHO SỐ PHẬN ĐAU KHỔ CỦA CON NGƯỜI**

***Chủ nghĩa nhân đạo trước hết bắt đầu tự sự thương yêu con người, mà hạt nhân của nó chính là trái tim giàu lòng yêu thương của nhà văn***.  Balzac đã từng nói: “nhà văn là thư kí trung thành của thời đại”, Nam Cao thì nói: “sống đã, rồi hãy viết, hãy hòa mình vào cuộc sống của quần chúng nhân dân”, Enxa Triole: “Nhà văn là người cho máu”. Đúng như vậy, quá trình sáng tạo là một quá trình gian khổ và quang vinh, đòi hỏi mỗi nhà văn phải dốc toàn bộ mồ hôi, nước mắt, thậm chí là máu của mình, dốc hết bầu máu nóng trong tim để giao cảm với đời, mở rộng tâm hồn để đón nhận những vang vọng tha thiết của cuộc đời. Hơn ai hết họ đã khóc với những nỗi đau của thời đại, đã mỉm cười cùng nỗi hân hoan của thời đại, và hơn ai hết họ hiểu thấu những ước mơ tha thiết, những khát khao cháy bỏng của con người thời đại. Mỗi nhà văn, trong quá trình sáng tác, trước hết phải là “nhà nhân đạo” từ trong cốt tủy“(Sêkhov). Bởi nếu không phải nhà nhân đạo, nếu không có tấm lòng yêu thương con người và sẵn sàng hy sinh cho con người, thì làm sao anh ta có thể viết, làm sao anh ta có thể, như loài phượng hoàng lửa trong truyền thuyết, trầm mình vào lửa đỏ để làm nên sự hồi sinh của cuộc sống – chính là những tác phẩm thẫm đẫm tính nhân đạo, thấm đẫm tình yêu thương con người, những tác phẩm như phập phồng hơi thở của thời đại, như đang chảy trong từng vân chữ những giọt máu của thời đại. Những tác phẩm mà, mỗi trang giấy là một số phận được trải ra trước mắt người đọc, từng số phận là những tiếng kêu khóc đau đớn cho những kiếp người, từng con chữ cất lên đều ám ảnh, day dứt khôn nguôi.

***Như vậy chúng ta thấy rằng, biểu hiện trước tiên của chủ nghĩa nhân đạo chính là sự thông cảm, thấu hiểu cho số phận con người.*** Điều này có ý nghĩa giáo dục rất sâu sắc. Như nhà văn Nam Cao đã từng nhận xét, tác phẩm văn học chân chính là tác phẩm văn học làm cho con người “gần người hơn”. Người đọc tìm đến tác phẩm văn học với nhiều mục đích, nhưng cao cả hơn cả vẫn là để thanh lọc tâm hồn, để tâm hồn mình phong phú hơn, trong sạch hơn. Đến với những số phận gửi gắm trong văn học, họ được sống nhiều hơn, được trải nghiệm nhiều hơn, nhưng hơn cả là, họ được xúc cảm nhiều hơn, suy tư nhiều hơn, họ được khóc với nỗi đau của đồng loại, được reo vui với niềm vui của đồng loại. Văn học giúp cho trái tim mỗi con người trở nên nhạy cảm hơn, bao dung hơn, nhân hậu hơn. Chủ nghĩa nhân đạo không chỉ là những tư tưởng, quan điểm tôn vinh cái đẹp của con người, mà hơn hết, chủ nghĩa nhân đạo chính là sự tạo dựng nên cái đẹp trong tâm hồn của con người, mà ở trong trường hợp này, chính là người đọc. Quá trình thanh lọc tâm hồn này của người đọc là quá trình tự ý thức, từ đồng cảm, thương xót cho đồng loại mà bồi đắp, luyện rèn lên những giá trị trong tâm hồn mình (lòng nhân hậu, lòng nhân ái…). Như vậy chúng ta thấy, nhờ có chủ nghĩa nhân đạo, văn học không chỉ phát hiện hạt ngọc ẩn giấu trong tâm hồn người, mà còn giúp cho hạt ngọt ấy sáng hơn, đẹp hơn, và gieo vào từng tâm hồn những hạt ngọc long lanh, sáng ngời.

**2.2. TRÂN TRỌNG, TÔN VINH VẺ ĐẸP CỦA CON NGƯỜI**

***Đối tượng phản ánh của văn học chính là con người***, Maxim Gorki từng nói: “Văn học là nhân học”, còn với Nguyễn Minh Châu thì: “cuộc đời và nghệ thuật là hai vòng tròn đồng tâm mà tâm điểm chính là con người”. Văn học không thể không phản ánh con người. Nhưng vấn đề là, phản ánh con người ở phương diện nào, và phản ánh con người như thế nào?

***Văn học quan tâm đến con người trên phương diện xã hội, văn học, thông qua các mối quan hệ xã hội để dựng nên hình tượng con người như những tính cách***, đó là con người đạo đức, con người chính trị, con người tâm trạng, con người hành động v.v. Nhưng quá trình phản ánh con người này cũng không hề giản đơn, khuôn mẫu, loại bỏ những chỉ tiết để khái quát thành những định lí, định đề, những quy tắc, chuẩn mực như lịch sử, triết học, đạo đức học. Văn học phản ánh con người vừa trực quan vừa khách quan, một mặt miêu tả con người sống động như chính nó trong đời sống, mặt khác lại nhìn nó với cái nhìn thấm đẫm sự cảm thông, yêu thương – cái nhìn đậm chất nhân đạo của người nghệ sĩ. Hình tượng con người trong văn học luôn là sự tổng hòa của cái chung và cái riêng, cái khái quát và cái cụ thể, cái chủ quan và cái khách quan, nó là hình ảnh chủ quan của thế giới khách quan, là con người sống động của hiện thực dưới cái nhìn giáu tình cảm, giàu sự thấu hiểu của người nghệ sĩ. Nhưng điều khác biệt cơ bản nhất giữa văn học và các ngành khoa học xã hội khác đó chính là sự phản ánh con người trên phương diện cái đẹp. Dovtopxki từng nói: “Cái đẹp cứu chuộc thế giới”. Đúng như vậy, muôn đời, văn học nghệ thuật chân chính là văn học “tôn vinh con người”.

***Văn học là sản phẩm của quá trình sáng tạo theo quy luật của cái đẹp, con người trong văn học cũng chính là con người được sáng tạo theo quy luật của cái đẹp***. Con người bước vào văn học với nhiều vẻ đẹp rất đa dạng. Đó có thể là nhan sắc tuyệt mỹ của nàng Kiều “hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh”, đó có thể là cái đẹp tài năng như của người nghệ sĩ Vũ Như Tô khi xây Cửu Trùng Đài, có thể “điều khiển gạch đã như người tướng khiến bỉnh”, có thể xây lên những công trình tranh tài cùng hóa công. Nhưng văn học, quan tâm nhất vẫn là vẻ đẹp tâm hồn của con người, nhiệm vụ hàng đầu của văn học vẫn là tìm kiếm hạt ngọc ẩn giấu trong tâm hồn con người. Quá trình tìm kiếm vẻ đẹp ấy đòi hỏi rất nhiều công sức, trí tuệ, tình cảm của người cầm bút. Người nghệ sĩ trước hết phải là những con người biết dấn thân, biết đạp lên những định kiến cố hữu của con người và xã hội để nhìn con người một cách người nhát. Nam Cao, để khám phá được khao khát sống trong Chí Phèo, đã phải cùng nhân vật của mình quằn quại trong cuộc lột xác đầy đau đớn từ một con quỷ thành một con người, để làm nên từng trang văn dữ dội như lửa cháy, đồng thời, nhà văn tài ba ấy cũng phải đạp lên những định kiến của người đời, phải tách rời khỏi những kẻ nhìn Chí Phèo như quỷ dữ, để nhìn anh như một con người. Chỉ ở góc nhìn đó, nhà văn mới có thể đau đớn đến tận cùng cùng với nỗi đau của nhân vật, mới có thể từ cùng cực của bi kịch gạn lọc nên viên ngọc tươi trong: khát khao sống, khát khao lương thiện của một con người.

Có thể nói quá trình tìm kiếm hạt ngọc trong tâm hồn con người là quá trình khó khăn nhất. Bởi con người là một thực thể phức tạp, tâm hồn con người vốn là một mảnh đất hãy còn bị phủ bởi lớp sương mờ kín. Con người ta cũng chẳng thể hiểu được chính bản thân mình, thì làm sao người khác có thể hiểu kín kẽ, cùng tận? ***Để khám phá được những vẻ đẹp bên trong của con người, cần đến những tài năng thật sự. Mỗi nhà văn trong cuộc ngụp lặn vào thế giới sâu kín của tâm hồn với những biến thái tinh vi, phức tạp, phải có một sự nhạy cảm thiên bẩm và một trái tim hừng hực yêu thương.***Đôi mắt của anh ta phải là đôi mắt tinh tường, đôi mắt xuyên thấu, đôi mắt thấu hiểu, anh ta phải nhìn thấy được từ những biểu hiện bên ngoài nhỏ nhất của con người những biến động tinh vi của tâm hồn bên trong, và anh ta phải biết cách tạo cho những phát hiện của mình một hình hài sắc vóc tương xứng – lớp ngôn từ nghệ thuật sinh động, hấp dẫn.

**2.3. TỐ CÁO, PHÊ PHÁN CÁC THẾ LỰC CHÀ ĐẠP LÊN CON NGƯỜI**

Văn học đồng cảm, xót xa cho số phận của con người, văn học trân trọng, tôn vinh vẻ đẹp của con người, thì văn học cũng tố cáo, phê phán những thế lực chà đạp lên con người.  ***Quá trình đồng cảm, quý trọng con người và quá trình tố cáo, phê phán những thế lực chà đạp lên con người là hai mặt của một đồng xu, luôn đi liền với nhau, có mối quan hệ mang tính biện chứng***. Càng đồng cảm, xót xa cho số phận con người, sẽ càng căm ghét, phẫn nộ với những thế lực đày đọa con người. Càng trân trọng, nâng niu vẻ đẹp của con người, sẽ càng khinh ghét, kinh tởm những thế lực chà đạp, làm vấy bẩn vẻ đẹp ấy.

Chủ nghĩa nhân đạo, do vậy, không chỉ là sự nâng niu trân trọng những vẻ đẹp của con người, mà còn muốn biến văn học thành một thứ vũ khí đấu tranh cho quyền sống của con người. Một khía cạnh không thể không nhắc đến của chủ nghĩa nhân đạo chính là tính chiến đấu rất cao của nó. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng nhắn nhủ với các nghệ sĩ: “Văn hóa nghệ thuật cũng là một mặt trận/Anh chị em là chiến sĩ trên mặt trận ấy.”

***Phương thức chiến đấu của văn học là sự phản ánh, bóc trần, là sự tố cáo. Đỉnh cao của tính chiến đấu chính là bút pháp trào phúng***. Nhưng văn học, ngay cả khi không sáng tác bằng bút pháp trào phúng, cũng có tính chiến đấu nhất định của nó. Bản thân sự phản ánh của văn học đã có ý nghĩa riêng của nó. ***Văn học phản ánh cái xấu xa, cái tàn nhẫn, cái vô nhân, cái giả dối, bao giờ cũng đặt nó trong đối sánh với cái tốt đẹp, cái lương thiện, cái nhân hậu, cái chân thật.***Nhà văn Nguyễn Khải từng nói: “*"Văn chương có quyên nhưng không chỉ miêu tả cái xấu xa ghê tởm, hèn nhát. Thanh nam châm thu hút mọi thế hệ văn là cái cao thượng, cái tốt đẹp, cái thủy chung".* Văn học nghệ thuật, dù là trong văn học dân gian hay văn học hiện đại, vẫn luôn tồn tại sự phản ánh thiện – ác, tốt – xấu, thật – giả trong sự đối chiếu, so sánh này, cũng ví như thiện – ác, tốt – xấu, thật – giả trong đời sống luôn song hành, giao tranh dữ dội để loại trừ lẫn nhau vậy***. Nhiệm vụ muôn đời của văn học chính là tô đậm cái xấu, phát giác cái xấu để con người có thể nhận biết nó, và từ từ hình thành trong con người sự căm ghét cái xấu xa, cái đê hèn, cái giả dối***. Quá trình này luôn phải diễn ra song song với quá trình tôn vinh cái tốt, căm ghét cái xấu xa, cái đê hèn, cái giả dối cũng chính là nâng niu, quý trọng cái tốt đẹp, cái cao cả, cái chân thật.

Để làm được điều này, người nghệ sĩ đồng thời cũng phải là người chiến sĩ, và đòi hỏi đầu tiên của họ chính là sự dũng cảm. Như nhà văn vĩ đại, người phản biện duy nhất của văn học Xô Viết, đồng thời cũng là người có số phận đầy đau đớn, Mikhail Bulgakhov đã từng tâm niệm, nhà văn là không có quyền im lặng. Một nhà văn dốc bầu máu nóng để yêu thương con người, để lòng mình lắng lại với những nỗi đau đời đau người tha thiết, là nhà văn không thể câm lặng trước cường quyền, trước bạo lực, trước tàn nhẫn, là nhà văn không thể thản nhiên khi nhìn thấy con người bị chà đạp, bị vùi dập, là nhà văn không thể câm lặng trước giọt nước mắt của con người! Ngôn từ chính là vũ khí, trí tuệ chính là vũ khí, tình cảm chân chính chính là vũ khí – những nhà văn chân chính từ bao đời nay vẫn chiến đấu cho cuộc sống của con người như thế.  Họ chính là những nhà nhân đạo chủ nghĩa lớn, là những nghệ sĩ vĩ đại.

**2.4. THẤU HIỂU, NÂNG NIU ƯỚC MƠ CỦA CON NGƯỜI**

Theo quy luật của quá trình sáng tạo, điểm đến cuối cùng của văn học bao giờ cũng là cuộc đời.  Tố Hữu từng nói: “Cuộc đời là điểm khởi đầu và là điểm đi tới của văn chương” . Tác phẩm không kết thúc khi trang sáng đóng lại, mà đó là lúc tác phẩm mở ra, để bước vào cuộc đời, để cải tạo cuộc đời. Tác phẩm nghệ thuật có sức sống lâu dài phải là tác phẩm có ích cho xã hội. Thế nào là có ích? Đó là ***tác phẩm phải làm con người trở nên tốt đẹp hơn, phải thông qua mỗi con người để “dùng lực lượng vật chất đánh đổ lực lượng vật chất”, để cải tạo và làm cuộc sống tươi đẹp hơn, đáng sống hơn***.

Để thực hiện được nhiệm vụ cao cả của văn chương, trước hết mỗi nhà văn phải là một nhà tư tưởng. Đỉnh cao nhất của mỗi tác phẩm chính là thông điệp tư tưởng của nó. Qua tác phẩm của mình, nhà văn phải bày tỏ quan điểm của mình về một vấn đề nào đó trong cuộc sống, đóng góp một giải pháp, hoặc chí ít, phải gợi ra được những vấn đề cấp thiết của xã hội và khiến chúng ám ảnh người đọc, lôi kéo người đọc vào quá trình suy nghĩ trăn trở của nhà văn, đối thoại cùng nhà văn để xây dựng cuộc sống tốt đẹp hơn. Nhà văn Ý Claudio Magrid đã từng nói: “Văn chương không cần những câu trả lời mà nhà văn đem lại, văn chương chỉ cần những câu hỏi mà nhà văn đặt ra, mà những câu hỏi này, luôn rộng hơn bất kì câu trả lời tường tận, cặn kẽ nào”.

**III. LÍ GIẢI CHỦ NGHĨA NHÂN ĐẠO TRONG VĂN HỌC**

Chủ nghĩa nhân đạo trong văn học thế kỉ XXVIII đến nửa đầu thế kỉ XIX, xuất hiện thành trào lưu nhân đạo vì : tác phẩm mang nội dung nhân đạo xuất hiện nhiều, liên tiếp tập trung vào vấn đề con người.

- *Biểu hiện của nội dung nhân đạo:*

+ Sự thương cảm trước bi kịch và đồng cảm trước khát vọng của con người

+  Khẳng định, đề cao nhân phẩm, tài năng, lên án thế lực tàn bạo chà đạp lên quyền sống của con người.

+  Đề cao truyền thống đạo lí nhân nghĩa của dân tộc.

=> Vấn đề cơ bản của nội dung nhân đạo, hướng vào quyền sống con người(con người trần thế) qua Truyện Kiều, thơ Hồ Xuân Hương, ý thức về cá nhân đậm nét( ý thức về quyền sống cá nhân, hạnh phúc cá nhân, tài năng cá nhân), khẳng định con người cá nhân qua các tác phẩm

1. Truyện Kiều (Nguyễn Du): đề cao vai trò của tình yêu. Đó là biểu hiện cao nhất của sự đề cao con người cá nhân.

2.Tình yêu không chỉ đem lại cho con người vẻ đẹp cuộc sống, qua tác phẩm, nhà thơ muốn đặt ra và chống lại định mệnh.

3.  Thơ Hồ Xuân Hương : đó là con người cá nhân bản năng khao khát sống, khao khát hạnh phúc, tình yêu đích thực, dám nói lên một cách thẳng thắn những ước mơ của người phụ nữ bằng cách nói ngang với một cá tính mạnh mẽ.

4. Truyện Lục Vân Tiên (Nguyễn Đình Chiểu): con người cá nhân nghĩa hiệp và hành động theo nho giáo.

5. Chuyện người con gái Nam Xương (Nguyễn Dữ): Ca ngợi vẻ đẹp, đồng cảm với thân phận người phụ nữ

**III. MỘT SỐ ĐỀ BÀI MINH HOẠ**

**Đề 1**: **Cảm nhận vẻ đẹp của người phụ nữ Việt Nam qua các tác phẩm “Chuyện người con gái Nam Xương” của Nguyễn Dữ và “Truyện Kiều” của Nguyễn Du.**

I. Mở bài:

“Người đâu trong ngọc tráng ngà,

Mặt vành vạnh nguyệt, tóc rà rà mây”

(Nhị độ mai)

Đề tài về người phụ nữ trong văn học trung đại là một trong những đề tài nổi bật, được nhiều thi nhân, văn nhân khai thác như: Nguyễn Dữ, Hồ Xuân Hương, bà Huyện Thanh Quan, Nguyễn Du,… Hình ảnh người phụ nữ hiện diện qua các tác phẩm của họ đều là những người phụ nữ “tư dung tốt đẹp”, tài sắc vẹn toàn; phẩm chất tốt đẹp. Cụ thể qua nhân vật Vũ Nương trong “Chuyện người con gái Nam Xương” của Nguyễn Dữ và Thúy Kiều qua hai đoạn trích “Chị em Thúy Kiều” và “Kiều ở lầu Ngưng Bích” của Nguyễn Du.

II. Thân bài:

1. Khái quát:

- Vũ Nương và Thúy Kiều là những người phụ nữ có đẹp người, đẹp nết và phẩm chất tốt đẹp đáng được trân quý. Nhưng đáng thương thay, họ phải gánh trên vai bốn chữ “hồng nhan bạc mệnh” với những chuổi đau thương, bất công, ngang trái.

- Với tấm lòng nhân đạo của mình, Nguyễn Dữ và Nguyễn Du đã ca ngợi họ, đồng thời hiện tấm lòng cảm thông sâu sắc và tố cáo xã hội phong kiến – kẻ đã gieo rắc những bất hạnh và đau thương lên họ.

2. Kiều và Vũ Nương là hiện thân của cái đẹp cho người phụ nữ Việt Nam:

a) Đẹp người:

- Vũ Nương:

+ “thùy mị, nết na”: nét đẹp dịu dàng, hiền hậu, dễ mến.

+ “tư dung tốt đẹp”: Vẻ đẹp tươi tắn, hài hòa → tác giả tập trung khắc họa vẻ đẹp của nàng trong cuộc sống gia đình.

- Thúy Kiều: Kiều đẹp “sắc sảo, mặn mà”. Phân tích những câu thơ sau để làm rõ vẻ đẹp của Thúy Kiều:

“Kiều càng sắc sảo, mặn mà

So bề tài sắc lại là phần hơn

Làn thu thủy nét xuân sơn

Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh

Một hai nghiêng nước nghiêng thành”

b) Đẹp nết (tài năng, phẩm chất):

- Vũ Nương: tính tình nàng không những thùy mị nết na, khéo léo, không màn danh lợi mà còn rất đảm đang, hiếu thảo, chung thủy, sắt son với chồng, hi sinh cho gia đình:

Dẫn chứng cụ thể:

+ Khéo léo trong việc giữ gìn hạnh phúc gia đình: biết Trương Sinh tính tình đa nghi, hay ghen nên Vũ Nương đã “không từng để lúc nào vợ chồng phải đến thất hòa”.

+ Không màng danh lợi: Trong buổi đưa tiễn chồng đi chinh chiến, không như những người phụ nữ khác, nàng chẳng mong chồng mình “đeo ấn hầu, mặc áo gấm” trở về mà chỉ cần chồng bình an vô sự.

+ Đảm đang, tháo vát: khi chồng đi chinh chiến, thân là phụ nữ nhưng Vũ Nương lo lắng hết mọi việc trong gia đình, từ việc to đến việc nhỏ, từ chăm con thơ đến lo cho mẹ già.

+ Hiếu thảo với mẹ chồng:

• “Xem mẹ chồng như mẹ ruột của mình”

• Lúc mẹ vì lo lắng cho con đi chinh chiến mà sinh bệnh, phận là con dâu, Vũ Nương đã hết lòng chăm sóc, “hết sức thuốc thang, lễ bái thần phật và lấy lời ngon ngào khôn khéo khuyên lơn”.

• Lời trăn trối của người mẹ chồng trước khi mất: “xanh kia quyết chẳng phụ con, cũng như con đã chẳng phụ mẹ” cho thấy Vũ Nương là người phụ nữ đức hạnh (“hạnh” trong “tứ đức”).

• Khi mẹ chồng mất: “Nàng hết lòng thương xót, phàm việc ma chay tế lễ, lo liệu như đối với cha mẹ đẻ mình”.

+ Chung thủy, sắt son:

• Khi Trương Sinh nổi cơn ghen tuông, mắng nhiếc nàng, nàng bộc bạch nỗi lòng mình: “Cách biệt ba năm giữ gìn một tiết. Tô son điểm phấn từng đã nguôi lòng, ngõ liễu tường hoa chưa từng bén ngót”. Thân “liễu yếu tơ đào”, đồng không mông quạnh, tủi phận nhưng Vũ Nương đã giữ trọn đạo “tam tòng”, một lòng chung thủy chờ đợi chồng trở về.

• Lời trăn trối trước lúc quyên sinh : Chia làm 2 vế phân tích:

Vế 1: “Thiếp nếu đoan trang giữ tiết, trinh bạch gìn lòng, vào nước xin làm ngọc Mị Nương, xuống đất xin làm cỏ Ngu mĩ”. Điển tích, điển cố “ngọc Mị Nương” chứng minh cho tấm lòng trong sạch; “cỏ Ngu mĩ” chứng minh cho tấm lòng chung thủy, sắt son.

Vế 2 – thề độc: “Nhược bằng lòng chim dạ cá, lừa chồng dối con, dưới xin làm mồi cho cá tôm, trên xin làm cơm cho diều quạ và xin chịu khắp mọi người phỉ nhổ”.

Quan niệm duy tâm của người xưa: họ tin rằng nếu sống mà không giữ phần xác nguyên vẹn, mồ yên mã đẹp thì phần hồn sẽ bị lưu đày nơi nhân gian, mãi mãi không siêu thoát. Qua lời thề độc này, càng minh chứng cho tấm lòng trong sạch, son sắt, thủy chung của Vũ Nương.

- Thúy Kiều:

+ Đa tài:

• Trong “tứ đức”, “công” là tiêu chuẩn đánh giá một người phụ nữ tài giỏi khi họ có đủ các món nghề: “cầm, kỳ, thi, họa”. Và Thúy Kiều có đủ các món ấy:

“Pha nghề thi họa đủ mùi ca ngâm”

Đặc biệt, nàng còn đàn rất giỏi:

“Cung thương làu bậc ngũ âm

Nghề riêng ăn đứt hồ cầm một trương”

• Không chỉ vậy, nàng còn là người phụ nữ có tâm hồn đa sầu, đa cảm – nét đẹp tâm hồn:

“Khúc nhà tay lựa nên chương

Một thiên bạc mệnh lại càng não nhân”

+ Đẹp nết (phẩm chất): Chung thủy, sắt son; hiếu thảo với cha mẹ:

• Chung thủy, sắt son: nàng nhớ về Kim Trọng trước cũng là điều hợp lý, hợp tình. Kiều bán thân chuộc cha để làm tròn chữ “hiếu” mà để chữ “tình” dang dở, khiến nàng mãi đau đáu, cảm thấy mình có lỗi và lo lắng cho Kim Trọng cũng là điều dễ hiểu:

“Tưởng người dưới nguyệt chén đồng,

Tin sương luống những rày trông mai chờ.”

Giữa thực tại đau buồn, nàng nhớ về những ngày tháng tươi đẹp cùng Kim Trọng, nhớ đến đêm uống rượu thề cùng chàng dưới trăng, hẹn ước trăm năm. Nhưng số phận trớ trêu, lúc nàng bán than cũng là lúc Kim Trọng đang chịu tang chú nơi xa, không hề hay biết. Ở lầu Ngưng Bích, nàng hình dung ra bóng hình Kim Trọng vọng ngóng nàng từng ngày uổng công, mà đau xót.

Bên trời góc bể bơ vơ,

Tấm son gột rửa bao giờ cho phai”

“Tấm son” là tấm lòng thủy chung, son sắt của Kiều dành cho Kim Trọng. Dù than phận lưu đày nơi chốn trần tục bi ai, tha phương chốn lạ nhưng nỗi lòng nàng luôn đau đáu hướng về tình đầu với tấm lòng chung thủy sắt son nguyên vẹn. “bao giờ cho phai” như là một lời khẳng định chất chứa bao tình cảm mặn mà, son sắt.

=> Lời độc thoại nội tâm của Kiều hay Nguyễn Du? Dù là của ai thì Nguyễn Du cũng đã rất thành công khi lắp được phần hồn vào nhân vật bằng ngòi bút miêu tả tâm lí sâu sắc của mình.

+ Hiếu thảo:

“Xót người tựa cửa hôm mai

Quạt nồng ấp lạnh những ai đó giờ

Sân Lai cách mấy nắng mưa

Có khi gốc tử đã vừa người ôm”

• Có ai đã nghe câu: xát muối vào vết thương, cảm giác đau đớn ấy khiến người ta đứng ngồi không yên, thậm chí nhảy cẩng, tưng tưng lên. Và cảm giác ấy được diễn tả bằng từ “xót”. Tâm trạng Kiều khi tưởng tượng ra cảnh cha mẹ mình khi sáng sớm, lúc chiều hôm tựa của chờ đợi, mong ngóng mình cũng giống như cảm giác ấy – xót xa vô hạn. Cha mẹ ngày càng già yếu còn thời tiết thì cứ thay đổi khiến nàng lo lắng, không biết có ai “quạt nồng ấp lạnh” cho cha mẹ hay không?

• Với thành ngữ “cách mấy nắng mưa”, “quạt nồng ấp lạnh” và điển tích, điển cố “quạt nồng ấp lạnh”, “Sân Lai”, “gốc tử” để diễn tả tấm lòng hiếu thảo của Kiều dành cho cha mẹ. Từ “có khi” như diễn tả nỗi lo lắng khi cha mẹ đã ngã bóng chiều, đồng thời cũng thể hiện tâm trạng day dứt, tự trách của một người con vì đã không thể bên cạnh chăm sóc cho cha mẹ lúc ốm đau, già yếu.

=> Sự chọn lọc ngôn ngữ tinh tế, các thành ngữ, điển tích, điển cố hàm súc, giàu ý nghĩa cũng những từ ngữ gợi hình, gợi cảm, Nguyễn Du đã viết nên những vần thơ giàu sức biểu cảm, ý nghĩa gợi lên trong lòng người đọc sự đồng cảm với nỗi đau thân phận của nhân.

3) Sơ kết:

a) Giống:

- Nội dung: VN và Kiều đều là những người phụ nữ phong kiến vừa đẹp người lại đẹp nết.

- Nghệ thuật: bút pháp ước lệ, tượng trưng, thành ngữ, từ ngữ giàu sức gợi hình và biểu cảm.

b) Khác:

- Nội dung:

+ Vũ Nương:

• Tác giả ít chú trọng vào vẻ đẹp ngoại hình của Vũ Nương.

• Nàng hiện lên với vẻ đẹp của người phụ nữ, người vợ, người mẹ, người con dâu trong gia đình: vị tha, bao dung, biết hi sinh cho hạnh phúc của gia đình.

+ Thúy Kiều:

• Ngược lại với VN, qua đoạn trích “Chị em Thúy Kiều” tác giả tập trung miêu tả vẻ đẹp ngoại hình lẫn tài năng của nhân vật.

• Nàng là người con gái, người phụ nữ đẹp, vẻ đẹp vẹn toàn cả vẻ ngoài lẫn tâm hồn khiến ai cũng biết đến và ganh tị.

- Nghệ thuật:

+ Vũ Nương:

• Vẻ đẹp ngoài hình ít được chú trọng, giống các mô típ giới thiệu nhân vật của truyện cổ dân gian.

• Vẻ đẹp phẩm chất của nhân vật được bộc lộ qua những tình huống truyện: có chồng là TS, tính tình hay ghen; khi chồng đi chinh chiến; khi bị oan ức…

+ Thúy Kiều:

• Vẻ được khắc họa bằng bút pháp: ước lệ tượng trưng, lấy điểm tả diện, (làn thu thủy nét xuân sơn), liệt kê (pha nghê thi họa đủ mùi ca ngâm).

• Vẻ đẹp phẩm chất của nàng chủ yếu được bộc lộ qua lời độc thoại nội tâm.

III. Kết bài:

- Khẳng định lại vẻ đẹp vẹn toàn của người phụ nữ trong xã hội phong kiến qua hai nhân vật.

- Nét đẹp qua hai nhân vật Kiều và Vũ Nương là nét đẹp vĩnh hằng cùng với thời gian qua bao thế hệ độc giả.

**\* Đề 2:**Thân phận người phụ nữ qua Chuyện Người Con Gái Nam Xương và các đoạn trích trong Truyện Kiều

**Dàn ý:**
**1. Mở bài:** Giới thiệu vấn đề cần phân tích.

**2. Thân bài**

**a. Thân phận người phụ nữ trong Chuyện người con gái Nam Xương.**

**\* Phẩm cách tốt đẹp:**
- Nhà nghèo, thế nhưngVN lại là một người con gái có nhan sắc xinh đẹp, nhân phẩm cao quý.
- Khi chồng nàng phải tòng quân đánh giặc xa nhà, mẹ chồng vì nhớ con trai mà ốm đau nàng vẫn luôn hết lòng chăm sóc như mẹ đẻ, lúc bà mất nàng cũng lo toan tang lễ thật chu toàn.
- Một thân một mình, nàng sinh con sau đó lại nuôi nấng, chăm bẵm hết lòng cho đứa con trai nhỏ, một lòng thủy chung đợi ngày chồng trở về sum họp.

**\* Số phận bất hạnh:**
- Vũ Nương khi ở nhà chồng dù đã hết mực làm tròn bổn phận, nhưng vẫn phải dè dặt cẩn trọng vì sợ chồng ghen tuông.
- Đến khi vất vả chờ được chồng trở về thì chỉ vì một câu nói khờ dại của đứa con lên ba, mà nàng hàm oan tội bất trinh với chồng.
- Không được chồng tin tưởng, Vũ Nương vì khuất nhục, vì cùng đường mà phải chọn giải pháp tự kết liễu để minh oan cho bản thân.
=> Tư tưởng trọng nam khinh nữ và việc người phụ nữ dưới chế độ phong kiến không có tiếng nói, không được bênh vực, phải phụ thuộc vào gia đình nam nhi, đã khiến cho họ dễ dàng bị rơi vào bế tắc và chịu nhiều thiệt thòi.
- Sống lại dưới thủy cung có cuộc sống cẩm y ngọc thực, chứng minh được oan khuất thế nhưng Vũ Nương vẫn không được đoàn tụ với chồng con, phải chịu cảnh cô đơn đời đời dưới đáy nước.
=> Chung quy lại, dù thế nào bản thân Vũ Nương vẫn phải chịu nhiều thiệt thòi và khổ đau nhất, câu chuyện là minh chứng cho việc người phụ nữ dưới chế độ phong kiến đương thời chưa bao giờ có hạnh phúc.
- Câu chuyện phản ánh thân phận bèo bọt của người phụ nữ xưa, phản ánh sự bất công, cổ hủ của chế độ phong kiến lỗi thời, phản ánh cả những cuộc chiến tranh vô nghĩa đã khiến các gia đình ly tán, mà người chịu hậu quả cuối cùng vẫn luôn là người phụ nữ.

**b. Thân phận người phụ nữ trong Truyện Kiều:**

**\* Hoàn cảnh của Thúy Kiều:**
- Thúy Kiều là con gái nhà giàu, lại có nhan sắc chim sa cá lặn, tài văn chương thơ phú "thông minh vốn sẵn tính trời", thêm ngón hồ cầm tinh thông.
- Kiều có lẽ là hình tượng người con gái mang vẻ đẹp toàn diện và tuyệt đối trong văn học Việt Nam.
- Bản thân Thúy Kiều còn có tự do lựa chọn cho mình một tình yêu đẹp với Kim Trọng, thậm chí cả hai đã đến hồi đính ước.

**\* Thân phận bọt bèo, hồng nhan bạc mệnh:**
- Nhà Kiều lâm đại nạn, cha và em bị bắt giải đi, Thúy Kiều đành phải bỏ "tình", theo "hiếu", bán mình làm lẽ cho Mã Giám Sinh để chuộc cha và em, bội ước với Kim Trọng, nhờ em gái của mình là Thúy Vân trả nghĩa cho chàng.
- Thân phận phụ nữ trong chế độ phong kiến quả thực quá mong manh và nhỏ bé. Mới hôm trước còn là tiểu thư đài các, thì ngày nay đã trở thành một món hàng được người ta ngã giá, trở thành thiếp cho một người đàn ông đáng tuổi cha chú, phải nén đau thương từ biệt gia đình, từ bỏ tình yêu đầu đời.
=> Nhan sắc, tài năng của người phụ nữ đứng trước tư tưởng trọng nam khinh nữ, trước sự bất công của xã hội hoàn toàn không có một chút phân lượng nào, cùng lắm chỉ đáng giá vài ba trăm lượng bạc trắng, đổi một kiếp người.
- Thúy Kiều phải sống một cuộc đời đau đớn, khổ sở, tuyệt vọng trăm bề trong lầu xanh sau nhiều lần bị lừa dối bởi những gã đàn ông đáng ghê tởm.
- Khi Thúy Kiều gặp Thúc Sinh, Kiều lại rơi vào nỗi khổ ải với chế độ đa thê phong kiến, một lần nữa phải gánh chịu những nhục nhã, chèn ép từ người vợ cả của Thúc Sinh, lần nữa chịu áp bức dưới cường quyền.
=> Nhan sắc, tài năng của nàng trở thành thứ khiến người ta ghen ghét, đố kỵ và tìm cách trừ khử.
=> Thân phận người phụ nữ dưới chế độ phong kiến phải chịu quá nhiều bất công và khổ sở, không chỉ vậy tài năng và nhân phẩm của họ cũng không hề được coi trọng và đánh giá một cách đúng đắn.

**3. Kết bài:** Khái quát giá trị của 2 tác phẩm

**CHUYÊN ĐỀ 1: NGHỊ LUẬN XÃ HỘI**

**Thời lượng: 5 buổi**

**I. Cấu trúc bài nghị luận xã hội.**

**1. Nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống.**

**1.1. Nghị luận về sự việc, hiện tượng đời sống tiêu cực**

**a. Mở bài**

-Giới thiệu vấn đề nghị luận

- Nêu phạm vi dẫn chứng

**b. Thân bài**

**\* Giải thích**

- Giải nghĩa từ khóa

- Đánh giá khái lược tầm quan trọng của vấn đề nghị luận

**\* Hiện trạng:** Biểu hiện, quy mô, tần suất

=> Dẫn chứng đời sống

**\* Nguyên nhân**

- Chủ quan

-Khách quan

=> Dẫn chứng đời sống

**\* Hậu quả:** Đối với cá nhân , gia đình , xã hội

=> Dẫn chứng xã hội

**\* Giải pháp khắc phục**

- Xuất phát từ nguyên nhân chủ quan

- Xuất phát từ nguyên nhân khách quan

**\* Bài học nhận thức và hành động:** đối với thế hệ/cá nhân

**c. Kết bài:** Khẳng định ý nghĩa vấn đề nghị luận , đưa ra lời kêu gọi hoặc cam kết ( bài học bản thân )...

**2. Nghị luận về sự việc, hiện tượng đời sống tích cực**

**a. Mở bài:** - Giới thiệu vấn đề nghị luận

- Nêu phạm vi dẫn chứng

**b.Thân bài**

**\* Giải thích**

- Giải thích từ khóa

- Nêu phạm vi dẫn chứng

**\* Biểu hiện:** Mô tả, quy mô, tần suất

**\* Lí do**

- Chủ quan

- Khách quan

=> Dẫn chứng đời sống

**\* Kết quả:** Đối với cá nhân , gia đình , xã hội

=> Dẫn chứng đời sống

**\* Giải pháp:**

- Giải pháp đề ra từ nguồn gốc chủ quan

- Giải pháp đề ra từ nguồn gốc khách quan

=> Dẫn chứng đời sống

**\* Bài học nhận thức và hành động:** đối với thế hệ/cá nhân

**c. Kết bài:** Khẳng định ý nghĩa vần đề nghị luận , đưa ra lời kêu gọi hoặc cam kết ( bài học bản thân )...

**3. Nghị luận xã hội về vấn đề tư tưởng, đạo lí**

**a. Mở bài**

- Giới thiệu vấn đề nghị luận

- Nêu phạm vi dẫn chứng

**b. Thân bài**

**\* Giải thích**

- Giải thích từ khóa => Giải thích cả câu

- Đánh giá khái lược tầm quan trọng của tư tưởng , đạo lí , lối sống đó trong văn hóa ứng xử của con người ...

**\* Bình**

- Khẳng định tính đúng đắn của tư tưởng, đạo lý; lí giải vì sao ?

- Phản biện: tư tưởng đạo lí đó còn đúng / phù hợp với ngày nay không ? lí giải vì sao **?**

**\* Luận**: Bài học nhận thức và hành động của thế hệ

**c. Kết bài:** Khẳng định ý nghĩa vần đề nghị luận , đưa ra lời kêu gọi hoặc cam kết ( bài học bản thân )...

**4. Nghị luận vấn đề xã hội đặt ra trong văn bản**

**a. Mở bài**

- Giới thiệu vấn đề nghị luận

- Nêu phạm vi dẫn chứng

**b. Thân bài**

- Giải thích vấn đề nghị luận: Giải thích và rút ra vấn đề xã hội đã được đặt ra từ tác phẩm / văn bản ( thông qua hình tượng nghệ thuật )

- Tùy xem vấn đề nghị luận thuộc nhóm nào thì thực hiện trình tự các thao tác nghị luận tương tự như ở kiểu bài văn nghị luận về tư tưởng đạo lý hoặc nghị luận về hiện tượng đời sống như ở trên.

**c. Kết bài**

- Khẳng định chung về ý nghĩa xã hội mà tác phẩm văn học/văn bản đã nêu.

- Lời nhắn gửi đến tất cả mọi người

**II. Luyện đề (GV định hướng HS viết bài theo cấu trúc)**

**Đề 1:** Ngạn ngữ Pháp có câu: *“Đừng sống theo điều anh ước muốn mà hãy sống theo điều anh có thể*” còn Nelson Mandela lại khẳng định: “*Người chiến thắng là người biết ước mơ và không bao giờ bỏ cuộc”*

Trình bày suy nghĩ của em về hai ý kiến trên.

\* **Giải thích**

**- Ý kiến 1: Đừng sống theo điều anh ước muốn mà hãy sống theo điều anh có thể.**

  + “Ước muốn”: Điều mà con người luôn cố gắng đạt được, có được trong cuộc đời về vật chất, tinh thần, sự nghiệp…

  + “Điều ta có thể” là sống theo những cái ta làm được, có thể tìm kiếm hạnh phúc từ những cái mình đang có, hoặc sẽ có trong tầm tay.

→ Cách nói *“Đừng sống….mà hãy sống*” là lời khuyên con người ta cần phải biết sống thực tế tìm kiếm hạnh phúc và thành công từ những thứ nằm trong khả năng của mình, không nên viển vông, hão huyền.

**- Ý kiến 2: Người chiến thắng là người biết ước mơ và không bao giờ bỏ cuộc.**

  + “Người chiến thắng”: người gặt hái được những thành tựu nhất định.

  + “Ước mơ”: điều mong muốn tốt đẹp trong tương lai.

  + “Không bao giờ bỏ cuộc”: luôn luôn giữ vững niềm tin, hành động cho dù mình có từng vấp ngã.

→ Câu nói khuyên con người ta phải biết sống có ước mơ và luôn cố gắng, nỗ lực không ngừng. Hai câu nói trên bổ sung ý nghĩa cho nhau đem đến cho chúng ta một bài học: Trong cuộc sống, con người cần có ước mơ và phải cố gắng hết mình nhưng cần phải thực tế và tìm kiếm thành công trong giới hạn năng lực của mình.

**\* Bình luận, chứng minh**

- Tại sao còn người cần tìm kiếm thành công trong khả năng của mình?

+ Bởi mỗi người sinh ra là một bản thể có tố chất, năng lực riêng từ những tố chất, năng lực ấy con người làm tốt được những công việc của mình, có được thành công.

+ Nếu viển vông và thiếu thực tế, có thể cả đời bạn chỉ đi tìm những thứ xa vời, không thiết thực cho đời sống của mình.

+ Thành công trong khả năng của mình con người sẽ biết trân quý thành quả mình đạt được, hiểu được những điểm mạnh, yếu của bản thân để phát huy và khắc phục.

( Dẫn chứng- Phân tích)

- Tại sao con người cần có ước mơ và cần nỗ lực không ngừng?

+ Sống trong cuộc đời ai cũng có ước mơ dù lớn hay nhỏ…

+ Ước mơ giúp ta có động lực để thực hiện những dự định cũng như niềm đam mê của chính mình.

+ Ước mơ giống như một phần lãng mạn của cuộc sống. Nó giúp ta thăng hoa hơn, yêu đời hơn và nhiệt tình với những gì mình theo đuổi. Ước mơ giống như dầu bôi trơn trong một cỗ máy.

 ->Những người biết ước mơ là những người có lý tưởng riêng.

( Dẫn chứng- Phân tích)

**\* Mở rộng**

 - Mối quan hệ của hai ý kiến: Có ước mơ là điều chính đáng trong cuộc đời của mỗi con người nhưng ước mơ chỉ trở thành hiện thực khi chúng ta bắt tay vào thực hiện thông qua những việc làm cụ thể, kiên trì đeo đuổi ước mơ mới có được thành công. Tuy nhiên, cũng cần tỉnh táo để nhận ra khả năng của bản thân , tránh những ước mơ viễn vông, hão huyền.

- Phê phán những người sống không có ước mơ hoài bão; những người suy nghĩ viển vông, thiếu thực tế.

**\* Bài học nhận thức, hành động, liên hệ**

- Phải cố gắng không ngừng vì chỉ có sự cố gắng ta mới đạt được thành công. Thành công đôi khi không phải là đích đến mà là hành trình trải nghiệm và nó cần được bắt đầu từ ngay hôm nay.

- Cần có những việc làm, cụ thể, thiết thực phù hợp với năng lực của bản thân để biến những ước mơ nhỏ thành ước mơ lớn lao hơn.

**Đề 2:** Trình bày suy nghĩ của em về ý kiến sau: “Một người đã đánh mất niềm tin vào bản thân thì chắc chắn sẽ còn đánh mất thêm nhiều thứ quý giá khác nữa”

**1.** **Giải thích:**

- Niềm tin vào bản thân:Đó là niềm tin vào chính mình, tin vào năng lực, trí tuệ, phẩm chất, giá trị của mình trong cuộc sống. Đó còn là mình hiểu mình và tự đánh giá được vị trí, vai trò của mình trong các mối quan hệ của cuộc sống.

- Khi đánh mất niềm tin là ta đánh mất tất cả. -đánh mất thêm nhiều thứ quý giá khá***c***

=> Câu nói là lời nhắc nhở mỗi chúng ta hãy có niềm tin vào bản thân. Đó cũng là bản lĩnh, là phẩm chất, là năng lực của mỗi người, là nền tảng của niềm yêu sống và mọi thành công.

**2. Phân tích, chứng minh**

**Ý 1:** Niềm tin vào bản thân là niềm tin cần thiết nhất trong mọi niềm tin.
 - Niềm tin vào bản thân không chỉ đem lại niềm tin yêu cuộc sống, yêu con người, hi vọng vào những gì tốt đẹp mà còn là nền tảng của mọi thành công.
 - Để có được thành công, có cuộc sống tốt đẹp, con người phải biết dựa vào chính bản thân mình chứ không phải dựa vào ai khác, khách quan chỉ là điều kiện tác động, hỗ trợ chứ không phải là yếu tố quyết định thành công.
  **Ý 2:**  Đánh mất niềm tin hoặc không tin vào chính khả năng của mình thì con người sẽ không có ý chí, nghị lực để vươn lên

- “Thiếu tự tin là nguyên nhân của phần lớn thất bại” (Bovee).Cuộc sống muôn màu muôn vẻ, đầy những dư vị đắng cay, ngọt ngào, hạnh phúc và bất hạnh, thành công và thất bại, và có những lúc sa ngã, yếu mềm… Nếu con người không có ý chí, nghị lực, niềm tin vào bản thân sẽ không đủ bản lĩnh để vượt qua, không khẳng định được mình, mất tự chủ, dần buông xuôi, rồi dẫn đến đánh mất chính mình.

- Khi đã đánh mất chính mình là đánh mất tất cả, trong đó có những thứ quý giá như: tình yêu, hạnh phúc, cơ hội… thậm chí cả sự sống của mình. Vì vậy, con người biết tin yêu vào cuộc sống, tin vào sức mạnh, khả năng của chính mình, biết đón nhận những thử thách để vượt qua, tất yếu sẽ đạt đến bến bờ của thành công và hạnh phúc.

**Ý**3: Niềm tin vào bản thân  giúp con người vượt lên mọi thử thách và trưởng thành

- Trong cuộc sống, có biết bao con người không may mắn, họ phải trải qua nhiều khó khăn, thử thách, bất hạnh. Nhưng càng khó khăn, bản lĩnh của họ càng vững vàng. Họ tin vào ý chí, nghị lực, khả năng của bản thân và họ đã vượt lên, chiến thắng tất cả.

**3.** **Đánh giá – mở rộng**

**-** Ý kiến là một triết lí nhân sinh sâu sắc, hướng con người  biết nhận ra và có ý thức gìn giữ những giá trị của  cuộc sống.

- Phê phán: Trong thực tế cuộc sống, có những người mới va vấp, thất bại lần đầu nhưng không làm chủ được mình, không tin vào mình có thể gượng dậy mà từ đó dẫn đến thất bại.

**4. Bài học**

- Nhận thức

+ Tự tin, khiêm tốn, cẩn trọng là những đức tính đáng quý của con người. Nó dẫn con người ta đến bến bờ thành công và được mọi người quý trọng.
+ Tuy nhiên, đừng quá tự tin vào bản thân mình mà dẫn đến chủ quan, đừng quá tự tin mà bước sang ranh giới của tự kiêu, tự phụ sẽ thất bại.

- Hành động:

+  Cần nhận thức phải làm gì để xây dựng niềm tin trong cuộc sống?
+ Phải cố gắng học tập và rèn luyện tư cách đạo đức tốt. Việc học phải đi đôi với hành, dám nghĩ, dám làm, tự tin, yêu đời, yêu cuộc sống. Tránh xa các tệ nạn xã hội, phải luôn làm chủ bản thân.

**Ngày 10/10/2021**

**Có đủ bài soạn**

**TTCM**

**Lý Thị Xuân**

**CHUYÊN ĐỀ 2 + 3 : NGHỊ LUẬN VĂN HỌC**

**Thời lượng: 10 buổi**

**I. Những vấn đề chung.**

**1*. Đặc trưng của bài nghị luận văn học.***

 - Văn nghị luận là dùng ý kiến lý lẽ, dẫn chứng và cách lập luận để bàn bạc, phân tích, đánh giá một vấn đề nào đó. Vấn đề đó có thể là xã hội hoặc văn học.

- Nghị luận văn học là một dạng nghị luận mà các vấn đề đưa ra bàn luận là các vấn đề về văn học: tác phẩm, tác giả, thời đại văn học,…

 **-**Yêu cầu bài văn nghị luận: Phải đúng hướng, phải trật tự, phải mạch lạc, phải trong sáng, phải sinh động, hấp dẫn, sáng tạo.

- Những thao tác chính của văn nghị luận văn học:giải thích, chứng minh, phân tích, bình luận, bình giảng, so sánh,…

- Khi hướng dẫn học sinh làm bài văn nghị luận văn học cần chú ý các yêu cầu sau đây:

+ Củng cố kiến thức cơ bản ở mỗi tác phẩm văn học như: tác giả, hoàn cảnh sáng tác, giá trị nội dung, giá trị nghệ thuật, …

+ Củng cố cho học sinh nắm chắc các thao tác nghị luận về đoạn thơ, bài thơ, đoạn trích, tác phẩm văn xuôi.

+ Đối với thơ, cần chú ý đến hình thức thể hiện (hình ảnh, nhịp điệu, cấu trúc, biện pháp tu từ,..).

+ Đối với tác phẩm văn xuôi: chú ý đến cốt truyện, nhân vật, tình tiết, các dẫn chứng chính xác, giá trị hiện thực, giá trị nhân đạo, tình huống truyện,…

***2. Các dạng đề nghị luận văn học thường gặp trong đề thi HSG.***

Thông thường, nghị luận văn học có dạng cơ bản: nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ và nghị luận về một tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích). Tuy nhiên, đối với học sinh giỏi đề không chỉ dừng lại ở đó mà thường gắn với các vấn đề sau:

***a****. Nghị luận về một ý kiến bàn về văn học*

- Nghị luận về một giai đoạn văn học.

- Nghị luận về một vần đề mang tính lý luận được đặt ra trong tác phẩm văn học.

- Nghị luận về một vấn đề trong tác phẩm văn học

***b.*** *Nghị luận về một vấn đề mang tính chất so sánh đối chiếu trong văn học.*

***3. Yêu cầu đối với học sinh giỏi khi viết bài nghị luận văn học.***

Bên cạnh những yêu cầu kiến thức, kĩ năng cơ bản về viết bài văn nghị luận văn học đối với bất kì một học sinh nào thì học sinh giỏi cần thêm những yếu tố sau:

**a. Về kiến thức**

**- *Nắm chắc, hiểu sâu***, ***thấu đáo và toàn diện*** kiến thức tác phẩm: kiến thức văn học sử, tác giả, tác phẩm, giá trị nội dung, nghệ thuật… Điều này tưởng như đơn giản và thừa đối với học sinh giỏi. Song đôi khi do sự chủ quan cũng có học sinh nắm chưa chắc kiến thức nên dễ hiểu sai, hiểu chưa đúng những nội dung tư tưởng và giá trị nghệ thuật mà tác giả thể hiện nên dễ suy diễn lệch lạc.

- ***Tích luỹ kiến thức về lý luận văn học*** trong những buổi bồi dưỡng của thầy cô. Đối với đối tượng là học sinh giỏi, được trang bị kiến thức lý luận văn học giúp học sinh có những bình luận, đáng giá, nhận xét chuẩn xác hơn về một hiện tượng văn học nào đó, bài viết của các em trở nên sâu sắc hơn về ý tưởng, chặt chẽ hơn về lập luận, thuyết phục hơn khi đưa ra luận cứ.

Thực tế các kỳ thi học sinh giỏi cho thấy đề thi có liên quan đến kiến thức lý luận văn học chiếm một tỉ lệ khá lớn, dù với những dạng khác nhau.

Có những đề thi yêu cầu trực tiếp kiến thức lý luận để giải quyết vấn đề, giải quyết một hiện tượng văn học. Có những đề thi yêu cầu vận dụng một tỉ lệ kiến thức lý luận nhất định… Vì vậy trong quá trình giải quyết vấn đề cần có kiến thức này để cho bài văn thêm vững vàng về luận điểm, chặt chẽ trong lập luận, từ đó sẽ có sức thuyết phục hơn.

- ***Biết so sánh đối chiếu nét tương đồng và khác biệt giữa*** hai tác giả, tác phẩm ở cùng thời đại hoặc khác thời đại… Đây là kĩ năng khó. Vì vậy người viết không chỉ cần hiểu kĩ, hiểu sâu mà cần cả độ cảm nhận sâu sắc, tinh ý để thấy được điểm gặp gỡ tương đồng hay khác biệt ở các tác giả, tác phẩm.

**b. Về kĩ năng**

- Tổng hợp các kĩ năng nghị luận để lập luận chặt chẽ thuyết phục.

- Xác định đúng vấn đề nghị luận (luận đề) và hệ thống luận điểm, luận cứ để có kết cấu bài rõ ràng, khoa học. Biết phân tích và đưa dẫn chứng tiêu biểu phù hợp với hệ thống luận điểm để nổi bật trọng tâm bài viết, tránh trùng lặp.(Có đề thì phân tích bổ dọc tác phẩm, có đề phân tích bổ ngang tác phẩm, hoặc có đề chỉ lựa chọn một số chi tiết, hình ảnh, câu thơ câu văn tiêu biểu).

- Kết hợp các phương pháp lập luận giải thích, chứng minh (chủ yếu) với đánh giá tổng hợp vấn đề, khả năng cảm thụ, khám phá các giá trị của tác phẩm.

- Bài viết mạch lạc, lập luận thuyết phục, lời văn trong sáng, giàu hình ảnh, giàu cảm xúc.

**c. Về tâm lý**

Trong mỗi kì thi, học sinh gặp bao khó khăn: ***một khoảng thời gian không nhiều* (**150 phút cho một đề thi học sinh giói với nhiều phần kiến thức, kĩ năng tổng hợp), ***một không gian căng thẳng của phòng thi,*** hơn nữa ***đề thi*** hằng năm lại luôn ***thay đổi và biến hoá không ngừng.*** Đặc biệt hơn đốí với bài văn học sinh giỏi yếu tố ***biểu cảm*** - ***tình cảm, cảm xúc*** người viết rất quan trọng. Bởi lẽ là những rung cảm chân thành, tha thiết, những xúc động tinh tế của học sinh khi cảm nhận được tư tưởng, tình cảm đẹp được tác giả gửi gắm trong tác phẩm sẽ làm bài viết sâu sắc hơn, tác động mạnh mẽ hơn tới người đọc. Nếu không có bản lĩnh, sự tự tin thì sẽ không làm chủ được tư duy và cảm xúc của mình. Điều đó ảnh hưởng rất lớn đến kết quả bài thi. Vì vậy ngoài việc trang bị kiến thức, kĩ năng thì việc rèn bản lĩnh và lòng tự tin để học sinh có tâm lí ổn định khi làm bài thi là rất cần thiết.

**Phần II. Rèn kĩ năng viết kiểu bài nghị luận văn học cho học sinh giỏi lớp 9.**

**1. Kĩ năng chung cho các dạng đề học sinh giỏi thường gặp.**

***a. Nghị luận về một ý kiến bàn về văn học***

Ý kiến bàn về văn học có thể là một nhận định về văn học, một danh ngôn về vấn đề trong văn học. Vấn đề đó có thể thuộc lý luận văn học, về văn học sử, về tác phẩm, phong cách tác giả.

Để làm tốt được kiểu bài này giáo viên hướng dẫn học sinh như sau:

***- Yêu cầu về kiến thức***: Học sinh phải nắm được kiến thức về lý luận văn học, về văn học sử, về tác phẩm, về phong cách tác giả, quan điểm sáng tác…

Kiến thức có được là nhờ vào cả một quá trình tích luỹ, tổng hợp trong cả quá trình học tập, từ sách giáo khoa, từ các bài giảng của thầy cô…

***- Yêu cầu về phương pháp***: Phải hiểu đúng toàn diện nội dung, tinh thần của ý kiến, nhận định để xác định đề bài đề cập đến vấn đề gì, bản chất của vấn đề là gì?

Khi phân tích, chứng minh nhận định, học sinh phải biết nhìn nhận xem ý kiến, nhận định đó xác đáng chưa, sâu sắc chưa, có khía cạnh nào phải bàn thêm không, nếu có chúng ta cũng có thể sử dụng thao tác bình luận để làm sáng rõ quan điểm của mình.

**- Kĩ năng cho từng kiểu bài**:

**b. Nghị luận về một giai đoạn văn học (thường là dạng đề tổng hợp)**

***\* Nghị luận về một giai đoạn văn học:***  thường là các ý kiến bàn bạc, nhận định, khái quát chung về văn học Việt Nam, về các giai đoạn văn học, về các tác giả văn học,… Để lập ý và viết tốt bài văn thuộc dạng đề này, học sinh cần nắm được các yếu tố về hoàn cảnh lịch sử của giai đoạn văn học hoặc đặc điểm thời đại và hoàn cảnh sống của tác giả, lý giải được tại sao có những đặc điểm đó, nêu những biểu hiện của đặc điểm đó trong các tác phẩm, thấy đóng góp của vấn đề trong tiến trình phát triển của văn học. Với kiểu bài này học sinh phải có kiến thức tổng hợp về văn học, về lịch sử…Tuy nhiên, vài trở lại đây, đề học sinh giỏi ít ra dạng đề này.

***b.*** *Nghị luận về một vấn đề mang tính lý luận được đặt ra trong tác phẩm văn học*

Đây là kiểu bài đưa ra các ý kiến bàn về những đặc trưng cơ bản của văn học, các thể loại tiêu biểu như truyện, thơ, kịch,… các vấn đề thuộc phạm vi lý luận văn học như tiếp nhận văn học, phong cách nghệ thuật,… Để viết được bài văn hay và đúng cho kiểu bài này, học sinh cần có kiến thức lí luận sâu sắc để giải thích, cắt nghĩa và làm nổi bật vấn đề nghị luận. Đồng thời khi lập ý cho bài viết, học sinh cần xác định rõ vấn đề nghị luận, bàn đến vấn đề gì, thuộc phạm vi nào? Tại sao lại nói như thế? Nội dung ấy được biểu hiện như thế nào qua tác phẩm văn học tiêu biểu?

***c. Nghị luận về một vấn đề trong tác phẩm văn học***thường là các ý kiến đánh giá, nhận xét về một khía cạnh nào đó của tác phẩm như những giá trị nội dung, những đặc sắc nghệ thuật, những quy luật, khám phá, chiêm nghiệm về đời sống toát lên từ tác phẩm, những nhận xét về các nhân vật,… Để lập ý, để viết bài học sinh cần hiểu kĩ, hiểu sâu về tác phẩm, biết cách huy động kiến thức để làm sáng tỏ vấn đề. Cụ thể như: nêu xuất xứ của vấn đề (Xuất hiện ở phần nào của tác phẩm? Ai nói? Nói trong hoàn cảnh nào?,…), phân tích những biểu hiện cụ thể của vấn đề (Được biểu hiện như thế nào? Những dẫn chứng cụ thể để chứng minh,…). Từ đó đánh giá ý nghĩa của vấn đề trong việc tạo nên giá trị của tác phẩm văn học.

***d. Nghị luận về một vấn đề văn học mang tính chất so sánh, đối chiếu***

Đây là dạng đề yêu cầu học sinh phải biết tổng hợp, khái quát so sánh, đối chiếu những vấn đề trong các tác phẩm văn học.

Kiểu bài so sánh văn học yêu cầu thực hiện cách thức so sánh trên nhiều bình diện: đề tài, nhân vật, tình huống, cốt truyện, cái tôi trữ tình, chi tiết nghệ thuật, nghệ thuật trần thuật… Quá trình so sánh có thể chỉ diễn ra ở các tác phẩm của cùng một tác giả, nhưng cũng có thể diễn ra ở những tác phẩm của các tác giả cùng hoặc không cùng một thời đại, giữa các tác phẩm của những trào lưu, trường phái khác nhau của một nền văn học. Mục đích cuối cùng của kiểu bài này là yêu cầu học sinh chỉ ra được chỗ giống và khác nhau giữa hai tác phẩm, hai tác giả, từ đó thấy được những mặt kế thừa, những điểm cách tân của từng tác giả, từng tác phẩm; thấy được vẻ đẹp riêng của từng tác phẩm; sự đa dạng muôn màu của phong cách nhà văn. Đây là một kiểu bài khó đối với học sinh giỏi THCS.

Để làm tốt được kiểu bài này giáo viên phải hướng dẫn học sinh như sau:

***Yêu cầu về kiến thức***: Nhóm các văn bản về cùng một đề tài, một xu hướng, một trào lưu văn học.

***Yêu cầu về phương pháp***: Xác định được vấn đề cần phải làm sáng tỏ là gì? Giải thích cho người đọc hiểu khái niệm của vấn đề đó; biểu hiện của vấn đề đó trong từng tác phẩm cụ thể; so sánh để chỉ ra sự giống nhau, khác nhau của vấn đề đó trong từng tác phẩm; lý giải nguyên nhân vì sao có sự giống nhau và khác nhau đó.

**II. Cấu trúc bài nghị luận văn học**

**1. Nghị luận về bài thơ**

**a. Mở bài**

- Giới thiệu vấn đề nghị luận .

- Nêu phạm vi dẫn chứng ( tác giả, tác phẩm; dẫn nhận định nếu có ).

**b. Thân bài**

- Khái quát chung:

+ Hoàn cảnh sáng tác/ sự gặp gỡ về đề tài chủ đề với tác phẩm khác .

+ Giải thích nhận định ( nếu đề bài có ).

=> Dẫn chứng văn học .

- Phân tích , chứng minh làm rõ nội dung tư tưởng , nghệ thuật của từng khổ thơ trong bài hoặc theo luận điểm ( đủ cấp độ luận điểm -> lí lẽ ->dẫn chứng ) .

=> Dẫn chứng văn học .

- Bình luận mở rộng / nâng cao vấn đề .

+ Nhận xét về tâm hồn và tài năng của tác giả qua bài thơ .

+ Liên hệ bài học cuộc sống.

=> Dẫn chứng văn học.

**c. Kết bài**

- Đánh giá giá trị bài thơ trong hệ thống các tác phẩm của giai đoạn/chủ đề.

- Nhận xét về vị trí, đặc điểm phong cách nghệ thuật của nhà thơ.

**2. Nghị luận về đoạn thơ**

**a. Mở bài**

- Giới thiệu vấn đề nghị luận.

- Nêu phạm vi dẫn chứng (tác giả,tác phẩm,trích dẫn đoạn thơ; trích dẫn nhận định nếu có,...).

**b.Thân bài**

- Khái quát chung:

+ Hoàn cảnh sáng tác bài thơ.

+ Vị trí đoạn thơ để thấy được sự tiếp nối cảm xúc của đoạn thơ trong mạch cảm xúc của toàn bài.

+ Giải thích nhận định ( nếu đề bài có ).

=> Dẫn chứng văn học.

- Làm rõ nội dung tư tưởng,nghệ thuật của đoạn thơ theo từng câu hoặc theo luận điểm (đủ cấp độ luận điểm -> lí lẽ-> dẫn chứng).

=> Dẫn chứng văn học.

- Bình luận mở rộng/nâng cao vấn đề:

+ Nhận xét về tâm hồn và tài năng của tác giả qua bài thơ.

+ Liên hệ bài học cuộc sống.

=> Dẫn chứng văn học.

**c. Kết bài**

- Đánh giá vai trò và ý nghĩa đoạn thơ trong việc thể hiện tư tưởng bài thơ,thành công của bài thơ.

- Nhận xét phong cách nghệ thuật của nhà thơ.

**3. Nghị luận về ý nghĩa nhan đề bài thơ**

**a. Mở bài**

- Vai trò của nhan đề đối với tác phẩm nói chung .

- Giới thiệu về tác giả, tác phẩm, nhan đề tác phẩm .

**b.Thân bài**

- Nêu ý nghĩa nhan đề qua việc giải thích những từ ngữ / hình ảnh hàm chứa ý nghĩa , từ đó suy ra ý nghĩa của cả nhan đề .

=> Dẫn chứng trong bài thơ .

**c. Kết bài**

- Khẳng định sự thành công của tác giả với việc đặt nhan đề .

- Nêu tư tưởng , chủ đề bài thơ .

**4. Nghị luân về nhân vật hoặc nhóm nhân vật trong tác phẩm truyện / đoạn trích**

**a. Mở bài**

- Giới thiệu về tác giả , vị trí của tác giả trong nền văn học dân tộc .

- Giới thiệu về tác phẩm ( đánh giá sơ lược về tác phẩm ).

- Giới thiệu vấn đề cần nghị luận ( nhân vật / nhóm nhân vật - nhận định ).

**b. Thân bài**

- Khái quát chung :

+ Giải thích nhận định ( nếu có ).

+ Giới thiệu hoàn cảnh sáng tác / tình huống truyện .

+ Giới thiệu hoàn cảnh sống của nhân vật / nhóm nhân vật.

=> Dẫn chứng văn học.

- Phân tích ,chứng minh :

+ Ngoại hình .

+Tính cách , phẩm chất của nhân vật ( thông qua cử trỉ, lời nói , hành động , mối quan hệ của nhân vật đó với các nhân vật khác trong tác phẩm ).

=> Dẫn chứng văn học .

- Bình luận mở rộng / nâng cao vấn đề:

+ Nghệ thuật xây dựng nhân vật của tác giả .

+ Đánh giá về vai trò của nhân vật đối với tác phẩm và đối với sự thành công của tác giả , đặt vào hệ thống các tác phẩm cùng chủ đề .

+ Bài học cuộc sống em học được từ nhân vật .

=> Dẫn chứng văn học .

**c. Kết bài**

- Khẳng định sự thành công của tác giả với việc xây dựng nhân vật .

- Đánh giá giá trị tác phẩm.

**5. Nghị luận về một/hai nhận định liên quan đến tác phẩm truyện/đoạn trích**

**a. Mở bài**

- Giới thiệu về tác giả , vị trí của tác giả trong nền văn học dân tộc .

- Giới thiệu về tác phẩm ( đánh giá sơ lược về tác phẩm ).

-Giới thiệu vấn đề cần nghị luận ( nêu vấn đề nghị luận và trích dẫn nhận định ).

**b.Thân bài**

- Khái quát chung:

+ Giới thiệu hoàn cảnh sáng tác.

+ Giải thích nhận định(giải nghĩa từ khóa,giải thích nghĩa cả câu để thấy được vấn đề nghị luận ).

- Phân tích chứng minh : theo luyện điểm( đủ cấp độ luận điểm-> lí lẽ->dẫn chứng).

+ Khắng định tính đúng đắn của nhận định.Lí giải vì sao?

+ Phản biện,bổ sung tính toàn diện cho nhận định ( nếu có ).

=> Dẫn chứng văn học.

- BÌnh luận mở rộng/nâng cao vấn đề:

+ Nghệ thuật đặc sắc của tác phẩm/ đoạn trích .

+ Đánh giá về đặc điểm về đặc điểm sáng tác/phong cách nghệ thuật của tác giả qua việc đối sánh với các tác phẩm khác cùng chủ đề.

+ Bài học cuộc sống mà em nhận được từ tác phẩm/đoạn trích.

=> Dẫn chứng văn học

**c. Kết bài**

- Khẳng định sự thành công của tác phẩm/tác giả(xoay quanh vấn đề nghị luận).

- Đánh giá giá trị của tác phẩm.

**6. Nghị luận giải thích ý nghĩa nhan đề tác phẩm truyện**

**a. Mở bài**

- Vai trò của nhan đề đối với tác phẩm nói chung.

- Giới thiệu về tác giả,tác phẩm,nhan đề tác phẩm.

**b. Thân bài**

- Nêu ý nghĩa nhan đề qua việc giải thích những từ ngữ / hình ảnh hàm chứa ý nghĩa , từ đó suy ra ý nghĩa của cả nhan đề.

=> Dẫn chứng trong truyện.

**c. Kết bài**

- Khẳng định sự thành công của tác giả trong việc đặt nhan đề.

- Nêu tư tưởng, chủ đề chuyện.

 **7. Nghị luận vai trò tình huống truyện**

**a. Mở bài:**

- Giải thích và nêu vai trò của tình huống đối với tác phẩm.

- Giới thiệu về tác giả,tác phẩm;khẳng định sự thành công của tác phẩm trong việc sử dụng tình huống truyện đặc sắc.

**b. Thân bài:**

- Nêu tình huống.

- Phân tích vai trò tình huống:

+ Bộc lộ rõ nét tính cách,phẩm chất nhân vật(phân tích,chứng minh).

+ Thể hiện rõ tư tưởng,chủ đề của tác phẩm(phân tích,chứng minh).

=> Dẫn chứng trong truyện.

**c. Kết bài**

- Khẳng định sự thành công của tác giả với việc xây dựng tình huống.

- Nêu giá trị tác phẩm.

**8. Nghị luận về giá trị hiện thực, giá trị nhân đạo của tác phẩm trong truyện.**

**a. Mở bài**

- Giới thiệu về tác giả, vị trí của tác giả trong nền văn học dân tộc .

- Giới thiệu về tác phẩm ( đánh giá sơ lược về tác phẩm ).

- Giới thiệu vấn đề cần nghị luận ( nêu vấn đề nghị luận và trích dẫn nhận định).

**b.Thân bài**

- Khái quát chung:

+ Giới thiệu hoàn cảnh sáng tác.

+ Giải thích giá trị hiện thực,nhân đạo.

- Phân tích chứng minh: theo luận điểm( đủ theo cấp độ luận điểm-> lí lẽ-> dẫn chứng)

+ Giá trị hiện thực: phản ánh hiện thực đời sống xã hội như thế nào ? Phản ánh cuộc đời,số phận con người như thế nào ?

+ Giá trị nhân đạo: ngợi ca,chân trọng nét đẹp của con người(ngoại hình,phẩm chất);cảm thương với nỗi đau/ khổ cực của con người; đồng tình với những khát vọng,ước mơ chân chính của con người;lên án tố cáo những thế lực chà đạp lên nhân phẩm,danh dự của con người.

=> Dẫn chứng văn học.

- Bình luận mở rộng/nâng cao vấn đề:

+ Đặc sắc nghệ thuật của truyện để làm nổi bật giá trị hiện thực và giá trị nhân đạo.

+ Tài năng và tấm lòng mà tác giả thể hiện qua tác phẩm .

+ Bài học cuộc sống em nhận được từ tác phẩm/đoạn trích.

=> Dẫn chứng văn học.

**c. Kết bài**

- Khẳng định sự thành công của tác phẩm/tác giả(xoay quanh vấn đề nghị luận).

- Đánh giá giá trị của tác phẩm.

**9. Nghị luận so sánh văn học (cách triển khai ý nối tiếp)**

**a.Mở bài**

- Nêu vấn đề nghị luận.

- Giới thiệu khái quát về đối tượng so sánh( tên tác giả,văn bản;đoạn trích)

**b.Thân bài**

- Khái quát chung :

+ Giới thiệu hoàn cảnh sáng tác.

+ Đề tài chủ đề của cả hai tác phẩm.

- Phân tích,chứng minh: theo luận điểm( cấp độ luận điểm -> lí lẽ -> dẫn chứng)

+ Làm rõ đối tượng so sánh 1.

+ Làm rõ đối tượng so sánh 2.

+ So sánh: nét tương đồng,khác biệt.

=> Dẫn chứng văn học.

- Bình luận mở rộng/nâng cao vấn đề:

+ Lý giải sự khác biệt.

+ Tài năng và tấm lòng của tác giả thể hiện qua tác phẩm.

=> Dẫn chứng văn học.

**c. Kết bài**

- Khái quát nét giống và khác nhau tiêu biểu,đánh giá giá trị tạo nên sự phong phú của giai đoạn văn học.

 **10. Nghị luận so sánh văn học ( cách triển khai ý song song ).**

**a. Mở bài**

- Nêu vấn đề nghị luận.

-Giới thiệu khái quát về đối tượng so sánh( tên tác giả,văn bản;đoạn trích)

**b.Thân bài**

- Khái quát chung :

+ Giới thiệu hoàn cảnh sáng tác.

+ Đề tài chủ đề của cả hai tác phẩm.

- Phân tích,chứng minh: theo luận điểm( cấp độ luận điểm -> lí lẽ -> dẫn chứng)

+ Điểm giống nhau:

 Luận điểm 1 ( lấy dẫn chứng cả hai văn bản)

 Luận điểm 2 ( lấy dẫn chứng cả hai văn bản)

 Luận điểm...

+ Điểm khác nhau:

 Luận điểm 1 ( lấy dẫn chứng cả hai văn bản)

 Luận điểm 2 ( lấy dẫn chứng cả hai văn bản)

 Luận điểm...

=> Dẫn chứng văn học.

- Bình luận mở rộng/nâng cao vấn đề:

+ Lý giải sự khác biệt.

+ Tài năng và tấm lòng của tác giả thể hiện qua tác phẩm.

=> Dẫn chứng văn học.

**c. Kết bài**

- Khái quát nét giống và khác nhau tiêu biểu,đánh giá giá trị tạo nên sự phong phú của giai đoạn văn học.

**III. Áp dụng cấu trúc**

**1. Đề 1:** Có ý kiến cho rằng*: Niềm vui của nhà văn chân chính là được làm người dẫn đường đến xứ sở của cái đẹp*.

Hãy khám phá “*xứ sở của cái đẹp*” qua bài thơ *Đoàn thuyền đánh cá* ( Huy Cận, Ngữ văn 9, tập 1).

**\* Nêu vấn đề nghị luận**

- Dẫn dắt vấn đề

- Giới thiệu vấn đề nghị luận.

**\* Giải thích ý kiến**

- Nhà văn chân chính: Người hội tụ cả 2 yếu tố tâm, tài. Người luôn đặt mục đích sáng tác vào con người và cuộc sống. Đem ngòi bút của mình phục vụ đời sống và có ích cho con người.

- Xứ sở của cái đẹp: Thực chất là thế giới nghệ thuật mà nhà văn tạo dựng nên trong tác phẩm văn học.

+ Đó là vẻ đẹp của cảnh sắc thiên nhiên, tâm hồn con người. Là vẻ đẹp trong tư tưởng, tình cảm của con người trong lao động, chiến đấu, các lĩnh vực khác… mà nhà văn mang tới cho người đọc.

+ Vẻ đẹp hình thức là khả năng xây dựng được những hình tượng nghệ thuật sinh động, độc đáo, hấp dẫn. Là khả năng kết cấu chặt chẽ, tình huống hợp lí và khả năng sử dụng ngôn từ điêu luyện...

+ Người dẫn đường: Người đem đến cho người đọc những tác phẩm văn học có giá trị để người đọc có những rung cảm thẩm mĩ đánh thức tâm hồn con người làm cho con người yêu cuộc sống, khao khát hướng tới những gì đẹp đẽ tốt lành cho cuộc đời.

=> Nhận định trên đã đề cập đến vai trò sáng tạo và xứ mệnh của nhà văn chân chính – người sáng tạo ra cái Đẹp.

**\* Chứng minh**

- Xứ sở của cái đẹp trong *Đoàn thuyền đánh cá* được thể hiện ở vẻ đẹp của thiên nhiên vùng biển Hạ Long :

+ Đó là cảnh thiên nhiên bao la, bát ngát, hùng vĩ khiến cảnh lao động thêm hùng tráng.

+ Thiên nhiên kì ảo, thơ mộng khiến cảnh lao động trở lên thi vị

+ Thiên nhiên đầy sức sống, ấm áp, gần gũi với con người

+ Thiên nhiên giàu có ban tặng bao loài cá với vẻ đẹp lộng lẫy và rực rỡ làm nên kết quả tốt đẹp của người lao động, ...

(Lấy được dẫn chứng, phân tích)

->Tất cả làm nên một bức tranh thiên nhiên đẹp kì lạ, hấp dẫn gợi ra cho ta bao liên tưởng và yêu mến.

- Xứ sở của cái đẹp trong *Đoàn thuyền đánh cá* còn được thể hiện ở vẻ đẹp hấp dẫn của con người:

+ Niềm say mê hướng khởi trong LĐ

+ Tâm hồn phơi phới lạc quan.

+ Niềm vui thắng lợi qua thành quả lao động

-> Hình ảnh con người lao động được khắc họa trong sự hòa hợp với thiên nhiên, nổi bật ở vị trí trung tâm,. Tầm vóc của con người được do bằng tầm vóc của vũ trụ. Vẻ đẹp của họ vừa hào hùng,vừa lãng mạn.

->Tất cả đã tạo nên xứ sở của cái đẹp: thiên nhiên đẹp, con người đẹp

*\* Xứ sở của cái đẹp trong Đoàn thuyền đánh cá được thông qua những phương tiên nghệ thuậtđặc sắc:*

+ Thể thơ: thất ngôn trường thiên.

+ Ngôn từ hình ảnh đẹp kỳ vĩ tráng lệ

+ Giọng điệu: hào hùng, sôi nổi, say mê.

+ Vận dụng sáng tạo các biện pháp tu từ: nhân hóa, ẩn dụ, so sánh…

**\* Đánh giá**

- Ý kiến trên xác đáng đem đến cho người nghệ sĩ những kinh nghiệm sáng tác quý giá.

- Là cơ sở để người đọc tiếp nhận được thế giới nghệ thuật của nhà văn. Yêu cái đẹp của văn chương là chúng ta yêu tấm lòng của nhà văn. Họ là những kĩ sư tâm hồn đốt cháy mình để có được ánh sáng, niềm vui dẫn ta đến bến bờ xứ sở của cái đẹp trong cuộc sống.

- Cần phải hiểu, cái đẹp trong tác phẩm văn học đa dạng, phong phú được khơi nguồn kết tinh từ cuộc sống. Nhưng đời sống ấy được khúc xạ qua ánh sáng, cảm quan, quá trình lao động cực nhọc, sáng tạo, mê say của nhà văn để có được sức hấp dẫn, những giá trị đẹp của con người, làm cho con người sống tốt hơn.

**2. Đề 2: Bàn về lao động nghệ thuật của nhà văn, Mác-xen Pruxt cho rằng:**

**“Một cuộc thám hiểm thực sự không phải ở chỗ cần một vùng đất mới mà cần một đôi mắt mới”.**

**Bằng hiểu biết về tác phẩm “Bài thơ về tiểu đội xe không kính” của Phạm Tiến Duật (Ngữ văn 9, tập 1) liên với truyện ngắn “Lão Hạc” (Ngữ văn 8, tập 1) của Nam Cao em hãy làm rõ quan điểm về sáng tạo nghệ thuật của Mác-xen Pruxt.**

**a. Mở bài**

- Dẫn dắt và nêu vấn đề nghị luận.

**b. Thân bài**

**\* Giải thích:**

 - Cuộc thám hiểm thật sự:Quá trình lao động nghệ thuật (nghiêm túc, gian khổ và đầy bản lĩnh) của nhà văn để sáng tạo nên tác phẩm văn học đích thực.

- Vùng đất mới:Hiện thực đời sống chưa được nhà văn khám phá (đề tài mới).

**-** Đôi mắt mới: Cách nhìn và cách cảm thụ, phản ánh đời sống và con người mới mẻ, sáng tạo.

—> Ý kiến trên khẳng định cách nhìn, cách cảm thụ độc đáo, giàu tính phát hiện của nhà văn về đời sống và con người. Đây là biểu hiện để tạo nên phong cách riêng của người nghệ sĩ, dù trên những vùng đất mới hay đã cũ thì người nghệ sĩ ấy vẫn có dấu ấn riêng để khẳng định vị trí của mình trong văn học.

**\* Bàn luận**

- Để tạo nên tác phẩm nghệ thuật đích thực, nhà văn phải có tài năng, tâm huyết, có bản lĩnh và phải biết lao động nghệ thuật nghiêm túc, gian khổ giống như“cuộc thám hiểm thực sự”. Nếu dấn thân vào“vùng đất mới” mà nhà văn không có cách nhìn, cách cảm thụ đời sống mới mẻ thì cũng không thể tạo nên tác phẩm nghệ thuật có giá trị đích thực.

- Dù viết về đề tài đã cũ nhưng bằng cái nhìn độc đáo, giàu tính khám phá, phát hiện, nhà văn vẫn thấu suốt bản chất đời sống, mang lại cho tác phẩm giá trị tư tưởng sâu sắc.

- Nếu nhà văn có“đôi mắt mới”, biết nhìn nhận con người và đời sống giàu tính khám phá, phát hiện lại tiếp cận với một“vùng đất mới”, thì sức sáng tạo của nhà văn và giá trị của tác phẩm càng độc đáo, càng cao. Vì thế, coi trọng vai trò quyết định của“đôi mắt mới” nhưng cũng không nên phủ nhận ý nghĩa của“vùng đất mới” trong thực tiễn sáng tác.

- Để có cái nhìn và cách cảm thụ độc đáo nhà văn phải bám sát vào hiện thực đời sống; trau dồi tài năng, bản lĩnh (sự tinh tế, sắc sảo...); bồi dưỡng tâm hồn (tấm lòng, tình cảm đẹp với con người và cuộc đời...); xác lập một tư tưởng, quan điểm đúng đắn, tiến bộ.

**\* Chứng minh**

***\* Qua “Bài thơ về tiểu đội xe không kính”***

- Hoàn cảnh sáng tác của bài thơ

- Bài thơ khai thác đề tài người lính và chiến tranh – vùng đất quen thuộc với nhiều văn nghệ sĩ.

+ Tác phẩm đã tái hiện cuộc kháng chiến chống Mĩ với nhiều khó khăn gian khổ nơi chiến trường (bom giật, bom rung, kính vỡ, bụi phun, mưa xối…) và tinh thần chiến đấu, đời sống tình cảm của người lính lái xe trên tuyến đường Trường Sơn.

- Khác với các nhà thơ cùng thời, khi viết về đề tài người lính, Phạm Tiến Duật thể hiện một cách nhìn mới, một “đôi mắt mới”. Đôi mắt mới thể hiện ở việc khám phá ra một tứ thơ lạ xuất hiện trong cuộc sống đời thường của kháng chiến chống Mỹ (dẫn chứng)

-> Xây dựng hình tượng này, Phạm Tiến Duật vừa cho ta thấy sự khốc liệt của chiến tranh vừa làm nổi bật hình tượng trung tâm của bài thơ là người lính lái xe Trường Sơn.

- Nhà thơ không né tránh hiện thực mà nhìn thẳng vào cuộc kháng chiến khốc liệt để làm nổi bật chất thơ toát lên từ hiện thực khốc liệt của chiến tranh – Đó là vẻ đẹp của người lính

+ Tư thế ung dung, hiên ngang (dẫn chứng)

+ Tinh thần lạc quan, dũng cảm, bất chấp mọi khó khăn, gian khổ với thái độ ngang tàng, trẻ trung, tinh nghịch. (dẫn chứng)

+ Tình đồng đội, đồng chí cao đẹp giữa những người lính lái xe trên tuyến đường Trường Sơn đầy bom rơi, bão đạn. (dẫn chứng)

+ Ý chí quyết thắng, trái tim yêu nước nồng nàn, tất cả vì miền Nam phí trước. (dẫn chứng)

-> Đó là vẻ đẹp tiêu biểu của thế hệ trẻ Việt Nam trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

- Để truyền tải cái mới về hiện thực cuộc sống và con người, nhà thơ đã có những sáng tạo mang dấu ấn nghệ thuật riêng: Nhan đề, đề tài, khai thác chất liệu hiện thực đời sống, bút pháp tả thực kết hợp lãng mạn bay bổng, ngôn ngữ thơ gần với văn xuôi, giọng điệu trẻ trung, sôi nổi.

=> Với đôi mắt mới, cách nhìn mới, cách khám phá riêng về hiện thực cuộc sống và chiến đấu của người lính lái xe Trường Sơn Phạm Tiến Duật đã đưa vào trang thơ của mình bức tượng đài chân thực về hình ảnh người lính lái xe thời kỳ chống Mỹ cứu nước, với một vẻ đẹp riêng.

***\* Liên hệ truyện ngắn “Lão Hạc” của Nam Cao***

- Truyện ngắn đã khai thác về đề tài cuộc sống của người nông dân Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám năm 1945 đây cũng là một trong những đề tài quen thuộc được nhiều nhà văn khai thác và xây dựng như “Tắt đèn” của Ngô Tất Tố hay “Bước đường cùng” của Nguyễn Công Hoan.

- Cũng viết về cuộc sống của người nông dân trước Cách mạng tháng Tám năm 1945, tức là “vùng đất cũ” nhưng Nam Cao đã có “đôi mắt mới” để “khơi những nguồn chưa ai khơi và sáng tạo những gì chưa có”. Truyện ngắn “Lão Hạc” thể hiện cái nhìn mới, những khám phá bất ngờ về người nông dân thông qua nhân vật “Lão Hạc”

+ Nam Cao xây dựng Lão Hạc là một người nông dân hiền lành, lương thiện, chăm chỉ làm ăn nhưng có cuộc đời cô đơn, vất vả, đói kém, cơ cực.

Nhưng người nông dân ấy lại là một con người giàu đức hi sinh với một tình yêu con nồng nàn, sâu sắc.

+ Lão Hạc còn là một con người giàu lòng tự trọng: sống trong cái đói, cái nghèo nhưng không bị sự bần hàn ấy vấy bẩn, không bị tha hóa về nhân phẩm.

-> Lão Hạc trở thành điển hình cho số phận và vẻ đẹp của người nông dân trước cách mạng tháng Tám.

- Sáng tạo nghệ thuật độc đáo ở Nam Cao: giọng điệu triết lí sâu sắc về cuộc đời, nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật chân thực, cách kể chuyện hấp dẫn.

=> Nam Cao đã có cái nhìn và cách cảm thụ độc đáo về một đề tài đã cũ. Nhưng bằng “đôi mắt mới” và tài năng của mình đã tạo nên một phong cách riêng không lặp lại bất kỳ ai và cũng không lặp lại chính mình.

**\* So sánh hai tác phẩm**

- Điểm chung: Phạm Tiến Duật và Nam Cao đều chọn khai thác hiện thực từ những vùng đất đã cũ, đề tài cũ; Cả hai nhà thơ, nhà văn đều có khám phá riêng, tài năng riêng, độc đáo.

- Điểm riêng:

+ Phạm Tiến Duật khai thác đời sống ở chiến trường với vẻ đẹp ngang tàng của người lính lái xe Trường Sơn, với cái nhìn mới mẻ, đầy sáng tạo, giọng điệu ngang tàng, trẻ trung, tinh nghịch….

+ Nam Cao khai thác về đề tài người nông dân với đời sống bần cùng trước Cách mạng tháng Tám nhưng vẫn sáng người những phẩm chất cao quý, với cách kể chuyện hấp dẫn, nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật….

**\* Đánh giá, nâng cao**

- Khẳng định vai trò của đôi mắt mới trong cách cảm thụ đời sống của nhà văn.

- Để tạo nên tác phẩm nghệ thuật, để có cái nhìn và cách cảm thụ độc đáo nhà văn phải bám sát vào hiện thực đời sống, trau dồi tài năng…lao động nghệ thuật nghiêm túc như một “cuộc thám hiểm thực sự”.

- Người đọc khi tiếp cận tác phẩm cần trân trọng, đồng điệu với sáng tạo của nhà văn, nhà thơ.

**c. Kết bài**

- Khẳng định tính đúng đắn của ý kiến.

- Khái quát lại giá trị của tác phẩm và tài năng của nhà văn, nhà thơ.

**Ngày 20/11/2021**

**Có đủ bài soạn**

**TTCM**

**Lý Thị Xuân**

**CHUYÊN ĐỀ 4 : NGHỊ LUẬN VĂN HỌC**

**(LUYỆN ĐỀ)**

**Thời lượng: 5 buổi**

**Đề 1:** Nguyễn Đình Thi từng quan niệm: ***“Tác phẩm nghệ thuật nào cũng xây dựng bằng những chất liệu mượn ở thực tại. Nhưng nghệ sĩ không ghi lại cái đã có rồi mà còn muốn nói một điều gì mới mẻ. Anh gửi vào tác phẩm một lá thư, một lời nhắn nhủ, anh muốn đem một phần của mình góp vào đời sống chung quanh”.***

 **(**Trích ***Tiếng nói của văn nghệ*,** SGK *Ngữ văn 9*, Tập hai, NXB Giáo dục, 2011, tr.12 -13).

 Em hiểu thế nào là *điều mới mẻ, lời nhắn nhủ* trong quan niệm của Nguyễn Đình Thi? Qua bài thơ *Ánh trăng*, em hãy làm rõ *điều mới mẻ* và *lời nhắn nhủ* mà nhà thơ Nguyễn Duy muốn góp vào đời sống.

**Đáp án:**

**- *Yêu cầu về kĩ năng***

 *Hiểu đề, biết cách làm bài văn nghị luận văn học. Bố cục rõ ràng, lập luận chặt chẽ. Hành văn trôi chảy. Văn viết có cảm xúc. Không mắc lỗi diễn đạt, dùng từ, ngữ pháp, chính tả.*

***- Yêu cầu về kiến thức***

Học sinh có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng bài viết cần đáp ứng các yêu cầu sau:

**I. Mở bài**

- Văn học là tấm gương phản ánh hiện thực qua lăng kính chủ quan của các tác giả. Cho nên đến với mỗi tác phẩm văn học người đọc không chỉ thấy được bức tranh hiện thực mà còn thấy tâm tư, tình cảm, thấy những điều nhà văn muốn nói, muốn gửi tới bạn đọc.

- Vì thế nhà văn Nguyễn Đình Thi viết: “ Tác phẩm…chung quanh”

Với nhận định này nhà văn muốn khẳng định vai trò của chức năng giáo dục và cải tạo xã hội của văn học nghệ thuật.

- Soi vào ***Ánh trăng*** của nhà thơ Nguyễn Duy ta thấy nhận định ấy thật đúng.

**II. Thân bài**

1. Giải thích

 - *Điều mới mẻ*: là cách cảm nhận và thể hiện độc đáo của người nghệ sĩ về hiện thực đời sống.

- *Lời nhắn nhủ*: Là tư tưởng, tình cảm, thông điệp thẩm mỹ mà người nghệ sĩ muốn gửi đến bạn đọc thông qua tác phẩm nghệ thuật của mình.

Thông điệp ấy gắn với chức năng giáo dục và cải tạo xã hội của văn học nghệ thuật

***2. Phân tích, chứng minh****: Điều mới mẻ và lời nhắn nhủ*của Nguyễn Duyqua ***Ánh trăng* (4,0 điểm)**

 *- Giới thiệu khái quát về tác giả, tác phẩm (0,25 điểm)*

+ Nguyễn Duy là nhà thơ – chiến sĩ, gương mặt tiêu biểu trong lớp nhà thơ trẻ thời chống Mĩ cứu nước. Ông cũng là cây bút có sức sáng tạo bền bỉ sau năm 1975.

+ ***Ánh trăng*** được viết năm 1978 tại Thành phố Hồ Chí Minh. Bài thơ vừa mang đến *điều mới mẻ*, vừa là *lời nhắn nhủ* sâu sắc của Nguyễn Duy về thái độ sống của con người.

- *Điều mới mẻ mà Nguyễn Duy thể hiện qua* ***Ánh trăng*** *(2,0 điểm)*

 Trăng là đề tài quen thuộc của thơ ca xưa nay, nhưng Nguyễn Duy vẫn có những cảm nhận và cách thể hiện riêng.

 + *Bài thơ* ***Ánh trăng*** *mới mẻ ở nội dung*:

 Trăng được thể hiện như là biểu tượng cho vẻ đẹp bình dị mà vĩnh hằng của thiên nhiên, theo nhân vật trữ tình từ thời thơ ấu bình yên đến những ngày chiến tranh ở rừng. Vì thế, trăng còn là biểu tượng của quá khứ gian khó mà tươi đẹp, của nghĩa tình thắm thiết, đằm sâu với quê hương, đồng đội, bạn bè.

 Trăng còn được Nguyễn Duy đặt vào trong mối quan hệ đa chiều với nhân vật trữ tình: Nếu quá khứ trăng là *tri kỉ* thì hiện tại trăng bị biến thành *người dưng*. Từ tình huống *Thình lình đèn điện tắt*, nhà thơ phát hiện thêm một vẻ đẹp khác đáng trân trọng của trăng: thuỷ chung, bao dung mà nghiêm khắc, có khả năng thức tỉnh con người.

 + *Bài thơ* ***Ánh trăng*** *mới mẻ ở nghệ thuật*: Ngôn ngữ giản dị, mộc mạc mà vẫn chứa chất triết lý sâu xa; hình ảnh thơ đa nghĩa, có tính biểu tượng cao; kết hợp giữa chất tự sự với tính trữ tình; kết cấu bài thơ theo mạch thời gian; tạo được tình huống bất ngờ; hầu như không sử dụng dấu chấm câu và chỉ viết hoa chữ đầu tiên của mỗi khổ thơ...

*- Lời nhắn nhủ của tác giả qua bài thơ (1,5 điểm):*

+ Bài thơ có ý nghĩa như một lời cảnh tỉnh, lời nhắc nhở chúng ta đừng quên đi những gì đẹp đẽ đã gắn bó với con người trong quá khứ, cần phải sống tình nghĩa, thuỷ chung. Đạo lý “uống nước nhớ nguồn” đã được gửi gắm kín đáo và tinh tế.

+ Trong cuộc sống, con người cũng cần những phút “*giật mình*”, nghĩa là trạng thái thức tỉnh của lương tâm, soi lại bản thân để nhận ra sự thiếu sót, vị kỉ, chưa hoàn thiện. Nếu không có những phút giật mình như thế, con người ta rất dễ đánh mất chính mình, phản bội lại quá khứ ân tình, ân nghĩa.

***3. Đánh giá (0,5 điểm)***

- Chính những khám phá mới mẻ về nội dung nghệ thuật, chính thông điệp giàu tính nhân văn đã làm nên sức sống của bài thơ và phong cách nghệ thuật của nhà thơ Nguyễn Duy. Đó đồng thời là bản chất của sáng tạo nghệ thuật, là yêu cầu đối với mỗi người nghệ sĩ (bài học về sáng tạo).

- Bài thơ không phải là một sản phẩm của triết lý khô khan, lời nhắn nhủ phải được thể hiện với tính nghệ thuật mới có khả năng lay động. Điều đó cũng đòi hỏi độc giả phải là người đồng sáng tạo để cảm nhận được những thông điệp mà người nghệ sĩ muốn gửi tới (bài học về tiếp nhận).

**III. Kết bài**

- Khẳng định lại vấn đề

- Suy nghĩ của bản thân

**Đề 2:** ***Nét tương đồng và khác biệt trong cảm hứng trữ tình của Bằng Việt và Nguyễn Duy qua hai bài thơ “Bếp lửa” và “Ánh trăng”.***

**Đáp án gợi ý**

***\* Về kỹ năng:*** Hiểu đúng yêu cầu của đề bài. Biết cách làm bài văn nghị luận (so sánh văn học) bố cục rõ ràng, kết cấu hợp lý. Diễn đạt tốt, không mắc các lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.

***\* Về nội dung :***

 Học sinh có thể sắp xếp trình bày theo nhiều cách khác nhau, có thể có những ý kiến riêng miễn sao phải phù hợp với yêu cầu của đề bài. Dù triển khai theo trình tự nào cũng cần đạt được những ý chính sau đây.

**I. Mở bài**. Giới thiệu vài nét về tác giả, tác phẩm và vấn đề cần nghị luận:

 - Bằng Việt thuộc thế hệ các nhà thơ trẻ trưởng thành trong kháng chiến chống Mĩ. Bài thơ ***Bếp lửa*** được sáng tác năm 1963 khi tác giả đang là sinh viên học ngành Luật ở nước ngoài.

 - Nguyễn Duy cũng là gương mặt tiêu biểu cho lớp nhà thơ trẻ trưởng thành trong thời kì kháng chiến chống Mĩ. Bài thơ ***Ánh trăng*** được viết năm 1978, khi nhà thơ đã rời quân ngũ chuyển sang làm công tác văn nghệ.

 - Cảm hứng trữ tình của cả hai bài thơ: Hồi ức về quá khứ, thể hiện nghĩa tình con người, bày tỏ những suy nghĩ và bài học triết lý nhân sinh.

***II. Thân bài***

1.Giải thích vấn đề:

 - Trữ tình là sự bộc lộ cảm xúc một cách trực tiếp trước hiện tượng đời sống. Trong thơ, cảm hứng trữ tình là yếu tố đầu tiên hình thành, là mạch cảm xúc xuyên suốt và chi phối hệ thống hình tượng nghệ thuật của toàn tác phẩm.

 - Hai bài thơ **Bếp lửa** và **Ánh trăng** vừa có sự tương đồng lại vừa có nét khác biệt trong cảm hứng trữ tình.

2. Chứng minh

a. Nét tương đồng trong cảm hứng trữ tình của hai bài thơ:

- Cảm hứng của hai nhà thơ đều được khơi gợi từ những hình ảnh quen thuộc, gần gũi hàng ngày, từ đó nâng lên thành những hình tượng thơ giàu ý nghĩa.

 - Cảm hứng của hai nhà thơ đều gắn liền với những kí ức sâu đậm.

 - Cả hai bài thơ đều được xem như là niềm tự thức của các tác giả, nhớ về cội nguồn và từ đó đưa đến những suy ngẫm, chiêm nghiệm thấm thía, mang ý nghĩa nhân sinh sâu sắc.

- Cảm xúc của hai nhà thơ trong hai bài thơ “Bếp lửa” và “Ánh trăng" đều được thể hiện bằng giọng tự sự, giãi bày.

b. Nét khác biệt trong cảm hứng trữ tình của hai bài thơ***:***

\*. Cảm hứng trữ tình trong bài thơ ***Bếp lửa***:

 - Được khơi gợi từ một hình ảnh trong đời sống sinh hoạt ấm áp, thường nhật của gia đình: Bếp lửa, ngọn lửa.

 - Gắn với hình ảnh người bà và kí ức đẹp đẽ của những năm tháng tuổi thơ tác giả: từ nỗi nhớ về cái bếp lửa cụ thể, hiện lên hình ảnh người bà đã nuôi nấng, chăm sóc, ấp iu sớm hôm (Bà vẫn giữ thói quen dậy sớm,..Nhóm dậy cả những tâm tình tuổi nhỏ) Đây là một tình cảm vừa rất cụ thể, vừa sâu sắc.

 - Gợi tình bà cháu, tình cảm gia đình, tình quê hương, đất nước.

 - Là nguồn sống, di dưỡng tâm hồn nhà thơ trong suốt cuộc đời.

\*. Cảm hứng trữ tình trong bài thơ ***Ánh trăng***:

 - Được khơi gợi từ một hình ảnh thiên nhiên lớn lao, cao cả: Ánh trăng.

 - Gắn với kí ức của một người lính: với đông đội, núi rừng, đồng, bể : (hồi chiến tranh ở rừng; vầng trăng thành tri kỉ),với những năm tháng chiến tranh gian khổ mà nghĩa tình.

- Gợi quá khứ vẹn nguyên, trong sáng, thuỷ chung, độ lượng, bao dung (ngửa mặt lên nhìn mặt…trăng cứ tròn vành vạnh; kể chi người vô tình).

- Là nguồn sáng lay thức, soi thấu (ánh trăng im phăng phắc; đủ cho ta giật mình)vào lương tri để từ đó con người thức tỉnh, chiêm nghiệm, nhận ra chính mình, trở về với quá khứ nghĩa tình. Soi mình vào quá khứ để điều chỉnh sự lệch chuẩn của hiện tại, rút ra bài học nhân sinh thấm thía.

3. Đánh giá khái quát:

 - Nét tương đồng trong cảm hứng của hai nhà thơ, cho thấy sự gần gũi về quan điểm thẩm mĩ, quan niệm nhân sinh của hai tác giả.Tiếng nói trữ tình đó tiêu biểu cho suy nghĩ, tình cảm của cả một thế hệ nhà thơ và của cả dân tộc.

 - Sự khác biệt trong cảm hứng ở hai bài thơ xuất phát từ tài năng, cá tính sáng tạo của mỗi thi sỹ và đem lại sự đa điệu, đa vẻ cho thơ trữ tình Việt Nam hiện đại.

**3. Kết bài**

* Khẳng định lại vấn đề
* Suy nghĩ của bản thân

**Đề 3:** Nhận xét về văn học Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám 1945, có ý kiến viết:

“*Văn học của ta đã xây dựng và thể hiện sinh động hình ảnh của thế hệ trẻ.*

***“Xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước”*** *với ý thức ngày càng sâu sắc về trách nhiệm của thế hệ trước dân tộc và nhân dân, trước Tổ quốc và lịch sử.”*

 Qua một số tác phẩm đã học, em hãy làm sáng tỏ ý kiến trên

**\* Về kĩ năng:**

- Biết cách làm bài văn nghị luận văn học có bố cục rõ ràng, đúng thao tác nghị luận, diễn đạt sáng rõ, không mắc lỗi diễn đạt, dùng từ, đặt câu.

- Xác định đúng vấn đề nghị luận: ***Vẻ đẹp của hình ảnh thế hệ trẻ Việt Nam trong kháng chiến chống Mĩ*** và phạm vi tư liệu

**Lưu ý**: Về phạm vi tư liệu sử dụng cho bài viết, ngoài hai văn bản đã học ở học kì I lớp 9 là ***Bài thơ về tiểu đội xe không kính*** của Phạm Tiến Duật và ***Lặng lẽ Sa Pa*** của Nguyễn Thành Long, giám khảo cần khuyến khích cho những thí sinh có thêm những dẫn chứng ở các tác phẩm khác ở HKII hoặc ngoài chương trình cùng đề tài.

**Đáp án gợi ý:**

**\* Về kiến thức**

 Bài viết cần trình bày được những nội dung cơ bản sau:

**1. Mở bài**

- Giới thiệu vấn đề nghị luận: Hình ảnh thế hệ trẻ Việt Nam qua thực tế văn học chống Mĩ

- Trích ý kiến

- Khái quát vấn đề

**2. Thân bài**

**a. Khái quát chung (1điểm)**

- Hoàn cảnh lịch sử: Hai mươi năm dân tộc Việt Nam tiến hành cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước. Đó là cuộc chiến đấu đầy gian khổ, ác liệt và hi sinh.

- Hình ảnh trung tâm của thời đại, niềm tự hào của dân tộc và cũng là hình ảnh trung tâm của văn học kháng chiến chống Mĩ đó là hình ảnh thế hệ trẻ Việt Nam - thế hệ đóng góp lớn công sức và xương máu cho sự nghiệp giải phóng dân tộc và dựng xây đất nước:

*Xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước*

 *Mà lòng phơi phới dậy tương lai*

Bởi vậy văn học giai đoạn từ sau Cách mạng tháng Tám 1945, nhiều tác phẩm thơ ca cũng như văn xuôi của các tác giả đã khắc hoạ sinh động hình ảnh thế hệ trẻ Việt Nam trong kháng chiến chống Mĩ: Họ là những người lính lái xe Trường Sơn; những cô gái thanh niên xung phong trên chiến trường; những con người ngày đêm miệt mài lao động cống hiến cho đất nước...

- Họ đều là những thanh niên sống có lý tưởng cao đẹp, họ nguyện đem sức trẻ, tinh thần, trí tuệ…cống hiến cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.Tuy nhiệm vụ khác nhau nhưng họ cùng chung mục đích, lý tưởng là bảo vệ và xây dựng đất nước nên ở họ đều toả sáng những phẩm chất cao đẹp tuyệt vời.

**b. Phân tích và chứng minh**

**\* Luận điểm 1**: ***Đó là lớp thanh niên trẻ có lý tưởng cách mạng cao đẹp, có hoài bão ước mơ, sẵn sàng cống hiến sức trẻ cho đất nước (1,25điểm)***

- Lý tưởng cao đẹp của những người lính lái xe Trường Sơn: Vì sự nghiệp giải phóng miền Nam thống nhất đất nước

*Xe vẫn chạy vì miền Nam phía trước*

*Chỉ cần trong xe có một trái tim.*

***(Bài thơ về tiểu đội xe không kính)***

Nhân vật anh thanh niên dù tuổi đời còn rất trẻ nhưng anh đã ý thức được một cách sâu sắc về trách nhiệm của mình (một công dân) đối với quê hương đất nước, mà cao hơn là lý tưởng sống, lý tưởng cách mạng

“ Mình sinh ra là gì,mình đẻ ở đâu, mình vì ai mà làm việc?” (Lặng lẽ Sa Pa)

**\* Luận điểm 2: Họ là những con người dũng cảm, gan dạ, đầy tinh thần trách nhiệm, coi thường hiểm nguy,vượt qua mọi gian khổ sẵn sàng hi sinh để hoàn thành nhiệm vụ (1,25điểm).**

- Những người lính lái xe Trường Sơn với tinh thần dũng cảm và ý chí kiên cường vì sự nghiệp giải phóng đất nước đã giúp họ vượt qua sự nguy hiểm của bom đạn ( sự ác liệt trên tuyến đường Trường Sơn thời chống Mĩ), vượt qua sự khó khăn gian khổ để hoàn thành nhiệm vụ

“ Không có kính không phải vì xe không có kính

Bom giật bom rung kính vỡ đi rồi…”

“ Không có kính ừ thì có bụi….”

“ Không có kính ừ thì ướt áo…”

“ Lại đi, lại đi trời xanh thêm.”

- Anh thanh niên với lòng yêu nghề và tinh thần trách nhiệm đã giúp anh vượt qua nỗi cô đơn, vượt qua mọi gian khổ để hoàn thành nhiệm vụ

“ Cháu ở đây có nhiệm vụ đo nắng, đo mưa….xong việc trở vào là không thể nào ngủ lại được.”

**\*. Luận điểm 3: Ở họ có tình đồng chí, đồng đội gắn bó thân thiết, sẵn sàng chia sẻ với nhau trong cuộc sống thiếu thốn, gian khổ và hiểm nguy.(1,25điểm).**

- Những người lính lái xe Trường Sơn từ sự cùng chung nhiệm vụ, lý tưởng họ đã trở thành đồng đội của nhau, sẻ chia với nhau những gian khổ ở chiến trường, tình đồng đội đã tiếp thêm cho họ sức mạnh để vượt qua bom đạn hiểm nguy. Hơn thế họ còn coi nhau như anh em trong một gia đình.

 (Dẫn chứng và phân tích)

Anh thanh niên có thể vượt qua nỗi cô đơn, vượt qua mọi sự gian khổ để hoàn thành nhiệm vụ là vì anh luôn suy nghĩ anh không cô đơn mà luôn có đồng đội tiếp sức cho anh: “ Huống chi công việc của cháu gắn liền với việc của bao anh em đồng chí dưới kia”. Vì đồng đội mà anh luôn cố gắng trong công việc bởi anh luôn thấy những đóng góp của mình cho đất nước còn quá nhỏ bé so với họ (anh bạn trên đỉnh Phan-xi-păng, anh cán bộ nghiên cứu bản đồ sét, ông kĩ sư vườn rau Sa- Pa).

**\*Luận điểm 4: Giữa những khó khăn ác liệt của cuộc sống họ vẫn tràn đầy tinh thần lạc quan, sự trẻ trung, lãng mạn của tuổi trẻ(1,25điểm)**

Sự trẻ trung, ngang tàng, sôi nổi đậm chất lính của những chiến sĩ lái xe Trường Sơn giữa chiến trường ác liệt. Thái độ bất chấp những gian khổ hiểm nguy.

 (Dẫn chứng và phân tích)

Anh thanh niên, qua những lời anh tâm sự với ông hoạ sĩ và cô kĩ sư về cuộc sống một mình của anh, về công việc của anh ta thấy được ý chí nghị lực phi thường ở anh“ …Nếu là nỗi nhớ phồn hoa đô hội thì xoàng…”. Không chỉ vậy, ngoài giờ làm việc còn trồng hoa, nuôi gà và đặc biệt là dành thời gian để đọc sách mở mang hiểu biết.

**c. Đánh giá (0,5điểm)**

Hình ảnh thế hệ trẻ Việt Nam trong kháng chiến chống Mĩ hiện lên chân thực, sinh động trên các trang văn của các tác giả đã có sức thuyết phục với người đọc.

Hình ảnh ấy không chỉ cho thấy tài năng của các tác giả mà còn cho chúng ta thấy sự am hiểu, trải nghiệm cuộc sống trong những năm kháng chiến ác liệt của các nhà văn, nhà thơ.

Qua đó, chúng ta có thể hiểu thêm về lịch sử dân tộc, thêm tự hào và tiếp bước truyền thống các thế hệ cha anh.

**3. Kết bài**

- Khẳng định lại vấn đề

- Suy nghĩ của bản thân

**Đề 4: Có ý kiến cho rằng: Tác phẩm văn học là sự phản ánh khúc xạ, vang hưởng đời sống hiện thực, là tấm gương phản ánh diện mạo lịch sử của một thời kì.**

**Anh (chị) hiểu ý kiến trên như thế nào? Bằng sự hiểu biết của mình về hoàn cảnh lịch sử đất nước, con người Việt Nam trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, hãy làm sáng tỏ qua tác phẩm Đồng chí của Chính Hữu và Bài thơ tiểu đội xe không kính của Phạm Tiến Duật**

# *\* Định hướng làm bài*

**1. Giải thích**

- Phản ánh khúc xạ : là sự tái hiện những đặc trưng của cuộc sống vào tác phẩm

- Vang hưởng:thanh âm có sức lan truyền

- Đ/sống hiện thực:đó là cuộc sống của con người với các mối quan hệ đa diện,đa chiều

- Diện mạo lịch sử của một thời kỳ : là nét tiêu biểu của một giai đoạn lịch sử
=> Tác phẩm văn học là sự phản ánh khúc xạ vang hưởng,đời sống hiện thực,là tấm gương phản ánh diện mạo lịch sử của một thời kỳ có nghĩa là văn học phản ánh đời sống,cho người đọc một cái nhìn toàn diện về một thời ký lịch sử mà tác phẩm ra đời

**2. Chứng minh qua hai tác phẩm**

***2.1. Tác phẩm “ Đồng chí” –Chính hữu***

*\* Hoàn cảnh sáng tác*

***Đồng chí*** được sáng tác năm 1948 thời điểm sau chiến dịch Việt bắc,quân và dân ta đã đánh thắng cuộc tiến công quy mô lớn của quân pháp cuối năm 1947 lên khu căn cứ địa Việt Bắc. Chính hữu là một nhà thơ-chiến sĩ,là chính trị viên đại đội thuộc trung đoàn thủ đô,ông cùng đơn vị tham gia chiến đấu suốt chiến dịch. Tác phẩm ra đời là kết quả của những trải nghiệm chân thực và những cảm xúc sâu xa,mạnh mẽ của tác giả với đồng đội trong chiến dịch việt bắc

\* Bài thơ “ *Đồng chí*” là sự phản ánh khúc xạ,vang hưởng đời sống hiện thực,là tấm gương phản ánh diện mạo lịch sử của một thời kỳ kháng chiến chống Pháp gian khổ mà oanh liệt.

- *Đồng chí* được viết từ sự rung cảm của tác giả trước hiện thực của cuộc kháng chiến chống pháp đầy khó khan,gian khổ.Thi sĩ xúc động,cảm phục trân trọng vể đẹp của người lính và tình đồng đội keo sơn gắn bó của họ.

+ Cở sở hình thành tình đồng chí : họ cùng nguồn gốc xuất thân,ra quê từ những vùng quê nghèo hội tụ thành đồng chí,đồng đội,đồng chí hướng,đồng nhiệm vụ cầm súng và bảo vệ độc lập tự do dân tộc.Buổi đầu xa lạ để rồi thành tri kỷ,thành đồng chí,thương nhau nắm lấy đôi bàn tay.

+ Họ cùng nhau nếm trải và sẻ chia những khó khan,thiếu thốn:sốt run người vầng chán ướt mồ hôi,áo rách,quần vá,miệng cười buốt giá,chân không giày,rừng hoang sương muối… Hiện thực của cuộc kháng chiến được tái hiện chân thực đến từng góc cạnh. Nhưng vượt lên trên tất cả vẫn là tình đồng chí, đồng đội thiêng liêng cao đẹp.

+ Gian nan, thiếu thốn, hi sinh nhưng lí tưởng của người lính vô cùng cao đẹp. Đó là lí tưởng chiến đấu bảo vệ đất nước. Vẻ đẹp chân thực nhưng cũng rất hào hoa của người lính được nhà thơ thể hiện bằng hình ảnh nghệ thuật đầy sáng tạo Đầu súng trăng treo.Bút pháp lãng mạn bay bổng ở hình ảnh kết thúc của bài thơ để lại ấn tượng trong tâm hồn người đọc.

=> Bằng sự kết hợp hài hòa giữa bút pháp hiện thực và lãng mạn,hình ảnh người lính hiện lên chân thực, giản dị,hàm súc và giàu sức biểu cảm. Tình đồng chí của người lính dựa trên cơ sở cùng chung cảnh ngộ và lí tưởng chiến đấu đã góp phần quan trọng tạo nên sức mạnh và vẻ đẹp tinh thần của người lính cách mạng. Đồng chí đã trở thành biểu tượng đẹp của thơ ca kháng chiến chống Pháp.

***2.2. Bài thơ về tiểu đội xe không kính –* Phạm Tiến Duật**

*\* Hoàn cảnh sáng tác*

Bài thơ về tiểu đội xe không kính được sáng tác năm 1969 khi cuộc kháng chiến chống Mĩ đang diễn ra ác liệt. Đế quốc Mĩ thực hiện chiến lược Việt Nam hóa chiến tranh gây ra cuộc chiến hủy diệt, tàn khốc với dân tộc Việt Nam. Song cả dân tộc với tinh thần độc lập, tự do đã đoàn kết đứng dậy đấu tranh, quyết đánh cho Mĩ cút, đánh cho Ngụy nhào. Đặc biệt là tinh thần của lớp thanh niên Xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước.Phạm Tiến Duật cũng là nhà thơ – chiến sĩ có mặt trong đội ngũ trùng trùng điệp điệp ấy. Ông đã tìm thấy chất thơ trong cuộc sống, chiến đấu đầy gian khổ của người lính thời chống Mĩ.

**\* Bài thơ về tiểu đội xe không kính** là sự phản ánh khúc xạ, vang hưởng đời sống hiện thực, là tấm gương phản ánh diện mạo lịch sử của một thời kì kháng chiến chống Mĩ hào hùng và oanh liệt.

- **Bài thơ về tiểu đội xe không kính** được gợi cảm hứng từ hình tượng độc đáo: những chiếc xe không kính và người chiến sĩ lái xe trên tuyến đường Trường Sơn những năm chống Mĩ. Giặc Mĩ bắn phá miền Bắc ác liệt với âm mưu hủy diệt chặn đứng con đường huyết mạnh nối liền hai miền Nam – Bắc .dưới mưa bom,bão đạn của kẻ thù,những chiếc xe vận tải tiếp sức cho tiền tuyến đã bị biến dạng :không kính,không đèn,không mái…những chiếc xe vẫn ngày đêm bang qua bom đạn tiến thẳng qua mặt trận và trở thành biểu tượng của một anh hùng,phản ánh đúng tinh thần khốc liệt của cuộc chiến.Hình ảnh thơ traanf trụi nhưng độc đáo,đầy sáng tạo…

- Vẻ đẹp hình tượng người lính lái xe Trường sơn gắn liền với hình tượng của những chiếc xe không kính.Người lính lái xe trẻ trung,năng động,dũng cảm,lạc quan,yêu đời đã truyền qua vô lăng khí thế hiên ngang,bất khuất,tính cách ngang tang,dũng mãnh,quả cảm bất chấp mọi gian nguy thiếu thốn để người lái xe hoàn thành nhiệm vụ.

+ Tư thế hiên ngang,tự tin,tự hào và đầy chất lãng mạng,của người lính lái xe nhìn đất,nhìn trời,nhìn thẳng,nhìn thấy con đường chạy thẳng vào tim,.. mặc cho mọi thứ có thể va đập,quăng quật vào buồng lái gây nguy hiểm như gió,mưa,bụi,cánh chim,tất cả đều được bình thường hóa và được cảm nhận bằng tâm hồn trẻ trung và lãng mạn.

+ Ý chí, nghị lực phi thường vượt qua điều kiện thiếu thốn,khó khan gian khổ. Sự bình thản của người lái xe đạt tới mức vô tư,phớt tỉnh,người lính mang nét đẹp giản dị phóng trần kiêu hùng và lãng mạn:chưa cần rửa..chưa cần thay..gió lùa mau khô thôi.

+ Niềm vui gia đình của người lính là tình đồng chí, đồng đội, điều kiện làm nên sức mạnh để người lính vượt qua những gian khổ là tình yêu đất nước,là long nhiệt tình cách mạng của tuổi trẻ ,quyết tâm chiến đấu giải phóng miền nam thống nhất đất nước.Đó là sự đối lập đầy kịch tính bất ngờ dưới giữa người và xe,giữa vật chất và tinh thần,giữa cái không với cái khó….. Tất cả làm nên sự gai góc khốc liệt của cuộc chiến và phẩm chất anh hùng bất khuất đẹp đẽ của con người.

=> Bằng việc khai thác chất liệu hiện thực của đời sống chiến tranh;những chiếc xe không kính và phẩm chất cao đẹp của người lính lái xe Trường Sơn,bài thơ đã góp phần tạo nên chất thơ mới,giọng điệu,thanh khí mới cho thơ ca thời chống Mỹ.

***4. Đánh giá chung***

- Khẳng định tính đúng đắn của ý kiến trên,bởi nhiệm vụ của nghệ thuật nói chung và văn học nói riêng là phản ánh đời sống đến với văn học là đến với cuộc đời,mỗi trang văn đều soi bóng thời đại mà nó ra đời,mỗi tác phẩm đều mang trong mình âm vang của thời đại.

- Hai bài thơ là minh chứng cho thực tế lịch sử ,là bài ca ca ngợi người lính giúp thế hệ sau thấy được thời kỳ kháng chiến chống thực dân Phâp và đế quốc Mỹ gian khổ ,hy sinh nhưng rất nỗi anh hùng.

- Bài học đối với nghệ sĩ và bạn đọc: để viết được tác phẩm giàu giá trị hiện thực, người nghệ sĩ phải hòa mình vào hơi thở của thời đại ,thiết tha với nhịp sống của cuộc đời,trở trăn trước mọi vấn đề dân tộc .Văn học gắn liền với cuộc sống vì thế khi đến với văn học bạn phải mang theo tâm thế khám phá phát hiện…..

 **ĐỀ 5: Có ý kiến cho rằng: *Thơ ca bắt rễ từ lòng người, nở hoa nơi từ ngữ.***

 Hãy làm sáng tỏ điều đó qua một bài thơ trong chương trình N.văn đã học.

**1. Giải thích** (2,0 điểm)
- Thơ ca: trước hết là một loại hình văn học, sau nữa có thể hiểu là chỉ văn
học nghệ thuật nói chung.
- Thơ ca bắt rễ từ lòng người: Thơ ca là tiếng nói chân thực của tình cảm. Nó
được khơi nguồn, bắt rễ từ tư tưởng, cảm xúc của người nghệ sĩ. Vế thứ nhất của
nhận định đề cập đến khởi nguồn của thơ, vai trò của yếu tố tình cảm, xúc cảm
trong sáng tác thơ, đến nội dung của tác phẩm văn học.
- Nở hoa nơi từ ngữ: Từ ngữ hiểu rộng là ngôn từ nghệ thuật, là giá trị nghệ thuật, là vẻ đẹp
ngôn ngữ của tác phẩm văn học.
Như vậy, nhận định của đề bài bàn về mối quan hệ giữa nội dung và hình thức của tac phẩm
nghệ thuật; về đặc trưng của văn học, đặc trưng của thơ; đề cao vai trò của yếu tố tình cảm, cảm xúc
2. Bình luận
a. Vì sao lại nói: Thơ ca bắt rễ từ lòng người, nở hoa nơi từ ngữ?
- Thơ ca bắt rễ từ lòng người bởi lẽ:
+ Xuất phát từ đặc trưng của văn học: Nghệ thuật là lĩnh vực sáng tạo để phản ánh hiện
thực, trong đó phản ánh tâm tư, tình cảm của chủ thể sáng tạo. Xuất phát từ đặc trưng về đối tượng,
nội dung của văn học, có thể thấy: văn học không phản ánh hiện thực một cách bàng quan, lạnh
lung mà bao giờ cũng gắn chặt với tình cảm, ước mơ, khát vọng…của nhà văn. Điều đó tạo nên qui
luật tình cảm trong phản ánh nghệ thuật.
+ Xuất phát từ đặc trưng của thơ, đặc biệt là thơ trữ tình: tiếng nói trữ tình bao giờ cũng
được bộc lộ trực tiếp, trở thành bình diện thứ nhất của sáng tác.
- Tiếng nói của tình cảm, tâm tư con người được gửi gắm trong tác phẩm nghệ thuật như thế
nào?
+ Nhu cầu được giãi bày những gì chất chứa trong lòng (niềm vui, nỗi buồn…)
+ Là lời nhắn gửi, sự cảm thông; là tiếng lòng đến với tiếng lòng (tiếng nói tri âm)
+ Nghệ thuật chân chính còn chứa đựng trong nó chiều sâu của tư tưởng tiến bộ, các giá trị
đối với cuộc sống, làm đẹp và phong phú hơn cho tâm hồn con người.
- Nở hoa nơi từ ngữ bởi lẽ: vẻ đẹp của tình cảm, cảm xúc trong thơ phải được kết tinh ở
hình thức nghệ thuật, được biểu hiện bằng những biện pháp nghệ thuật độc đáo mà trước hết là nghệ
thuật sử dụng ngôn từ.
b. Bàn luận, mở rộng vấn đề
- Nếu thơ chỉ bắt rễ từ lòng người, chỉ có tình cảm cảm xúc mãnh liệt mà không nở hoa nơi
từ ngữ thì tình cảm cảm xúc trong thơ sẽ không tìm được hình thức biểu hiện độc đáo, hấp dẫn; do
đó khó tạo nên vẻ đẹp, sức lôi cuốn của tác phẩm.
- Ngược lại, nếu chỉ trau chuốt, đẽo gọt ngôn từ mà xem nhẹ tình cảm, cảm xúc thì tác phẩm
sẽ trở nên khô khan, nghệ thuật không sao cất cánh lên được.
3. Chứng minh (6,0 điểm)

**ĐỀ 6: Nguyễn Đình Thi từng quan niệm:“*Tác phẩm nghệ thuật nào cũng xây dựng bằng những chất liệu mượn ở thực tại. Nhưng nghệ sĩ không ghi lại cái đã có rồi mà còn muốn nói một điều gì mới mẻ. Anh gửi vào tác phẩm một lá thư, một lời nhắn nhủ, anh muốn đem một phần của mình góp vào đời sống chung quanh*”.**

 (Trích *Tiếng nói của văn nghệ*, SGK Ngữ văn 9, Tập hai)

 Em hiểu thế nào là *điều mới mẻ, lời nhắn nhủ* trong quan niệm của Nguyễn Đình Thi? Qua bài thơ *Ánh trăng*, em hãy làm rõ *điều mới mẻ* và *lời nhắn nhủ* mà nhà thơ Nguyễn Duy đã góp cho nghệ thuật và đời sống.

 **\* Định hướng**

- Yêu cầu về kĩ năng: Hiểu đề, biết cách làm bài văn nghị luận văn học. Bố cục rõ ràng, lập luậnchặt chẽ. Hành văn trôi chảy. Văn viết có cảm xúc. Không mắc lỗi diễn đạt,dùng từ, ngữ pháp, chính tả.

- Yêu cầu về kiến thức Học sinh có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng phải làm sángtỏ những nội dung cơ bản sau:

**1. Giải thích khái niệm**

- ***Điều mới mẻ:*** là cách cảm nhận và thể hiện độc đáo của người nghệ sĩ về hiện thực đời sống.

- ***Lời nhắn nhủ***: Là tư tưởng, tình cảm, thông điệp thẩm mỹ mà người nghệsĩ muốn gửi đến bạn đọc thông qua tác phẩm nghệ thuật của mình. Thông điệp ấy gắn với chức năng giáo dục và cải tạo xã hội của văn học nghệ thuật.

**2. Chứng minh**: Điều mới mẻ và lời nhắn nhủ của Nguyễn Duy qua *Ánh trăng*

**\* Giới thiệu khái quát về tác giả, tác phẩm**

+ Nguyễn Duy là nhà thơ – chiến sĩ, gương mặt tiêu biểu trong lớp nhà thơ trẻ thời chống Mĩ cứu nước. Ông cũng là cây bút có sức sáng tạo bền bỉ sau năm 1975.

+ Ánh trăng được viết năm 1978 tại Thành phố Hồ Chí Minh. Bài thơ vừa mang đến điều mới mẻ, vừa là lời nhắn nhủ sâu sắc của Nguyễn Duy về thái độ sống của con người.

\* **Điều mới mẻ mà Nguyễn Duy thể hiện qua *Ánh trăng***: Trăng là đề tài quen thuộc của thơ ca xưa nay, nhưng Nguyễn Duy vẫn có những cảm nhận và cách thể hiện riêng.

**- Bài thơ Ánh trăng mới mẻ ở nội dung:**

+ Trăng được thể hiện như là biểu tượng cho vẻ đẹp bình dị mà vĩnh hằng của thiên nhiên, theo nhân vật trữ tình từ thời thơ ấu bình yên đến những ngày chiến tranh ở rừng. Vì thế, trăng còn là biểu tượng của quá khứ gian khó màtươi đẹp, của nghĩa tình thắm thiết, đằm sâu với quê hương, đồng đội, bạn bè.

+ Trăng còn được Nguyễn Duy đặt vào trong mối quan hệ đa chiều với nhân vật trữ tình: Nếu quá khứ, trăng là tri kỉ thì hiện tại trăng bị biến thành người dưng. Từ tình huống Thình lình đèn điện tắt, nhà thơ phát hiện thêm một vẻ đẹp khác, đáng trân trọng ở trăng: thủy chung, bao dung mà nghiêm khắc, có khả năng thức tỉnh con người.
 **- Bài thơ Ánh trăng mới mẻ ở nghệ thuật:** ngôn ngữ giản dị, mộc mạc mà vẫn chất chứa ý nghĩa sâu xa; h/ả thơ đa nghĩa, có tính biểu tượng cao; kết hợp giữa chất tự sự với tính trữ tình; kết cấu bài thơ theo mạch thời gian, tạo được tình huống bất ngờ, hầu như không sử dụng dấu chấm câu và chỉ viết hoa chữ cái đầu tiên ở mỗi khổ thơ ...

**\* Lời nhắn nhủ của tác giả qua bài thơ:**

- Bài thơ có ý nghĩa như một lời cảnh tỉnh, lời nhức nhở chúng ta đừng quên đi những gì đẹp đẽ đã gắn bó với con người trong quá khứ, cần phải sống tình nghĩa, thủy chung. Đạo lí "Uống nước nhớ nguồn" đã được gửi gắm kín đáo và tinh tế.

- Trong c/s con người cũng cần những phút *giật mình*, nghĩa là trạng thái thức tỉnh của lương tâm, soi lại bản thân để nhận ra sự thiếu sót, vị kỉ, chưa hoàn thiện. Nếu không có những phút giật mình như thế, con người ta dễ đánh mất chính mình, phản bội lại quá khứ ân tình, ân nghĩa.

**3. Đánh giá**

- Chính những khám phá mới mẻ về nội dung, nghệ thuật, chính những thông điệp giàu tính nhân văn đã làm nên sức sống của bài thơ và phong cách nghệ thuật của nhà thơ Nguyễn Duy. Đó đồng thời là bản chất của sáng tạo nghệ thuật, là yêu cầu đối với mỗi người nghệ sĩ (bài học về sáng tạo)

- Bài thơ không phải là sản phẩm của triết lí khô khan, lời thể hiện phải có tính nghệ thuật mới có khả năng lay động. Điều đó đòi hỏi độc giả cũng phải là người đồng sáng tạo để cảm nhận được những thông điệp mà người nghệ sĩ muốn gửi tới (bài học về tiếp nhận)

ĐỀ 7: Trong văn bản *Tiếng nói của văn nghệ* (SGK Ngữ văn 9 - tập hai), Nguyễn Đình Thi viết: *“Bắt rễ ở cuộc đời hàng ngày của con người, văn nghệ lại tạo được sự sống cho tâm hồn người”.*

Qua hai tác phẩm *Sang thu* của Hữu Thỉnh và *Mùa xuân nho nhỏ* của Thanh Hải, em hãy làm sáng tỏ nhận định trên.

**\* Định hướng:**

**I. Yêu cầu:**

*1. Về kỹ năng:*

 - Học sinh biết cách làm bài nghị luận về tác phẩm thơ để giải thích, chứng minh một nhận định.

 - Bố cục rõ ràng, lập luận chặt chẽ.

 - Diễn đạt trôi chảy, không mắc lỗi ngữ pháp, dùng từ, chính tả.

*2. Về kiến thức:*

 Trên cơ sở hiểu biết về văn bản *Tiếng nói của văn nghệ* vàcác bài thơ *Sang thu, Mùa xuân nho nhỏ,* thí sinh cần làm sáng tỏ nhận định của Nguyễn Đình Thi về văn nghệ. Thí sinh có thể có những cách trình bày khác nhau nhưng cần đảm bảo các ý sau đây:

*a) Giải thích ngắn gọn ý kiến của Nguyễn Đình Thi:*

 Ý kiến của Nguyễn Đình Thi nêu lên nguồn gốc của văn nghệ - trong đó có văn học - cũng như vai trò, ý nghĩa, tác động của văn nghệ đối với tâm hồn người tiếp nhận, thưởng thức:

 - Văn nghệ “bắt rễ ở cuộc đời hàng ngày của con người”: Các tác phẩm văn học, nghệ thuật bắt nguồn từ cuộc sống hiện thực; người nghệ sĩ lấy chất liệu sáng tác từ đời sống hàng ngày.

 - Văn nghệ “tạo được sự sống cho tâm hồn người”: văn học, nghệ thuật giúp đời sống tinh thần của con người trở nên phong phú hơn, làm giàu có thêm tâm hồn với những tình cảm vui - buồn, yêu thương - căm giận…Văn nghệ góp phần nuôi dưỡng, bồi đắp thế giới tinh thần của người thưởng thức, tiếp nhận.

*b) Làm sáng tỏ ý kiến của Nguyễn Đình Thi qua việc phân tích hai bài thơ: “Sang thu”, “Mùa xuân nho nhỏ”.*

\* Với bài *Sang thu*:

- Bài thơ “bắt rễ ở cuộc đời”: khung cảnh thiên nhiên, đất trời trong khoảnh khắc giao mùa cuối hạ đầu thu trở thành chất liệu cho thi phẩm, trở thành nguồn cảm hứng nghệ thuật của Hữu Thỉnh.

- Bài thơ “tạo được sự sống cho tâm hồn” người đọc: độc giả được cùng tác giả khám phá những tín hiệu ban đầu của thiên nhiên lúc sang thu; bài thơ khơi dậy trong lòng người đọc tình yêu thiên nhiên, yêu cảnh sắc quê hương Việt Nam; ở hai câu cuối (*Sấm cũng bớt bất ngờ - Trên hàng cây đứng tuổi*)ngoài nghĩa tả thực còn gợi suy ngẫm về triết lí cuộc đời: sự vững vàng của con người từng trải trước những biến động của cuộc sống.

\* Với bài *Mùa xuân nho nhỏ:*

- Bài thơ cũng bắt nguồn từ đời sống: khung cảnh mùa xuân của thiên nhiên, đất trời và mùa xuân của đất nước đã in bóng trong trang thơ của Thanh Hải; bên cạnh đó, còn có mùa xuân của lòng người: khát vọng cống hiến cho cuộc đời chung của tác giả.

- Bài thơ cũng “tạo được sự sống cho tâm hồn” độc giả: người đọc được cùng tác giả khám phá vẻ đẹp của thiên nhiên, của đất nước vào xuân; thêm yêu đời, yêu thiên nhiên và khao khát sống đẹp, sống cống hiến cho đời.

*c) Đánh giá chung:*

Hai bài thơ *Sang thu, Mùa xuân nho nhỏ* là tác phẩm của những tác giả khác nhau, ra đời trong những hoàn cảnh khác nhau nhưng chúng đều là minh chứng tiêu biểu cho mối quan hệ giữa nghệ thuật và cuộc đời, nghệ thuật và người thưởng thức văn nghệ. Nhận định của Nguyễn Đình Thi đúng đắn và có tầm khái quát cao.

**ĐỀ 8:**  “*Thơ văn hiện đại Việt Nam giai đoạn 1945 - 1975, ngoài hình ảnh người chiến sĩ trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc còn mang nhịp thở của con người lao động mới*.”
 Bằng những hiểu biết về văn học giai đoạn này, em hãy làm sáng tỏ nhận định trên

**\* GỢI Ý LÀM BÀI**

**1. Mở bài:**
- Hiện thực của đất nước ta từ 1945 đến 1975 là hiện thực của những cuộc kháng chiến vệ quốc vĩ đại và công cuộc xây dựng cuộc sống mới đi lên chủ nghĩa xã hội.
- Hiện thực đó đã tạo nên cho dân tộc Việt Nam một vóc dáng nổi bật: vóc dáng người chiến sĩ luôn trong tư thế chủ động chiến đấu chống kẻ thù, vóc dáng của con người mới xây dựng đất nước đi lên chủ nghĩa xã hội.
- Hình ảnh người chiến sĩ và người lao động mới hoà quyện tạo nên vẻ đẹp của con người dân tộc Việt Nam. Và điều này đã làm nên hơi thở, sức sống của văn học thời kì 1945 - 1975.
**2, Thân bài:** Chứng minh
+. “Hình ảnh người chiến sĩ trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc”: họ là những con người ở mọi tầng lớp, mọi lứa tuổi và nổi bật với lòng yêu nước, ý chí quyết tâm chiến đấu chống kẻ thù xâm lược, với tình đồng đội cao cả, sắt son, tinh thần lạc quan.:
- Họ là những con người ở mọi tầng lớp, lứa tuổi như: người nông dân mặc áo lính (“Đồng chí” của Chính Hữu), những chàng trai trí thức vừa rời ghế nhà trường (“Bài thơ về tiểu đội xe không kính” của Phạm Tiến Duật), là em bé liên lạc (“Lượm” của Tố Hữu)...
- Họ là những người lính, người chiến sĩ có lòng yêu nước sâu sắc, có ý chí quyết tâm chiến đấu chống kẻ thù xâm lược, bảo vệ Tổ quốc. (dẫn chứng)
- Hoàn cảnh sống chiến đấu đầy khó khăn, gian khổ song họ luôn có tinh thần lạc quan và tình đồng chí, đồng đội cao đẹp... (dẫn chứng)
+. “Hình ảnh người lao động mới”: họ xuất hiện với tư cách là những người làm chủ cuộc sống mới, họ lao động, cống hiến một cách hăng say, hào hứng, sẵn sàng hi sinh cả tuổi thanh xuân của mình vì những lí tưởng cao cả và tương lai đất nước:
- Người lao động trong "Đoàn thuyền đánh cá" của Huy cận mang nhịp thở tươi vui, hăm hở, hoà mình cùng trời cao biển rộng: họ ra khơi với niềm hân hoan trong câu hát, với ước mơ trong công việc, với niềm vui thắng lợi trong lao động. Đó là những con người mang tầm vóc vũ trụ, hăm hở ra khơi bằng tất cả sức lực và trí tụê của mình.(Dẫn chứng).
- "Lặng lẽ SaPa" của Nguyễn Thành Long mang nhịp thở của người lao động mới với phong cách sống đẹp, suy nghĩ đẹp, sống có lí tưởng, say mê, miệt mài trong công việc, quên mình vì cuộc sống chung, vô tư thầm lặng cống hiến hết mình cho đất nước. Cuộc sống của họ âm thầm, bình dị mà cao đẹp (Dẫn chứng)
**3. Kết bài:**
- Văn học Việt Nam giai đoạn 1945-1975 đã đáp ứng được những yêu cầu của lịch sử và thời đại. Ở ngoài tiền tuyến khói lửa là hình ảnh của những người lính dũng cảm, kiên cường. Nơi hậu phương là những người lao động bình dị mang nhịp thở của thời đại mới.
- Hình ảnh người chiến sĩ và người lao động đã kết tinh thành sức mạnh của con người và dân tộc Việt Nam thế kỉ XX.
- Các tác giả văn học thời kì này họ đồng thời vừa là nhà văn, nhà thơ, vừa là người lính, người chiến sĩ, người lao động cầm bút để ngợi ca về con người dân tộc Việt với niềm say mê và tự hào. Họ đã làm nên vẻ đẹp và sức sống mới cho văn học Việt Nam.

ĐỀ 9: Cùng viết về tình cha con nhưng hai tác phẩm Lão Hạc của Nam Cao và Chiếc lược ngà của Nguyễn Quang Sáng lại có những khám phá sáng tạo riêng, độc đáo.

Bằng cảm nhận về tình cha con trong hai tác phẩm, em hãy làm sáng tỏ nhận định trên.

**\* GỢI Ý LÀM BÀI**

**1. Giới thiệu khái quát**

- Dẫn dắt vấn đề: Có thể đi từ tình cha con trong văn học.

- Nêu vấn đề: Cùng viết về tình cha con nhưng hai tác phẩm *Lão Hạc* của Nam Cao và *Chiếc lược ngà* của Nguyễn Quang Sáng lại có những khám phá sáng tạo riêng, độc đáo.

**2. Cảm nhận về tình cha con qua hai tác phẩm**

**2.1. Tình cha con trong "Lão Hạc"**

- Giới thiệu khái quát về nhân vật lão Hạc.

- Tình thương của lão Hạc dành cho con bộc lộ qua nhiều chi tiết:

- Lão luôn day dứt vì không có tiền cưới vợ cho con. Bao tình thương yêu, lão gửi gắm qua con chó Vàng- kỉ vật duy nhất còn lại của đứa con. Cách lão gọi "cậu Vàng", cách lão chăm sóc, trò chuyện, cưng nựng...con chó Vàng, nỗi đau đớn khi lão phải bán đi con chó cho ta thấy rõ điều đó.

- Ở nhà, tuy sức tàn lực kiệt nhưng lão vẫn cố gắng bòn vườn, tích cóp tiền cho con về cưới vợ và có chút vốn làm ăn. Lão thà chịu đói khổ chứ nhất quyết không tiêu vào số tiền dành dụm của con.

- Lão thà chết chứ nhất định không chịu bán mảnh vườn của con.

=> Lão Hạc là một người cha rất mực thương con, hết lòng vì con.

**2.2. Tình cha con trong "Chiếc lược ngà"**

\* Giới thiệu khái quát về nhân vật ông Sáu, bé Thu

\* Biểu hiện tình cha con của ông Sáu:

- Khi ở chiến trường, ông Sáu mong mỏi đến cháy lòng được gặp con.

- Khi mới gặp lại con, ông vô cùng xúc động (chú ý phân tích những chi tiết về hành động, ngoại hình, tâm trạng...).

- Cố tìm cách gần gũi, làm thân, chăm sóc con trong những ngày nghỉ phép mà không được, ông Sáu vô cùng khổ tâm, day dứt.

- Khi con cất tiếng gọi ba, ông Sáu xúc động rơi nước mắt. Người cha ấy đã mang vào chiến trường một mong ước giản dị của con: "Ba về! Ba mua cho con một cây lược nghe ba".

- Ở chiến trường, ông dồn hết tâm huyết để làm cho con một cây lược. Khi kiếm được khúc ngà, mặt ông "hớn hở như đứa trẻ được quà", những lúc rỗi, ông "ngồi cưa từng chiếc răng lược, thận trọng, tỉ mỉ và khổ công như người thợ bạc". Khi chiếc lược đã hoàn thành, ông tỉ mẩn gò công khắc từng nét chữ: "Yêu nhớ tặng Thu con của ba". Nâng niu, trân trọng như một vật báu, ông thường xuyên "lấy cây lược ra ngắm nghía rồi mài lên tóc cho cây lược thêm bóng mượt". Có thể nói, lòng yêu con đã biến người chiến sĩ thành một nghệ nhân sáng tạo ra một tác phẩm thiêng liêng, cao quý. Cây lược ngà đã kết tinh trong nó tình phụ tử mộc mạc mà đằm thắm, đơn sơ mà thật kì diệu.

- Kỉ vật thiêng liêng chưa kịp trao thì ông Sáu đã hi sinh. Tàn lực cuối cùng ông dồn lên đôi mắt và đưa tay vào túi, móc cây lược ra đưa cho người bạn chiến đấu thân thiết nhất, như muốn nói, như muốn chuyển giao sự sống, chuyển giao ước nguyện cuối cùng của người cha cho người đồng chí: hãy tiếp tục làm tròn bổn phận của một người cha, hãy gìn giữ mãi tình cha con ruột thịt. Ông Sáu đã hi sinh, nhưng tình cha con không bao giờ chết. Chiến tranh khốc liệt có thể cướp đi sinh mạng, nhưng không thể cướp đi tình cha con cao quý, sâu nặng. Nó sẽ sống mãi trong chiếc lược ngà mà ông đã kì công làm cho con.

\* Tình cha con của bé Thu:

- Đằng sau sự bướng bỉnh, cương quyết không nhận cha của bé Thu ẩn chứa một tình yêu cha tha thiết, một niềm kiêu hãnh rất đỗi trẻ thơ: tin rằng cha của em rất đẹp. Em chỉ yêu cha khi tin chắc đó là cha của mình.

- Tâm trạng ân hận của em khi biết rõ sự thật qua lời kể của bà ngoại.

- Đỉnh cao của tình cha con là buổi sáng tiễn đưa ông Sáu lên đường (chú ý phân tích những chi tiết về vẻ ngoài, hành động, tiếng thét xé lòng...của bé Thu).

**3. Điểm gặp gỡ và sự sáng tạo trong cách thể hiện tình cha con của hai tác phẩm**

**3.1. Điểm gặp gỡ**

- Hai người cha, hai thời đại, hai cảnh ngộ khác nhau nhưng họ có chung một phẩm chất: yêu thương con nhất mực. Lão Hạc quyên sinh để dành lại mảnh vườn cho con. Ông Sáu dồn tình yêu thương vào việc làm chiếc lược ngà. Cả hai nhân vật đều là biểu tượng sáng ngời cho tình phụ tử sâu nặng: dành cho con tất cả, thậm chí sẵn sàng hi sinh tất thảy vì con.

- Để khắc họa tình cha con, cả hai tác phẩm đều xây dựng được những chi tiết nghệ thuật đặc sắc, tình huống truyện độc đáo, miêu tả tâm lí nhân vật tinh tế.

**3.2. Điểm độc đáo, sáng tạo**

- Ở "Lão Hạc", NamCao khám phá tình cha con của người nông dân Bắc Bộ trước Cách mạng tháng 8 trước thử thách khốc liệt của cái đói và miếng ăn, của cảnh ngộ khốn cùng, qua đó, tác giả thể hiện niềm tin bất diệt vào vẻ đẹp, bản chất lương thiện của họ.

- Ở "Chiếc lược ngà", Nguyễn Quang Sáng khắc sâu chủ đề về tình cha con của người chiến sĩ cách mạng miền Nam trong thử thách khốc liệt của chiến tranh trên cả hai phương diện: tình cha với con và ngược lại, từ đó cho người đọc thấy những nỗi đau tột cùng mà chiến tranh gây ra cho cuộc sống con người.

- Cùng viết về tình cha con nhưng ở "Lão Hạc", Nam Cao chọn nhân vật tôi - ông giáo là người trần thuật lại câu chuyện. Nhân vật tôi mang hình bóng cái tôi của tác giả đã đi từ dửng dưng, nghi ngờ đến ngạc nhiên, thấu hiểu. Có lúc, tác giả còn xen vào những lời bình luận trữ tình ngoại đề. Giọng điệu trần thuật của tác phẩm , do đó, cũng mang tính chất đa thanh: vừa dửng dưng lạnh lùng, vừa đằm thắm yêu thương, vừa xót xa bi phẫn... Hành trình nhận thức của nhân vật tôi cũng chính là hành trình mà người đọc khám phá những vẻ đẹp nhân cách cao cả của lão Hạc.

- Trong khi đó, ở "Chiếc lược ngà", Nguyễn Quang Sáng để nhân vật tôi là người bạn chiến đấu lâu năm với ông Sáu kể lại câu chuyện cảm động về tình cha con. Do đó, câu chuyện được kể lại bằng giọng điệu thân mật, dân dã, thể hiện sự cảm thông, thấu hiểu của tình bạn, tình đồng chí, giàu tính nhân văn.

- Truyện ngắn của Nguyễn Quang Sáng thấm đẫm chất Nam Bộ. Nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật rất tinh tế, đặc biệt là tâm lí của trẻ thơ. Truyện của Nam Cao giàu chất trữ tình và triết lí.

**4. Đánh giá chung**

- Cùng viết về tình cha con nhưng hai tác phẩm có những sáng tạo độc đáo trên là do: bản chất của văn học (phải không ngừng sáng tạo), do sự khác biệt của thời đại, mục đích sáng tác, đặc điểm sáng tác của hai tác giả.

- Ý nghĩa của sự tương đồng và khác biệt trong việc thể hiện tình cha con ở hai tác phẩm:

+ Sự tương đồng: góp phần làm nên chất nhân bản, nhân văn của văn học.

+ Sự khác biệt làm nên vẻ đẹp phong phú, đa dạng của văn học.

- Thành công của hai tác phẩm là xây dựng được hình tượng những người cha mẫu mực.

- Trong tình cảnh éo le, tình cha con càng thắm thiết, sâu nặng, để lại trong lòng người đọc những xúc động sâu xa, những giá trị nhân bản đẹp đẽ, thiêng liêng.

* Bài học cho người sáng tác và tiếp nhận.

**Đề 10 : “Lời gửi của văn nghệ là sự sống”.**

**“Mỗi tác phẩm lớn như rọi vào bên trong chúng ta một áng riêng, () và chiếu tỏa lên mọi việc chúng ta sống, (…) làm cho thay đổi hẳn mắt ta nhìn, óc ta nghĩ”.**

**( Nguyễn Đình Thi, dẫn theo Ngữ văn 9, tập hai, trang 14)**

**Từ việc tìm hiểu các ý kiến trên, hãy viết về “lời gửi” của một tác phẩm trong chương trình Ngữ văn lớp 8 hoặc lớp 9 đã làm “thay đổi hẳn” cách “nhìn”, cách “nghĩ” của em về con người và cuộc sống.**

**1. Giải thích các ý kiến:**

\* Về ý kiến: “Lời gửi của văn nghệ là sự sống”.

- Văn nghệ là một loại hình nghệ thuật có giá trị to lớn trong việc tác động vào tư tưởng, tình cảm, nhận thức của mỗi người cũng như toàn xã hội: đem đến cho con người một thế giới phong phú.

- “Lời gửi” của văn nghệ và các loại hình nghệ thuật khác chính là cuộc sống, là sự sống; góp phần làm cho đời sống nhân sinh ngày càng tốt đẹp hơn. Tác giả - người sáng tạo ra tác phẩm, chính là người đem “lời gửi” – thông điệp về đời sống và con người – đến với các thế hệ bạn đọc.

\* Về ý kiến: ““Mỗi tác phẩm lớn như rọi vào bên trong chúng ta một áng riêng, (…) và chiếu tỏa lên mọi việc chúng ta sống, (…) làm cho thay đổi hẳn mắt ta nhìn, óc ta nghĩ”.”

- Tác phẩm văn học lớn có khả năng kì diệu trong việc tác động vào tư tưởng, tình cảm, nhận thức của mỗi người cũng như toàn xã hội; để lại những ấn tượng sâu sắc, có giá trị lâu dài.

- Mỗi tác phẩm văn học lớn đều đặt ra và giải quyết vấn đề theo một cách riêng của nhà văn và cũng được bạn đọc tiếp nhận theo những con đường riêng.

- Tác phẩm văn học lớn đánh thức những cảm xúc tốt đẹp trong tâm hồn độc giả, giúp con người tự nhận thức, xây dựng và phấn đấu hoàn thiện mình một cách toàn diện, bền vững.

=> Hai ý kiến gắn gọn, cô động, sâu sắc cùng hướng đến thể hiện nội dung, vai trò của văn nghệ nói chung và tác phẩm văn học nói riêng đối với việc xây dựng, bồi đắp tâm hồn con người, làm cho cuộc sống ngày càng hoàn thiện.

2. Phân tích lời gửi của một tác phẩm trong chương trình Ngữ văn lớp 8 hoặc lớp 9.

Từ cách hiểu các ý kiến trên, học sinh viết về “lời gửi” của một “tác phẩm lớn” trong chương trình Ngữ văn lớp 8 hoặc lớp 9 đã làm “thay đổi hẳn” cách “nhìn”, cách “nghĩ” về con người và cuộc sống.

Sau đây là một số gợi ý:

- Giới thiệu những nét cơ bản về tác giả, tác phẩm.

- Phân tích để làm rõ:

+ “Lời gửi” của tác phẩm.

+ “Ánh sáng riêng” mà tác phẩm ấy ( bằng nội dung và nghệ thuật) đã rọi vào tư tưởng, tình cảm, nhận thức của mỗi con người cũng như toàn xã hội.

+ Từ “lời gửi” và “ánh sáng” ấy, tác phẩm đã cảm hóa, lôi cuốn, giúp mỗi người tự thay đổi, tự nhận thức, tự xây dựng mình để được sống ý nghĩa hơn, phong phú hơn với cuộc đời và với chính mình.

\* Học sinh cần trình bày bài văn với tình cảm chân thành, sâu sắc; nêu được những vấn đề thực sự có ý nghĩa không chỉ đối với cá nhân mà còn với cả cộng đồng.

**Đề 11. Vẻ đẹp trong lối sống, tâm hồn của nhân vật anh thanh niên trong “Lặng lẽ Sa Pa” của Nguyễn Thành Long và nhân vật Phương Định trong “Những ngôi sao xa xôi” của Nguyễn Minh Khuê.**
Gợi ý:
a. Giới thiệu sơ lược vềđề tài viết về những con người sống, cống hiến cho dất nước trong văn học. Nêu tên 2 tác giả và 2 tác phẩm cùng nhưngc vẻ đẹp của anh thanh niên và Phương Định.
b. Vẻ đẹp của 2 nhân vật trong hai tác phẩm :
\* vẻ đẹp trong cách sống :
+ Nhân vật anh thanh niên: trong Lặng lẽ Sa Pa - Hoàn cảnh sống và làm việc: một mình trên núi cao, quanh năm suốt tháng giữa cây cỏ và mây núi Sa Pa. Công việc là đo gió, đo mưa đo năng, tính mây, đo chấn động mặt đất…
- Anh làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, cụ thể, tỉ mỉ, chính xác, đúng giờ ốp thì dù cho mưa tuyết, giá lạnh thế nào anh cũng trở đậy ra ngoài trời làm việc đúng giờ quy định.
- Anh đã vượt qua sự cô đơn vắng vẻ quanh năm suốt tháng trên đỉnh núi cao không một bóng người.
- Sự cởi mở chân thành, quý trọng mọi người, khao khát được gặp gỡ, trò chuyện với mọi người. - Tổ chức sắp xếp cuộc sống của mình một cách ngăn nắp, chủ động: trồng hoa, nuôi gà, tự học…
+ Cô xung phong Phương Định:
- Hoàn cảnh sống và chiến đấu: ở trên cao điểm giữa một vùng trọng điểm trên tuyến đường Trường Sơn, nơi tập trung nhất bom đạn và sự nguy hiểm, ác liệt. Công việc đặc biệt nguy hiểm: Chạy trên cao điểm giữa ban ngày, phơi mình trong vùng máy bay địch bị bắn phá, ước lượng khối lượng đất đá, đếm bom, phá bom.
- Yêu mến đồng đội, yêu mến và cảm phục tất cả những chiến sĩ mà cô gặp trên tuyến đường Trường Sơn.
- Có những đức tính đáng quý, có tinh thần trách nhiệm với công việc, bình tĩnh, tự tin, dũng cảm…
\* Vẻ đẹp tâm hồn:
+ Anh thanh niên trong Lặng lẽ Sa Pa:
- Anh ý thức về công việc của mình và lòng yêu nghề khiến anh thấy được công việc thầm lặng ấy có ích cho cuộc sống, cho mọi người.
- Anh đã có suy nghĩ thật đúng và sâu sắc về công việc và những đóng góp của mình rất nhỏ bé.
- Cảm thấy cuộc sống không cô dơn buồn tẻ vì có một nguồn vui, đó là niềm vui đọc sách mà lúc nào anh cũng thấy như có bạn để trò chuyện.
- Là người nhân hậu, chân thành, giản dị.
+ Cô thanh niên Phương Định:
- Có thời học sinh hồn nhiên vô tư, vào chiến trường vẫn giữ được sự hồn nhiên.
- Là cô gái nhạy cảm, mơ mộng, thích hát, tinh tế, quan tâm và tự hào về vẻ đẹp của mình.
- Kín đáo trong tình cảm và tự trọng về bản thân mình. Các tác giả miêu tả sinh động, chân thực tâm lí nhân vật làm hiện lên một thế giới tâm hồn phong phú, trong sáng và đẹp đẽ cao tượng của nhân vật ngay trong hoàn cảnh chiến đấu đầy hi sinh gian khổ.
c. Đánh giá, liên hệ.
- Hai tác phẩm đều khám phá, phát hiện ngợi ca vẻ đẹp tâm hồn con người Việt Nam trong lao động và trong chiến đấu.
- Vẻ đẹp của các nhân vật đều mang màu sắc lí tưởng, họ là hình ảnh của con người Việt Nam mang vẻ đẹp của thời kì lịch sử gian khổ hào hùng và lãng mạn của dân tộc. Liên hệ với lối sống, tâm hồn của thanh niên trong giai đoạn hiện nay.

**Đề 12: Sự khám phá và thể hiện vẻ đẹp tình cảm gia đình - tình cha con - qua hai tác phẩm: “*Chiếc lược ngà*” của Nguyễn Quang Sáng và “*Nói với con*” của Y Phương.**

 **I. Mở bài: Giới thiệu được vấn đề nghị luận.**

Tình cảm gia đình là 1 đề tài thiêng liêng bởi ai sinh ra cũng từ 1 mái ấm gia đình. Có những tình cảm nhẹ nhàng âu yếm đầy ngọt ngào như tình mẹ nhưng cũng loé lên sự nghiêm khắc giàu lòng thương con của tình cha. Điển hình lớn trong văn học hiện đại Việt Nam là truyện ngắn *Chiếc lược ngà* của nhà văn Nguyễn Quang Sáng và tác phẩm *Nói với con* của Y Phương.
 **II. Thân bài:
 1. Khám phá và thể hiện vẻ đẹp tình cảm gia đình trong “Chiếc lược ngà”
 \* Tình cảm của người cha – ông Sáu dành cho con sâu sắc:**
 - Ở chiến trường, nỗi nhớ con luôn giày vò ông Sáu, chính vì vậy về tới quê, nhìn thấy Thu, ông đã nhảy vội lên bờ và định ôm hôn con cho thỏa nỗi nhớ mong.
 - Mấy ngày về phép, ông luôn tìm cách gần gũi con mong bù lại cho con những tháng ngày xa cách dù cho bé Thu hiểu lầm có thái độ hỗn hào phản kháng, ông vẫn kiên nhẫn chiều chuộng, thuyết phục. (0,75 điểm)
 **\* Tình cảm của người cha dành cho con trong sự hy sinh thầm lặng:**
 - Lúc ra đi, ông âm thầm, lặng lẽ nhìn con, chỉ khi bé Thu nhận ra ba và nhảy lên ôm chặt lấy cổ ba, lúc bấy giờ nước mắt ông mới trào ra.
 - Những ngày ở căn cứ, lúc rảnh rỗi là ông gửi hết tình thương con vào việc làm chiếc lược ngà. Trước lúc hy sinh, điều mà ông nghĩ tới duy nhất là nhờ đồng đội mang chiếc lược về cho con.
 - Tình cảm yêu thương con sâu nặng của ông Sáu làm cho người đọc xúc động và thấm thía nỗi đau thương mất mát, éo le do chiến tranh gây ra. Nhưng điều đáng quý nhất trong cái mất mát ấy đó là tình cảm cha con, tình cảm muôn thuở có tính nhân bản bền vững, tình cảm ấy bất diệt trước sự hủy diệt tàn khốc của chiến tranh.
 **2. Sự khám phá và thể hiện vẻ đẹp tình cảm gia đình trong “Nói với con”:
 \* Vẻ đẹp về tình cha con:**
 - Tình yêu người cha dành cho con thể hiện qua lời tâm sự, nhắc nhở về nguồn cội sinh dưỡng, cho con thấy được sự đầm ấm của gia đình và sức sống mạnh mẽ, bền bỉ về truyền thống tốt đẹp của quê hương. (dẫn chứng)
 - Là tình yêu mà người cha muốn thắp sáng ý chí, nghị lực và niềm tin cho con mình trong cuộc sống để kế thừa, tự hào và phát huy truyền thống của “người đồng mình” … (dẫn chứng)
 **\* Cách thể hiện:**
 - Lựa chọn hình thức mượn lời mộc mạc mà gợi cảm, mạnh mẽ, người cha đã thể hiện khung cảnh núi rừng quê hương thật thơ mộng và nghĩa tình. Thiên nhiên ấy đã chở che nuôi dưỡng con cả tâm hồn và lối sống.
 - Dùng cách nói giàu hình ảnh, cụ thể, mộc mạc mà có tính khái quát, giàu chất thơ, người cha đã truyền đến con thái độ sống nghĩa tình, biết chấp nhận, vượt qua thử thách; giúp con hiểu thêm sức sống và vẻ đẹp tâm hồn của dân tộc mình - gợi nhắc tình cảm gia đình luôn gắn bó với truyền thống quê hương.
 **3. So sánh, đánh giá, mở rộng và nâng cao vấn đề
 a. So sánh
 - Những nét giống nhau:** Tình yêu thương của sự chăm sóc, ân cần dạy dỗ, tấm lòng vị tha, đức hy sinh một đời vì con của cha, một tình cảm mang tính gia đình cao cả. Đây cũng là truyền thống đạo lý của dân tộc, cần kế thừa và gìn giữ.
 **- Những nét riêng**: Hoàn cảnh, tình cảm, xuất phát từ mối quan hệ, tình cảm cha -con...và nét riêng trong hình thức thể hiện ...
 **b. Đánh giá, mở rộng và nâng cao vấn đề:** - Tình cảm gia đình – tình cha con là một trong những thứ tình cảm thiêng liêng và quý giá của mỗi người. Mỗi nhà thơ, nhà văn bằng sự khám phá và thể hiện của mình đã đem đến cho văn học những tác phẩm giàu giá trị nhân bản, nhân văn sâu sắc, có ý nghĩa giáo dục và đánh thức tình cảm tốt đẹp của con người về tình cảm gia đình.
 - Vẻ đẹp của tình cảm gia đình – tình cha con trong hai tác phẩm như những nét vẽ góp phần hoàn thiện bức chân dung gia đình của mỗi con người. Tình cảm ấy lại được hoà quyện thống nhất, gắn bó chặt chẽ với tình yêu quê hương đất nước. Đây cũng là một mạch nguồn tình cảm được lưu chuyển qua dòng chảy truyền thống của thơ ca dân tộc nhưng luôn có những khám phá, phát hiện và cách thể hiện theo những nét riêng - một đặc trưng quan trọng trong sáng tạo nghệ thuật.
(HS có thể liên hệ đến các tác phẩm cùng đề tài khác)
 **III. Kết bài:**
 - Khẳng định lại nội dung của hai tác phẩm:
 Tình cha đối với con ở hai hoàn cảnh khác nhau, cách biểu hiện khác nhau nhưng đều có điểm chung là tình thương yêu hết sức sâu sắc, đằm thắm, thầm lặng và đầy sự hy sinh.
 - Liên hệ bài học cho bản thân:
 + Tình cảm cha con nói riêng, tình cảm gia đình nói chung là tình cảm quý báu, mỗi người cần biết trân trọng, giữ gìn, phát huy.
 + Con người phải sống và làm việc sao cho xứng đáng với các tình cảm cao quý đó

**Đề 13:**

Trong văn bản *Tiếng nói của văn nghệ* (SGK Ngữ văn 9 - tập hai), Nguyễn Đình Thi viết: *“Bắt rễ ở cuộc đời hàng ngày của con người, văn nghệ lại tạo được sự sống cho tâm hồn người”.*

Qua hai tác phẩm *Sang thu* của Hữu Thỉnh và *Mùa xuân nho nhỏ* của Thanh Hải, em hãy làm sáng tỏ nhận định trên.

***a) Giải thích ngắn gọn ý kiến của Nguyễn Đình Thi:***

Ý kiến của Nguyễn Đình Thi nêu lên nguồn gốc của văn nghệ - trong đó có văn học - cũng như vai trò, ý nghĩa, tác động của văn nghệ đối với tâm hồn người tiếp nhận, thưởng thức:

- "Bắt rễ": bám sâu, bám chắc vào cuộc đời hằng ngày của con người (cuộc sống sinh hoạt của con người)

- "Văn nghệ": văn học nghệ thuật, sản phẩm sáng tạo của nghệ sĩ. Nhờ sản phẩm sáng tạo của người nghệ sĩ nên đã tạo được sự sống trong tâm hồn con người, làm tâm hồn con người trở nên tươi mát và có ý nghĩa hơn.

=> Nhận định của Nguyễn Đình Thi đã chỉ ra mối quan hệ giữa văn học và hiện thực cuộc sống. VH lấy chất liệu từ hiện thực cuộc sống để sáng tạo nên tác phẩm văn học và cuối cùng văn học lại quay trở về để phục vụ đời sống con người, cảm hóa con người

**\* Tại sao lại nói như vậy:**

- Vì văn nghệ không thể xa rời cuộc sống, phải viết về cuộc sống, nhất là cuộc sống của nhân dân lao động, những con người lao động và chiến đấu trên khắp mọi miền đất nước.

- Hiện thực cuộc sống là nguồn đề tài không bao giờ vơi cạn, giúp cho văn nghệ phát triển giống như Chế Lan Viên đã viết:

***Nhà thơ như con ong biến trăm hoa thành một mật***

***Một giọt mật thành, đòi vạn chuyến ong bay***

***Nay rừng nhãn non Đoài, mai vườn cam xứ Bắc***

***Ngọt mật ở đồng bằng mà hút nhị tận miền Tây.***

**(**Muốn trở thành nhà thơ, nhà văn thực sự thì cần phải chăm chỉ, cần cù trong lao động nghệ thuật.**)**

**- Mặt khác, tác phẩm văn học, nghệ thuật ra đời lại quay trở lại phục vụ đời sống hằng ngày, giúp con người mở rộng tâm hồn để yêu thương nhiều hơn, sống có ý nghĩ hơn. Đó là quy luật tồn tại, phát triển và cũng là chức năng cao cả của văn nghệ.**

**b. Chứng minh:** **Lấy chất liệu từ cuộc sống là nguồn cảm hứng cho sáng tác, Hữu Thỉnh đã phát hiện ra vẻ đẹp của bức tranh mùa thu qua bài "Sang thu" và nhà thơ Thanh Hải khám phá vẻ đẹp của bức tranh mùa xuân qua bài "MXNN", để từ đó nhà thơ bộc lộ tấm lòng yêu đời, yêu cuộc sống thiết tha.**

**\* Với bài *Sang thu*:**

- Bài thơ “bắt rễ ở cuộc đời”: khung cảnh thiên nhiên, đất trời trong khoảnh khắc giao mùa cuối hạ đầu thu trở thành chất liệu cho thi phẩm, trở thành nguồn cảm hứng nghệ thuật của Hữu Thỉnh.

 (Dẫn chứng - Phân tích vẻ đẹp của mùa thu trong bài thơ - **ngắn gọn**)

- Bài thơ “tạo được sự sống cho tâm hồn” người đọc: độc giả được cùng tác giả khám phá những tín hiệu ban đầu của thiên nhiên lúc sang thu; bài thơ khơi dậy trong lòng người đọc tình yêu thiên nhiên, yêu cảnh sắc quê hương Việt Nam; ở hai câu cuối (*Sấm cũng bớt bất ngờ - Trên hàng cây đứng tuổi*)ngoài nghĩa tả thực còn gợi suy ngẫm về triết lí cuộc đời: sự vững vàng của con người từng trải trước những biến động của cuộc sống.

 (Phân tích nghĩa thực, nghĩa biểu tượng của hai câu cuối)

\* Với bài *Mùa xuân nho nhỏ:*

- Bài thơ cũng bắt nguồn từ đời sống: khung cảnh mùa xuân của thiên nhiên, đất trời và mùa xuân của đất nước đã in bóng trong trang thơ của Thanh Hải; bên cạnh đó, còn có mùa xuân của lòng người: khát vọng cống hiến cho cuộc đời chung của tác giả.

+ Vẻ đẹp của bức tranh thiên nhiên rực rỡ sắc màu, rộn ràng âm thanh cuộc sống

+ Bức tranh mùa xuân đất nước gắn với niềm vui và hi vọng cho con người. (dẫn thơ, phân tích => cảm xúc của nhà thơ trước mùa xuân đất nước)

+ Chính vẻ đẹp của thiên nhiên, đất nước đã tác động đến tâm hồn thi nhân để thi nhân gửi gắm những ước nguyện chân thành mà thiết tha. (dẫn thơ, phân tích => tiếng lòng của nhà thơ trước khi từ giã cõi đời, tiếng lòng ấy như nhắc nhở mọi người về vai trò, trách nhiệm của mỗi cá nhân với cuộc đời)

- Bài thơ cũng “tạo được sự sống cho tâm hồn” độc giả: người đọc được cùng tác giả khám phá vẻ đẹp của thiên nhiên, của đất nước vào xuân; thêm yêu đời, yêu thiên nhiên và khao khát sống đẹp, sống cống hiến cho đời.

=> Văn nghệ có khả năng thức tỉnh tâm hồn con người, để con người sống có ý nghĩa hơn. Như nhà thơ Tố Hữu đã viết: *Nếu là con chim, là chiếc lá*

*Thì chim phải hót, chiếc lá phải xanh*

*Lẽ nào vay mà không trả*

*Sống là cho, đâu chỉ nhận riêng mình.*

**c) Đánh giá chung:**

Hai bài thơ *Sang thu, Mùa xuân nho nhỏ* là tác phẩm của những tác giả khác nhau, ra đời trong những hoàn cảnh khác nhau nhưng chúng đều là minh chứng tiêu biểu cho mối quan hệ giữa nghệ thuật và cuộc đời, nghệ thuật và người thưởng thức văn nghệ. Nhận định của Nguyễn Đình Thi đúng đắn và có tầm khái quát cao.

- Bằng những trải nghiệm của cuộc đời sáng tác, ý kiến của Nguyễn Đình Thi hoàn toàn đúng đắn khi nói đến mối quan hệ giữa văn học và hiện thực cuộc sống; vai trò của văn nghệ đối với đời sống con người.

- Ý kiến ấy đem đến bài học cho người sáng tác, là cơ sở để đánh giá giá trị của một tác phẩm.

**Đề 14:**

 Trên đỉnh núi Yên Sơn cao 2600 mét, có một anh cán bộ khí tượng kiêm vật lý địa cầu sống một mình, bốn bề chỉ có cây cỏ mây mù lạnh lẽo và một số máy móc khoa học. Nhưng khi gặp ông họa sĩ già anh vẫn khẳng định: “*Cháu sống thật hạnh phúc*”.
 ( “Lặng lẽ Sa Pa” - Nguyễn Thành Long)
 Ngoài biển khơi xa, trong đêm tối, có những con người vẫn háo hức ra đi trong tiếng hát. Họ “*Ra đậu dặm xa dò bụng biển/ Dàn đan thế trận lưới vây giăng*”.
 ( “Đoàn thuyền đánh cá” - Huy Cận)
 Núi cao biển xa, chân trời góc bể nhưng những người lao động ấy vẫn nhiệt tình, âm thầm mang sức lao động của mình cống hiến cho Tổ quốc.
 Dựa vào hai tác phẩm trên, em hãy làm sáng tỏ vẻ đẹp của người lao động mới?

**1. Mở bài:** ( 1,0 điểm)
Nêu đúng vấn đề và giới hạn - vẻ đẹp của người lao động mới trong hai tác phẩm: “Đoàn thuyền đánh cá” của Huy Cận và “Lặng lẽ Sa Pa” của Nguyễn Thành Long.
**2. Thân bài:** ( 8,0 điểm)
**\* Bối cảnh lịch sử và hoàn cảnh sáng tác (1,0 điểm)**
Sau chiến thắng chống thực dân Pháp, miền Bắc nước ta bắt tay ngay vào công cuộc xây dựng CNXH. Một không khí phấn khởi, hăng say lao động kiến thiết đất nước dấy lên khắp mọi nơi.
“Đoàn thuyền đánh cá” - Huy Cận (1958), “Lặng lẽ Sa Pa” - Nguyễn Thành Long (1970) đều là kết quả của những chuyến đi thực tế mà các tác giả sống trực tiếp cùng với những con người lao động. Hình tượng người lao động đã được khắc họa rõ nét trong hai tác phẩm. Họ thuộc đủ mọi lớp người, mọi lứa tuổi, với những nghề nghiệp khác nhau, làm việc ở những vùng khác nhau nhưng đều có chung những phẩm chất cao đẹp.
**a. Luận điểm 1 ( 2,0 điểm):** **Công việc, điều kiện làm việc của họ đầy gian khó, thử thách.**
- Người ngư dân trong bài thơ “Đoàn thuyền đánh cá” ra khơi khi thiên nhiên, vũ trụ vào trạng thái nghỉ ngơi. Đánh cá trên biển là một công việc rất vất vả và nguy hiểm. Nhưng những người ngư dân đã hòa nhập với thiên nhiên bao la và trở thàn\h hình ảnh sáng đẹp.
Trong “Lặng lẽ Sa Pa”: Anh thanh niên làm công tác khí tượng trên đỉnh Yên Sơn cao 2600 mét. Anh sống một mình, xung quanh anh chỉ có cây cỏ, mây mù lạnh lẽo và một số máy móc khoa học. Cái gian khổ nhất với anh là sự cô độc. Công việc của anh là “đo gió, đo mưa..dự báo thời tiết”. Công việc ấy đồi hỏi phải tỉ mỉ, chính xác. Mỗi ngày anh đo và báo số liệu về trạm bốn lần. Nửa đêm, đúng giờ “ốp” dù mưa tuyết, gió rét thế nào thì vẫn phải trở dậy làm việc.
**b.Luận điểm 2 (2,0 điểm): Trong điều kiện khắc nghiệt như vậy nhưng những người lao động ấy vẫn nhiệt tình, hăng say, mang hết sức lực của mình để cống hiến cho Tổ quốc.**- Những người ngư dân là những con người lao động tập thể. Họ hăm hở:
“ Ra đậu dăm xa dò bụng biển
Dàn đan thế trận lưới vây giăng.”
Họ làm việc nhiệt tình, hăng say trong câu hát.
- Anh thanh niên có những suy nghĩ đúng đắn, sâu sắc về công việc. Anh hiểu việc mình làm có ý nghĩa quan trọng “ phục vụ sản xuất…”. Công việc tuy lặp lại đơn điệu song anh vẫn rất nhiệt tình, say mê, gắn bó với nó ( qua lời anh nói với ông họa sĩ).
**c. Luận điểm 3 (2,0 điểm): Đó còn là những con người sống có lí tưởng và tràn đầy lạc quan. Họ thực sự tìm thấy niềm hạnh phúc trong công việc lao động đầy gian khổ.**- Đánh cá trong đêm đầy vất vả, nguy hiểm xong người ngư dân đã thu về thành quả thật tốt đẹp. Họ ra đi, làm việc và trở về đều trong câu hát. Hình ảnh thơ cuối bài rạng rỡ niềm vui, tin tưởng, hi vọng của người lao động. Họ vui say lao động vì một ngày mai “huy hoàng”.
- Lí tưởng sống của anh thanh niên trong Lặng lẽ SaPa là vì nhân dân, vì đất nước. Chính từ suy nghĩ : “mình sinh ra…. vì ai mà làm việc?” mà anh đã vượt lên nỗi “thèm người” để gắn bó với đỉnh Yên Sơn trong công việc thầm lặng.
Trong cái lặng im của Sa Pa ấy, không phải chỉ có anh thanh niên mà còn có cả thế giới những người “làm việc và lo nghĩ cho đất nước” qua lời anh kể như: ông kĩ sư vườn rau, đồng chí cán bộ nghiên cứu lập bản đồ sét… Họ thực sự tìm thấy niềm hạnh phúc trong lao động cống hiến.
**\* Đánh giá (1,0 điểm):** Người lao động vô danh trong hai tác phẩm đủ mọi thành phần, lứa tuối , nghề nhiệp, dù ở núi cao hay biển xa đều là những người nhiệt tình, say mê công việc, sống có lí tưởng. Họ là điển hình cao đẹp của con người lao động mới, con người trưởng thành trong công cuộc xây dưng CNXH ở miền Bắc.
**3. Kết bài (1,0 điểm):** Khẳng định thành công của các tác giả trong việc khắc họa hình ảnh người lao động và nêu cảm nghĩ hoặc liên hệ mở rộng.

Lưu ý: Ngoài cách triển khai như trên, nếu chứng minh lần lượt theo từng tác phẩm nhưng biết dùng lập luận tổng - phân - hợp (khái quát rõ vẻ đẹp nói chung của người lao động trong hai tác phẩm rồi mới chứng minh cụ thể, sau đó tổng hợp, nâng cao) để vấn đề được sáng tỏ

**Đề 15:** Trong văn bản *Tiếng nói của văn nghệ* (SGK Ngữ văn 9 - tập hai), Nguyễn Đình Thi viết: *“Bắt rễ ở cuộc đời hàng ngày của con người, văn nghệ lại tạo được sự sống cho tâm hồn người”.*

Qua hai tác phẩm *Sang thu* của Hữu Thỉnh và *Mùa xuân nho nhỏ* của Thanh Hải, em hãy làm sáng tỏ nhận định trên.

***a) Giải thích ngắn gọn ý kiến của Nguyễn Đình Thi:***

Ý kiến của Nguyễn Đình Thi nêu lên nguồn gốc của văn nghệ - trong đó có văn học - cũng như vai trò, ý nghĩa, tác động của văn nghệ đối với tâm hồn người tiếp nhận, thưởng thức:

- "Bắt rễ": bám sâu, bám chắc vào cuộc đời hằng ngày của con người (cuộc sống sinh hoạt của con người)

- "Văn nghệ": văn học nghệ thuật, sản phẩm sáng tạo của nghệ sĩ. Nhờ sản phẩm sáng tạo của người nghệ sĩ nên đã tạo được sự sống trong tâm hồn con người, làm tâm hồn con người trở nên tươi mát và có ý nghĩa hơn.

=> Nhận định của Nguyễn Đình Thi đã chỉ ra mối quan hệ giữa văn học và hiện thực cuộc sống. VH lấy chất liệu từ hiện thực cuộc sống để sáng tạo nên tác phẩm văn học và cuối cùng văn học lại quay trở về để phục vụ đời sống con người, cảm hóa con người

**\* Tại sao lại nói như vậy:**

- Vì văn nghệ không thể xa rời cuộc sống, phải viết về cuộc sống, nhất là cuộc sống của nhân dân lao động, những con người lao động và chiến đấu trên khắp mọi miền đất nước.

- Hiện thực cuộc sống là nguồn đề tài không bao giờ vơi cạn, giúp cho văn nghệ phát triển giống như Chế Lan Viên đã viết:

***Nhà thơ như con ong biến trăm hoa thành một mật***

***Một giọt mật thành, đòi vạn chuyến ong bay***

***Nay rừng nhãn non Đoài, mai vườn cam xứ Bắc***

***Ngọt mật ở đồng bằng mà hút nhị tận miền Tây.***

**(**Muốn trở thành nhà thơ, nhà văn thực sự thì cần phải chăm chỉ, cần cù trong lao động nghệ thuật.**)**

**- Mặt khác, tác phẩm văn học, nghệ thuật ra đời lại quay trở lại phục vụ đời sống hằng ngày, giúp con người mở rộng tâm hồn để yêu thương nhiều hơn, sống có ý nghĩ hơn. Đó là quy luật tồn tại, phát triển và cũng là chức năng cao cả của văn nghệ.**

**b. Chứng minh:** **Lấy chất liệu từ cuộc sống là nguồn cảm hứng cho sáng tác, Hữu Thỉnh đã phát hiện ra vẻ đẹp của bức tranh mùa thu qua bài "Sang thu" và nhà thơ Thanh Hải khám phá vẻ đẹp của bức tranh mùa xuân qua bài "MXNN", để từ đó nhà thơ bộc lộ tấm lòng yêu đời, yêu cuộc sống thiết tha.**

**\* Với bài *Sang thu*:**

- Bài thơ “bắt rễ ở cuộc đời”: khung cảnh thiên nhiên, đất trời trong khoảnh khắc giao mùa cuối hạ đầu thu trở thành chất liệu cho thi phẩm, trở thành nguồn cảm hứng nghệ thuật của Hữu Thỉnh.

 (Dẫn chứng - Phân tích vẻ đẹp của mùa thu trong bài thơ - **ngắn gọn**)

- Bài thơ “tạo được sự sống cho tâm hồn” người đọc: độc giả được cùng tác giả khám phá những tín hiệu ban đầu của thiên nhiên lúc sang thu; bài thơ khơi dậy trong lòng người đọc tình yêu thiên nhiên, yêu cảnh sắc quê hương Việt Nam; ở hai câu cuối (*Sấm cũng bớt bất ngờ - Trên hàng cây đứng tuổi*)ngoài nghĩa tả thực còn gợi suy ngẫm về triết lí cuộc đời: sự vững vàng của con người từng trải trước những biến động của cuộc sống.

 (Phân tích nghĩa thực, nghĩa biểu tượng của hai câu cuối)

\* Với bài *Mùa xuân nho nhỏ:*

- Bài thơ cũng bắt nguồn từ đời sống: khung cảnh mùa xuân của thiên nhiên, đất trời và mùa xuân của đất nước đã in bóng trong trang thơ của Thanh Hải; bên cạnh đó, còn có mùa xuân của lòng người: khát vọng cống hiến cho cuộc đời chung của tác giả.

+ Vẻ đẹp của bức tranh thiên nhiên rực rỡ sắc màu, rộn ràng âm thanh cuộc sống

+ Bức tranh mùa xuân đất nước gắn với niềm vui và hi vọng cho con người. (dẫn thơ, phân tích => cảm xúc của nhà thơ trước mùa xuân đất nước)

+ Chính vẻ đẹp của thiên nhiên, đất nước đã tác động đến tâm hồn thi nhân để thi nhân gửi gắm những ước nguyện chân thành mà thiết tha. (dẫn thơ, phân tích => tiếng lòng của nhà thơ trước khi từ giã cõi đời, tiếng lòng ấy như nhắc nhở mọi người về vai trò, trách nhiệm của mỗi cá nhân với cuộc đời)

- Bài thơ cũng “tạo được sự sống cho tâm hồn” độc giả: người đọc được cùng tác giả khám phá vẻ đẹp của thiên nhiên, của đất nước vào xuân; thêm yêu đời, yêu thiên nhiên và khao khát sống đẹp, sống cống hiến cho đời.

=> Văn nghệ có khả năng thức tỉnh tâm hồn con người, để con người sống có ý nghĩa hơn. Như nhà thơ Tố Hữu đã viết: *Nếu là con chim, là chiếc lá*

*Thì chim phải hót, chiếc lá phải xanh*

*Lẽ nào vay mà không trả*

*Sống là cho, đâu chỉ nhận riêng mình.*

**c) Đánh giá chung:**

Hai bài thơ *Sang thu, Mùa xuân nho nhỏ* là tác phẩm của những tác giả khác nhau, ra đời trong những hoàn cảnh khác nhau nhưng chúng đều là minh chứng tiêu biểu cho mối quan hệ giữa nghệ thuật và cuộc đời, nghệ thuật và người thưởng thức văn nghệ. Nhận định của Nguyễn Đình Thi đúng đắn và có tầm khái quát cao.

- Bằng những trải nghiệm của cuộc đời sáng tác, ý kiến của Nguyễn Đình Thi hoàn toàn đúng đắn khi nói đến mối quan hệ giữa văn học và hiện thực cuộc sống; vai trò của văn nghệ đối với đời sống con người.

- Ý kiến ấy đem đến bài học cho người sáng tác, là cơ sở để đánh giá giá trị của một tác phẩm.

 **CHUYÊN ĐỀ 4 : NGHỊ LUẬN VĂN HỌC**

**Thời lượng: 10 buổi**

**I. Những vấn đề chung.**

**1*. Đặc trưng của bài nghị luận văn học.***

 - Văn nghị luận là dùng ý kiến lý lẽ, dẫn chứng và cách lập luận để bàn bạc, phân tích, đánh giá một vấn đề nào đó. Vấn đề đó có thể là xã hội hoặc văn học.

- Nghị luận văn học là một dạng nghị luận mà các vấn đề đưa ra bàn luận là các vấn đề về văn học: tác phẩm, tác giả, thời đại văn học,…

 **-**Yêu cầu bài văn nghị luận: Phải đúng hướng, phải trật tự, phải mạch lạc, phải trong sáng, phải sinh động, hấp dẫn, sáng tạo.

- Những thao tác chính của văn nghị luận văn học:giải thích, chứng minh, phân tích, bình luận, bình giảng, so sánh,…

- Khi hướng dẫn học sinh làm bài văn nghị luận văn học cần chú ý các yêu cầu sau đây:

+ Củng cố kiến thức cơ bản ở mỗi tác phẩm văn học như: tác giả, hoàn cảnh sáng tác, giá trị nội dung, giá trị nghệ thuật, …

+ Củng cố cho học sinh nắm chắc các thao tác nghị luận về đoạn thơ, bài thơ, đoạn trích, tác phẩm văn xuôi.

+ Đối với thơ, cần chú ý đến hình thức thể hiện (hình ảnh, nhịp điệu, cấu trúc, biện pháp tu từ,..).

+ Đối với tác phẩm văn xuôi: chú ý đến cốt truyện, nhân vật, tình tiết, các dẫn chứng chính xác, giá trị hiện thực, giá trị nhân đạo, tình huống truyện,…

***2. Các dạng đề nghị luận văn học thường gặp trong đề thi HSG.***

Thông thường, nghị luận văn học có dạng cơ bản: nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ và nghị luận về một tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích). Tuy nhiên, đối với học sinh giỏi đề không chỉ dừng lại ở đó mà thường gắn với các vấn đề sau:

***a****. Nghị luận về một ý kiến bàn về văn học*

- Nghị luận về một giai đoạn văn học.

- Nghị luận về một vần đề mang tính lý luận được đặt ra trong tác phẩm văn học.

- Nghị luận về một vấn đề trong tác phẩm văn học

***b.*** *Nghị luận về một vấn đề mang tính chất so sánh đối chiếu trong văn học.*

***3. Yêu cầu đối với học sinh giỏi khi viết bài nghị luận văn học.***

Bên cạnh những yêu cầu kiến thức, kĩ năng cơ bản về viết bài văn nghị luận văn học đối với bất kì một học sinh nào thì học sinh giỏi cần thêm những yếu tố sau:

**a. Về kiến thức**

**- *Nắm chắc, hiểu sâu***, ***thấu đáo và toàn diện*** kiến thức tác phẩm: kiến thức văn học sử, tác giả, tác phẩm, giá trị nội dung, nghệ thuật… Điều này tưởng như đơn giản và thừa đối với học sinh giỏi. Song đôi khi do sự chủ quan cũng có học sinh nắm chưa chắc kiến thức nên dễ hiểu sai, hiểu chưa đúng những nội dung tư tưởng và giá trị nghệ thuật mà tác giả thể hiện nên dễ suy diễn lệch lạc.

- ***Tích luỹ kiến thức về lý luận văn học*** trong những buổi bồi dưỡng của thầy cô. Đối với đối tượng là học sinh giỏi, được trang bị kiến thức lý luận văn học giúp học sinh có những bình luận, đáng giá, nhận xét chuẩn xác hơn về một hiện tượng văn học nào đó, bài viết của các em trở nên sâu sắc hơn về ý tưởng, chặt chẽ hơn về lập luận, thuyết phục hơn khi đưa ra luận cứ.

Thực tế các kỳ thi học sinh giỏi cho thấy đề thi có liên quan đến kiến thức lý luận văn học chiếm một tỉ lệ khá lớn, dù với những dạng khác nhau.

Có những đề thi yêu cầu trực tiếp kiến thức lý luận để giải quyết vấn đề, giải quyết một hiện tượng văn học. Có những đề thi yêu cầu vận dụng một tỉ lệ kiến thức lý luận nhất định… Vì vậy trong quá trình giải quyết vấn đề cần có kiến thức này để cho bài văn thêm vững vàng về luận điểm, chặt chẽ trong lập luận, từ đó sẽ có sức thuyết phục hơn.

- ***Biết so sánh đối chiếu nét tương đồng và khác biệt giữa*** hai tác giả, tác phẩm ở cùng thời đại hoặc khác thời đại… Đây là kĩ năng khó. Vì vậy người viết không chỉ cần hiểu kĩ, hiểu sâu mà cần cả độ cảm nhận sâu sắc, tinh ý để thấy được điểm gặp gỡ tương đồng hay khác biệt ở các tác giả, tác phẩm.

**b. Về kĩ năng**

- Tổng hợp các kĩ năng nghị luận để lập luận chặt chẽ thuyết phục.

- Xác định đúng vấn đề nghị luận (luận đề) và hệ thống luận điểm, luận cứ để có kết cấu bài rõ ràng, khoa học. Biết phân tích và đưa dẫn chứng tiêu biểu phù hợp với hệ thống luận điểm để nổi bật trọng tâm bài viết, tránh trùng lặp.(Có đề thì phân tích bổ dọc tác phẩm, có đề phân tích bổ ngang tác phẩm, hoặc có đề chỉ lựa chọn một số chi tiết, hình ảnh, câu thơ câu văn tiêu biểu).

- Kết hợp các phương pháp lập luận giải thích, chứng minh (chủ yếu) với đánh giá tổng hợp vấn đề, khả năng cảm thụ, khám phá các giá trị của tác phẩm.

- Bài viết mạch lạc, lập luận thuyết phục, lời văn trong sáng, giàu hình ảnh, giàu cảm xúc.

**c. Về tâm lý**

Trong mỗi kì thi, học sinh gặp bao khó khăn: ***một khoảng thời gian không nhiều* (**150 phút cho một đề thi học sinh giói với nhiều phần kiến thức, kĩ năng tổng hợp), ***một không gian căng thẳng của phòng thi,*** hơn nữa ***đề thi*** hằng năm lại luôn ***thay đổi và biến hoá không ngừng.*** Đặc biệt hơn đốí với bài văn học sinh giỏi yếu tố ***biểu cảm*** - ***tình cảm, cảm xúc*** người viết rất quan trọng. Bởi lẽ là những rung cảm chân thành, tha thiết, những xúc động tinh tế của học sinh khi cảm nhận được tư tưởng, tình cảm đẹp được tác giả gửi gắm trong tác phẩm sẽ làm bài viết sâu sắc hơn, tác động mạnh mẽ hơn tới người đọc. Nếu không có bản lĩnh, sự tự tin thì sẽ không làm chủ được tư duy và cảm xúc của mình. Điều đó ảnh hưởng rất lớn đến kết quả bài thi. Vì vậy ngoài việc trang bị kiến thức, kĩ năng thì việc rèn bản lĩnh và lòng tự tin để học sinh có tâm lí ổn định khi làm bài thi là rất cần thiết.

**Phần II. Rèn kĩ năng viết kiểu bài nghị luận văn học cho học sinh giỏi lớp 9.**

**1. Kĩ năng chung cho các dạng đề học sinh giỏi thường gặp.**

***a. Nghị luận về một ý kiến bàn về văn học***

Ý kiến bàn về văn học có thể là một nhận định về văn học, một danh ngôn về vấn đề trong văn học. Vấn đề đó có thể thuộc lý luận văn học, về văn học sử, về tác phẩm, phong cách tác giả.

Để làm tốt được kiểu bài này giáo viên hướng dẫn học sinh như sau:

***- Yêu cầu về kiến thức***: Học sinh phải nắm được kiến thức về lý luận văn học, về văn học sử, về tác phẩm, về phong cách tác giả, quan điểm sáng tác…

Kiến thức có được là nhờ vào cả một quá trình tích luỹ, tổng hợp trong cả quá trình học tập, từ sách giáo khoa, từ các bài giảng của thầy cô…

***- Yêu cầu về phương pháp***: Phải hiểu đúng toàn diện nội dung, tinh thần của ý kiến, nhận định để xác định đề bài đề cập đến vấn đề gì, bản chất của vấn đề là gì?

Khi phân tích, chứng minh nhận định, học sinh phải biết nhìn nhận xem ý kiến, nhận định đó xác đáng chưa, sâu sắc chưa, có khía cạnh nào phải bàn thêm không, nếu có chúng ta cũng có thể sử dụng thao tác bình luận để làm sáng rõ quan điểm của mình.

**- Kĩ năng cho từng kiểu bài**:

**b. Nghị luận về một giai đoạn văn học (thường là dạng đề tổng hợp)**

***\* Nghị luận về một giai đoạn văn học:***  thường là các ý kiến bàn bạc, nhận định, khái quát chung về văn học Việt Nam, về các giai đoạn văn học, về các tác giả văn học,… Để lập ý và viết tốt bài văn thuộc dạng đề này, học sinh cần nắm được các yếu tố về hoàn cảnh lịch sử của giai đoạn văn học hoặc đặc điểm thời đại và hoàn cảnh sống của tác giả, lý giải được tại sao có những đặc điểm đó, nêu những biểu hiện của đặc điểm đó trong các tác phẩm, thấy đóng góp của vấn đề trong tiến trình phát triển của văn học. Với kiểu bài này học sinh phải có kiến thức tổng hợp về văn học, về lịch sử…Tuy nhiên, vài trở lại đây, đề học sinh giỏi ít ra dạng đề này.

***b.*** *Nghị luận về một vấn đề mang tính lý luận được đặt ra trong tác phẩm văn học*

Đây là kiểu bài đưa ra các ý kiến bàn về những đặc trưng cơ bản của văn học, các thể loại tiêu biểu như truyện, thơ, kịch,… các vấn đề thuộc phạm vi lý luận văn học như tiếp nhận văn học, phong cách nghệ thuật,… Để viết được bài văn hay và đúng cho kiểu bài này, học sinh cần có kiến thức lí luận sâu sắc để giải thích, cắt nghĩa và làm nổi bật vấn đề nghị luận. Đồng thời khi lập ý cho bài viết, học sinh cần xác định rõ vấn đề nghị luận, bàn đến vấn đề gì, thuộc phạm vi nào? Tại sao lại nói như thế? Nội dung ấy được biểu hiện như thế nào qua tác phẩm văn học tiêu biểu?

***c. Nghị luận về một vấn đề trong tác phẩm văn học***thường là các ý kiến đánh giá, nhận xét về một khía cạnh nào đó của tác phẩm như những giá trị nội dung, những đặc sắc nghệ thuật, những quy luật, khám phá, chiêm nghiệm về đời sống toát lên từ tác phẩm, những nhận xét về các nhân vật,… Để lập ý, để viết bài học sinh cần hiểu kĩ, hiểu sâu về tác phẩm, biết cách huy động kiến thức để làm sáng tỏ vấn đề. Cụ thể như: nêu xuất xứ của vấn đề (Xuất hiện ở phần nào của tác phẩm? Ai nói? Nói trong hoàn cảnh nào?,…), phân tích những biểu hiện cụ thể của vấn đề (Được biểu hiện như thế nào? Những dẫn chứng cụ thể để chứng minh,…). Từ đó đánh giá ý nghĩa của vấn đề trong việc tạo nên giá trị của tác phẩm văn học.

***d. Nghị luận về một vấn đề văn học mang tính chất so sánh, đối chiếu***

Đây là dạng đề yêu cầu học sinh phải biết tổng hợp, khái quát so sánh, đối chiếu những vấn đề trong các tác phẩm văn học.

Kiểu bài so sánh văn học yêu cầu thực hiện cách thức so sánh trên nhiều bình diện: đề tài, nhân vật, tình huống, cốt truyện, cái tôi trữ tình, chi tiết nghệ thuật, nghệ thuật trần thuật… Quá trình so sánh có thể chỉ diễn ra ở các tác phẩm của cùng một tác giả, nhưng cũng có thể diễn ra ở những tác phẩm của các tác giả cùng hoặc không cùng một thời đại, giữa các tác phẩm của những trào lưu, trường phái khác nhau của một nền văn học. Mục đích cuối cùng của kiểu bài này là yêu cầu học sinh chỉ ra được chỗ giống và khác nhau giữa hai tác phẩm, hai tác giả, từ đó thấy được những mặt kế thừa, những điểm cách tân của từng tác giả, từng tác phẩm; thấy được vẻ đẹp riêng của từng tác phẩm; sự đa dạng muôn màu của phong cách nhà văn. Đây là một kiểu bài khó đối với học sinh giỏi THCS.

Để làm tốt được kiểu bài này giáo viên phải hướng dẫn học sinh như sau:

***Yêu cầu về kiến thức***: Nhóm các văn bản về cùng một đề tài, một xu hướng, một trào lưu văn học.

***Yêu cầu về phương pháp***: Xác định được vấn đề cần phải làm sáng tỏ là gì? Giải thích cho người đọc hiểu khái niệm của vấn đề đó; biểu hiện của vấn đề đó trong từng tác phẩm cụ thể; so sánh để chỉ ra sự giống nhau, khác nhau của vấn đề đó trong từng tác phẩm; lý giải nguyên nhân vì sao có sự giống nhau và khác nhau đó.

**II. Cấu trúc bài nghị luận văn học**

**1. Nghị luận về bài thơ**

**a. Mở bài**

- Giới thiệu vấn đề nghị luận .

- Nêu phạm vi dẫn chứng ( tác giả, tác phẩm; dẫn nhận định nếu có ).

**b. Thân bài**

- Khái quát chung:

+ Hoàn cảnh sáng tác/ sự gặp gỡ về đề tài chủ đề với tác phẩm khác .

+ Giải thích nhận định ( nếu đề bài có ).

=> Dẫn chứng văn học .

- Phân tích , chứng minh làm rõ nội dung tư tưởng , nghệ thuật của từng khổ thơ trong bài hoặc theo luận điểm ( đủ cấp độ luận điểm -> lí lẽ ->dẫn chứng ) .

=> Dẫn chứng văn học .

- Bình luận mở rộng / nâng cao vấn đề .

+ Nhận xét về tâm hồn và tài năng của tác giả qua bài thơ .

+ Liên hệ bài học cuộc sống.

=> Dẫn chứng văn học.

**c. Kết bài**

- Đánh giá giá trị bài thơ trong hệ thống các tác phẩm của giai đoạn/chủ đề.

- Nhận xét về vị trí, đặc điểm phong cách nghệ thuật của nhà thơ.

**2. Nghị luận về đoạn thơ**

**a. Mở bài**

- Giới thiệu vấn đề nghị luận.

- Nêu phạm vi dẫn chứng (tác giả,tác phẩm,trích dẫn đoạn thơ; trích dẫn nhận định nếu có,...).

**b.Thân bài**

- Khái quát chung:

+ Hoàn cảnh sáng tác bài thơ.

+ Vị trí đoạn thơ để thấy được sự tiếp nối cảm xúc của đoạn thơ trong mạch cảm xúc của toàn bài.

+ Giải thích nhận định ( nếu đề bài có ).

=> Dẫn chứng văn học.

- Làm rõ nội dung tư tưởng,nghệ thuật của đoạn thơ theo từng câu hoặc theo luận điểm (đủ cấp độ luận điểm -> lí lẽ-> dẫn chứng).

=> Dẫn chứng văn học.

- Bình luận mở rộng/nâng cao vấn đề:

+ Nhận xét về tâm hồn và tài năng của tác giả qua bài thơ.

+ Liên hệ bài học cuộc sống.

=> Dẫn chứng văn học.

**c. Kết bài**

- Đánh giá vai trò và ý nghĩa đoạn thơ trong việc thể hiện tư tưởng bài thơ,thành công của bài thơ.

- Nhận xét phong cách nghệ thuật của nhà thơ.

**3. Nghị luận về ý nghĩa nhan đề bài thơ**

**a. Mở bài**

- Vai trò của nhan đề đối với tác phẩm nói chung .

- Giới thiệu về tác giả, tác phẩm, nhan đề tác phẩm .

**b.Thân bài**

- Nêu ý nghĩa nhan đề qua việc giải thích những từ ngữ / hình ảnh hàm chứa ý nghĩa , từ đó suy ra ý nghĩa của cả nhan đề .

=> Dẫn chứng trong bài thơ .

**c. Kết bài**

- Khẳng định sự thành công của tác giả với việc đặt nhan đề .

- Nêu tư tưởng , chủ đề bài thơ .

**4. Nghị luân về nhân vật hoặc nhóm nhân vật trong tác phẩm truyện / đoạn trích**

**a. Mở bài**

- Giới thiệu về tác giả , vị trí của tác giả trong nền văn học dân tộc .

- Giới thiệu về tác phẩm ( đánh giá sơ lược về tác phẩm ).

- Giới thiệu vấn đề cần nghị luận ( nhân vật / nhóm nhân vật - nhận định ).

**b. Thân bài**

- Khái quát chung :

+ Giải thích nhận định ( nếu có ).

+ Giới thiệu hoàn cảnh sáng tác / tình huống truyện .

+ Giới thiệu hoàn cảnh sống của nhân vật / nhóm nhân vật.

=> Dẫn chứng văn học.

- Phân tích ,chứng minh :

+ Ngoại hình .

+Tính cách , phẩm chất của nhân vật ( thông qua cử trỉ, lời nói , hành động , mối quan hệ của nhân vật đó với các nhân vật khác trong tác phẩm ).

=> Dẫn chứng văn học .

- Bình luận mở rộng / nâng cao vấn đề:

+ Nghệ thuật xây dựng nhân vật của tác giả .

+ Đánh giá về vai trò của nhân vật đối với tác phẩm và đối với sự thành công của tác giả , đặt vào hệ thống các tác phẩm cùng chủ đề .

+ Bài học cuộc sống em học được từ nhân vật .

=> Dẫn chứng văn học .

**c. Kết bài**

- Khẳng định sự thành công của tác giả với việc xây dựng nhân vật .

- Đánh giá giá trị tác phẩm.

**5. Nghị luận về một/hai nhận định liên quan đến tác phẩm truyện/đoạn trích**

**a. Mở bài**

- Giới thiệu về tác giả , vị trí của tác giả trong nền văn học dân tộc .

- Giới thiệu về tác phẩm ( đánh giá sơ lược về tác phẩm ).

-Giới thiệu vấn đề cần nghị luận ( nêu vấn đề nghị luận và trích dẫn nhận định ).

**b.Thân bài**

- Khái quát chung:

+ Giới thiệu hoàn cảnh sáng tác.

+ Giải thích nhận định(giải nghĩa từ khóa,giải thích nghĩa cả câu để thấy được vấn đề nghị luận ).

- Phân tích chứng minh : theo luyện điểm( đủ cấp độ luận điểm-> lí lẽ->dẫn chứng).

+ Khắng định tính đúng đắn của nhận định.Lí giải vì sao?

+ Phản biện,bổ sung tính toàn diện cho nhận định ( nếu có ).

=> Dẫn chứng văn học.

- BÌnh luận mở rộng/nâng cao vấn đề:

+ Nghệ thuật đặc sắc của tác phẩm/ đoạn trích .

+ Đánh giá về đặc điểm về đặc điểm sáng tác/phong cách nghệ thuật của tác giả qua việc đối sánh với các tác phẩm khác cùng chủ đề.

+ Bài học cuộc sống mà em nhận được từ tác phẩm/đoạn trích.

=> Dẫn chứng văn học

**c. Kết bài**

- Khẳng định sự thành công của tác phẩm/tác giả(xoay quanh vấn đề nghị luận).

- Đánh giá giá trị của tác phẩm.

**6. Nghị luận giải thích ý nghĩa nhan đề tác phẩm truyện**

**a. Mở bài**

- Vai trò của nhan đề đối với tác phẩm nói chung.

- Giới thiệu về tác giả,tác phẩm,nhan đề tác phẩm.

**b. Thân bài**

- Nêu ý nghĩa nhan đề qua việc giải thích những từ ngữ / hình ảnh hàm chứa ý nghĩa , từ đó suy ra ý nghĩa của cả nhan đề.

=> Dẫn chứng trong truyện.

**c. Kết bài**

- Khẳng định sự thành công của tác giả trong việc đặt nhan đề.

- Nêu tư tưởng, chủ đề chuyện.

 **7. Nghị luận vai trò tình huống truyện**

**a. Mở bài:**

- Giải thích và nêu vai trò của tình huống đối với tác phẩm.

- Giới thiệu về tác giả,tác phẩm;khẳng định sự thành công của tác phẩm trong việc sử dụng tình huống truyện đặc sắc.

**b. Thân bài:**

- Nêu tình huống.

- Phân tích vai trò tình huống:

+ Bộc lộ rõ nét tính cách,phẩm chất nhân vật(phân tích,chứng minh).

+ Thể hiện rõ tư tưởng,chủ đề của tác phẩm(phân tích,chứng minh).

=> Dẫn chứng trong truyện.

**c. Kết bài**

- Khẳng định sự thành công của tác giả với việc xây dựng tình huống.

- Nêu giá trị tác phẩm.

**8. Nghị luận về giá trị hiện thực, giá trị nhân đạo của tác phẩm trong truyện.**

**a. Mở bài**

- Giới thiệu về tác giả, vị trí của tác giả trong nền văn học dân tộc .

- Giới thiệu về tác phẩm ( đánh giá sơ lược về tác phẩm ).

- Giới thiệu vấn đề cần nghị luận ( nêu vấn đề nghị luận và trích dẫn nhận định).

**b.Thân bài**

- Khái quát chung:

+ Giới thiệu hoàn cảnh sáng tác.

+ Giải thích giá trị hiện thực,nhân đạo.

- Phân tích chứng minh: theo luận điểm( đủ theo cấp độ luận điểm-> lí lẽ-> dẫn chứng)

+ Giá trị hiện thực: phản ánh hiện thực đời sống xã hội như thế nào ? Phản ánh cuộc đời,số phận con người như thế nào ?

+ Giá trị nhân đạo: ngợi ca,chân trọng nét đẹp của con người(ngoại hình,phẩm chất);cảm thương với nỗi đau/ khổ cực của con người; đồng tình với những khát vọng,ước mơ chân chính của con người;lên án tố cáo những thế lực chà đạp lên nhân phẩm,danh dự của con người.

=> Dẫn chứng văn học.

- Bình luận mở rộng/nâng cao vấn đề:

+ Đặc sắc nghệ thuật của truyện để làm nổi bật giá trị hiện thực và giá trị nhân đạo.

+ Tài năng và tấm lòng mà tác giả thể hiện qua tác phẩm .

+ Bài học cuộc sống em nhận được từ tác phẩm/đoạn trích.

=> Dẫn chứng văn học.

**c. Kết bài**

- Khẳng định sự thành công của tác phẩm/tác giả(xoay quanh vấn đề nghị luận).

- Đánh giá giá trị của tác phẩm.

**9. Nghị luận so sánh văn học (cách triển khai ý nối tiếp)**

**a.Mở bài**

- Nêu vấn đề nghị luận.

- Giới thiệu khái quát về đối tượng so sánh( tên tác giả,văn bản;đoạn trích)

**b.Thân bài**

- Khái quát chung :

+ Giới thiệu hoàn cảnh sáng tác.

+ Đề tài chủ đề của cả hai tác phẩm.

- Phân tích,chứng minh: theo luận điểm( cấp độ luận điểm -> lí lẽ -> dẫn chứng)

+ Làm rõ đối tượng so sánh 1.

+ Làm rõ đối tượng so sánh 2.

+ So sánh: nét tương đồng,khác biệt.

=> Dẫn chứng văn học.

- Bình luận mở rộng/nâng cao vấn đề:

+ Lý giải sự khác biệt.

+ Tài năng và tấm lòng của tác giả thể hiện qua tác phẩm.

=> Dẫn chứng văn học.

**c. Kết bài**

- Khái quát nét giống và khác nhau tiêu biểu,đánh giá giá trị tạo nên sự phong phú của giai đoạn văn học.

 **10. Nghị luận so sánh văn học ( cách triển khai ý song song ).**

**a. Mở bài**

- Nêu vấn đề nghị luận.

-Giới thiệu khái quát về đối tượng so sánh( tên tác giả,văn bản;đoạn trích)

**b.Thân bài**

- Khái quát chung :

+ Giới thiệu hoàn cảnh sáng tác.

+ Đề tài chủ đề của cả hai tác phẩm.

- Phân tích,chứng minh: theo luận điểm( cấp độ luận điểm -> lí lẽ -> dẫn chứng)

+ Điểm giống nhau:

 Luận điểm 1 ( lấy dẫn chứng cả hai văn bản)

 Luận điểm 2 ( lấy dẫn chứng cả hai văn bản)

 Luận điểm...

+ Điểm khác nhau:

 Luận điểm 1 ( lấy dẫn chứng cả hai văn bản)

 Luận điểm 2 ( lấy dẫn chứng cả hai văn bản)

 Luận điểm...

=> Dẫn chứng văn học.

- Bình luận mở rộng/nâng cao vấn đề:

+ Lý giải sự khác biệt.

+ Tài năng và tấm lòng của tác giả thể hiện qua tác phẩm.

=> Dẫn chứng văn học.

**c. Kết bài**

- Khái quát nét giống và khác nhau tiêu biểu,đánh giá giá trị tạo nên sự phong phú của giai đoạn văn học.

**III. Áp dụng cấu trúc**

**1. Đề 1:** Có ý kiến cho rằng*: Niềm vui của nhà văn chân chính là được làm người dẫn đường đến xứ sở của cái đẹp*.

Hãy khám phá “*xứ sở của cái đẹp*” qua bài thơ *Đoàn thuyền đánh cá* ( Huy Cận, Ngữ văn 9, tập 1).

**\* Nêu vấn đề nghị luận**

- Dẫn dắt vấn đề

- Giới thiệu vấn đề nghị luận.

**\* Giải thích ý kiến**

- Nhà văn chân chính: Người hội tụ cả 2 yếu tố tâm, tài. Người luôn đặt mục đích sáng tác vào con người và cuộc sống. Đem ngòi bút của mình phục vụ đời sống và có ích cho con người.

- Xứ sở của cái đẹp: Thực chất là thế giới nghệ thuật mà nhà văn tạo dựng nên trong tác phẩm văn học.

+ Đó là vẻ đẹp của cảnh sắc thiên nhiên, tâm hồn con người. Là vẻ đẹp trong tư tưởng, tình cảm của con người trong lao động, chiến đấu, các lĩnh vực khác… mà nhà văn mang tới cho người đọc.

+ Vẻ đẹp hình thức là khả năng xây dựng được những hình tượng nghệ thuật sinh động, độc đáo, hấp dẫn. Là khả năng kết cấu chặt chẽ, tình huống hợp lí và khả năng sử dụng ngôn từ điêu luyện...

+ Người dẫn đường: Người đem đến cho người đọc những tác phẩm văn học có giá trị để người đọc có những rung cảm thẩm mĩ đánh thức tâm hồn con người làm cho con người yêu cuộc sống, khao khát hướng tới những gì đẹp đẽ tốt lành cho cuộc đời.

=> Nhận định trên đã đề cập đến vai trò sáng tạo và xứ mệnh của nhà văn chân chính – người sáng tạo ra cái Đẹp.

**\* Chứng minh**

- Xứ sở của cái đẹp trong *Đoàn thuyền đánh cá* được thể hiện ở vẻ đẹp của thiên nhiên vùng biển Hạ Long :

+ Đó là cảnh thiên nhiên bao la, bát ngát, hùng vĩ khiến cảnh lao động thêm hùng tráng.

+ Thiên nhiên kì ảo, thơ mộng khiến cảnh lao động trở lên thi vị

+ Thiên nhiên đầy sức sống, ấm áp, gần gũi với con người

+ Thiên nhiên giàu có ban tặng bao loài cá với vẻ đẹp lộng lẫy và rực rỡ làm nên kết quả tốt đẹp của người lao động, ...

(Lấy được dẫn chứng, phân tích)

->Tất cả làm nên một bức tranh thiên nhiên đẹp kì lạ, hấp dẫn gợi ra cho ta bao liên tưởng và yêu mến.

- Xứ sở của cái đẹp trong *Đoàn thuyền đánh cá* còn được thể hiện ở vẻ đẹp hấp dẫn của con người:

+ Niềm say mê hướng khởi trong LĐ

+ Tâm hồn phơi phới lạc quan.

+ Niềm vui thắng lợi qua thành quả lao động

-> Hình ảnh con người lao động được khắc họa trong sự hòa hợp với thiên nhiên, nổi bật ở vị trí trung tâm,. Tầm vóc của con người được do bằng tầm vóc của vũ trụ. Vẻ đẹp của họ vừa hào hùng,vừa lãng mạn.

->Tất cả đã tạo nên xứ sở của cái đẹp: thiên nhiên đẹp, con người đẹp

*\* Xứ sở của cái đẹp trong Đoàn thuyền đánh cá được thông qua những phương tiên nghệ thuậtđặc sắc:*

+ Thể thơ: thất ngôn trường thiên.

+ Ngôn từ hình ảnh đẹp kỳ vĩ tráng lệ

+ Giọng điệu: hào hùng, sôi nổi, say mê.

+ Vận dụng sáng tạo các biện pháp tu từ: nhân hóa, ẩn dụ, so sánh…

**\* Đánh giá**

- Ý kiến trên xác đáng đem đến cho người nghệ sĩ những kinh nghiệm sáng tác quý giá.

- Là cơ sở để người đọc tiếp nhận được thế giới nghệ thuật của nhà văn. Yêu cái đẹp của văn chương là chúng ta yêu tấm lòng của nhà văn. Họ là những kĩ sư tâm hồn đốt cháy mình để có được ánh sáng, niềm vui dẫn ta đến bến bờ xứ sở của cái đẹp trong cuộc sống.

- Cần phải hiểu, cái đẹp trong tác phẩm văn học đa dạng, phong phú được khơi nguồn kết tinh từ cuộc sống. Nhưng đời sống ấy được khúc xạ qua ánh sáng, cảm quan, quá trình lao động cực nhọc, sáng tạo, mê say của nhà văn để có được sức hấp dẫn, những giá trị đẹp của con người, làm cho con người sống tốt hơn.

**2. Đề 2: Bàn về lao động nghệ thuật của nhà văn, Mác-xen Pruxt cho rằng:**

**“Một cuộc thám hiểm thực sự không phải ở chỗ cần một vùng đất mới mà cần một đôi mắt mới”.**

**Bằng hiểu biết về tác phẩm “Bài thơ về tiểu đội xe không kính” của Phạm Tiến Duật (Ngữ văn 9, tập 1) liên với truyện ngắn “Lão Hạc” (Ngữ văn 8, tập 1) của Nam Cao em hãy làm rõ quan điểm về sáng tạo nghệ thuật của Mác-xen Pruxt.**

**a. Mở bài**

- Dẫn dắt và nêu vấn đề nghị luận.

**b. Thân bài**

**\* Giải thích:**

 - Cuộc thám hiểm thật sự:Quá trình lao động nghệ thuật (nghiêm túc, gian khổ và đầy bản lĩnh) của nhà văn để sáng tạo nên tác phẩm văn học đích thực.

- Vùng đất mới:Hiện thực đời sống chưa được nhà văn khám phá (đề tài mới).

**-** Đôi mắt mới: Cách nhìn và cách cảm thụ, phản ánh đời sống và con người mới mẻ, sáng tạo.

—> Ý kiến trên khẳng định cách nhìn, cách cảm thụ độc đáo, giàu tính phát hiện của nhà văn về đời sống và con người. Đây là biểu hiện để tạo nên phong cách riêng của người nghệ sĩ, dù trên những vùng đất mới hay đã cũ thì người nghệ sĩ ấy vẫn có dấu ấn riêng để khẳng định vị trí của mình trong văn học.

**\* Bàn luận**

- Để tạo nên tác phẩm nghệ thuật đích thực, nhà văn phải có tài năng, tâm huyết, có bản lĩnh và phải biết lao động nghệ thuật nghiêm túc, gian khổ giống như“cuộc thám hiểm thực sự”. Nếu dấn thân vào“vùng đất mới” mà nhà văn không có cách nhìn, cách cảm thụ đời sống mới mẻ thì cũng không thể tạo nên tác phẩm nghệ thuật có giá trị đích thực.

- Dù viết về đề tài đã cũ nhưng bằng cái nhìn độc đáo, giàu tính khám phá, phát hiện, nhà văn vẫn thấu suốt bản chất đời sống, mang lại cho tác phẩm giá trị tư tưởng sâu sắc.

- Nếu nhà văn có“đôi mắt mới”, biết nhìn nhận con người và đời sống giàu tính khám phá, phát hiện lại tiếp cận với một“vùng đất mới”, thì sức sáng tạo của nhà văn và giá trị của tác phẩm càng độc đáo, càng cao. Vì thế, coi trọng vai trò quyết định của“đôi mắt mới” nhưng cũng không nên phủ nhận ý nghĩa của“vùng đất mới” trong thực tiễn sáng tác.

- Để có cái nhìn và cách cảm thụ độc đáo nhà văn phải bám sát vào hiện thực đời sống; trau dồi tài năng, bản lĩnh (sự tinh tế, sắc sảo...); bồi dưỡng tâm hồn (tấm lòng, tình cảm đẹp với con người và cuộc đời...); xác lập một tư tưởng, quan điểm đúng đắn, tiến bộ.

**\* Chứng minh**

***\* Qua “Bài thơ về tiểu đội xe không kính”***

- Hoàn cảnh sáng tác của bài thơ

- Bài thơ khai thác đề tài người lính và chiến tranh – vùng đất quen thuộc với nhiều văn nghệ sĩ.

+ Tác phẩm đã tái hiện cuộc kháng chiến chống Mĩ với nhiều khó khăn gian khổ nơi chiến trường (bom giật, bom rung, kính vỡ, bụi phun, mưa xối…) và tinh thần chiến đấu, đời sống tình cảm của người lính lái xe trên tuyến đường Trường Sơn.

- Khác với các nhà thơ cùng thời, khi viết về đề tài người lính, Phạm Tiến Duật thể hiện một cách nhìn mới, một “đôi mắt mới”. Đôi mắt mới thể hiện ở việc khám phá ra một tứ thơ lạ xuất hiện trong cuộc sống đời thường của kháng chiến chống Mỹ (dẫn chứng)

-> Xây dựng hình tượng này, Phạm Tiến Duật vừa cho ta thấy sự khốc liệt của chiến tranh vừa làm nổi bật hình tượng trung tâm của bài thơ là người lính lái xe Trường Sơn.

- Nhà thơ không né tránh hiện thực mà nhìn thẳng vào cuộc kháng chiến khốc liệt để làm nổi bật chất thơ toát lên từ hiện thực khốc liệt của chiến tranh – Đó là vẻ đẹp của người lính

+ Tư thế ung dung, hiên ngang (dẫn chứng)

+ Tinh thần lạc quan, dũng cảm, bất chấp mọi khó khăn, gian khổ với thái độ ngang tàng, trẻ trung, tinh nghịch. (dẫn chứng)

+ Tình đồng đội, đồng chí cao đẹp giữa những người lính lái xe trên tuyến đường Trường Sơn đầy bom rơi, bão đạn. (dẫn chứng)

+ Ý chí quyết thắng, trái tim yêu nước nồng nàn, tất cả vì miền Nam phí trước. (dẫn chứng)

-> Đó là vẻ đẹp tiêu biểu của thế hệ trẻ Việt Nam trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

- Để truyền tải cái mới về hiện thực cuộc sống và con người, nhà thơ đã có những sáng tạo mang dấu ấn nghệ thuật riêng: Nhan đề, đề tài, khai thác chất liệu hiện thực đời sống, bút pháp tả thực kết hợp lãng mạn bay bổng, ngôn ngữ thơ gần với văn xuôi, giọng điệu trẻ trung, sôi nổi.

=> Với đôi mắt mới, cách nhìn mới, cách khám phá riêng về hiện thực cuộc sống và chiến đấu của người lính lái xe Trường Sơn Phạm Tiến Duật đã đưa vào trang thơ của mình bức tượng đài chân thực về hình ảnh người lính lái xe thời kỳ chống Mỹ cứu nước, với một vẻ đẹp riêng.

***\* Liên hệ truyện ngắn “Lão Hạc” của Nam Cao***

- Truyện ngắn đã khai thác về đề tài cuộc sống của người nông dân Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám năm 1945 đây cũng là một trong những đề tài quen thuộc được nhiều nhà văn khai thác và xây dựng như “Tắt đèn” của Ngô Tất Tố hay “Bước đường cùng” của Nguyễn Công Hoan.

- Cũng viết về cuộc sống của người nông dân trước Cách mạng tháng Tám năm 1945, tức là “vùng đất cũ” nhưng Nam Cao đã có “đôi mắt mới” để “khơi những nguồn chưa ai khơi và sáng tạo những gì chưa có”. Truyện ngắn “Lão Hạc” thể hiện cái nhìn mới, những khám phá bất ngờ về người nông dân thông qua nhân vật “Lão Hạc”

+ Nam Cao xây dựng Lão Hạc là một người nông dân hiền lành, lương thiện, chăm chỉ làm ăn nhưng có cuộc đời cô đơn, vất vả, đói kém, cơ cực.

Nhưng người nông dân ấy lại là một con người giàu đức hi sinh với một tình yêu con nồng nàn, sâu sắc.

+ Lão Hạc còn là một con người giàu lòng tự trọng: sống trong cái đói, cái nghèo nhưng không bị sự bần hàn ấy vấy bẩn, không bị tha hóa về nhân phẩm.

-> Lão Hạc trở thành điển hình cho số phận và vẻ đẹp của người nông dân trước cách mạng tháng Tám.

- Sáng tạo nghệ thuật độc đáo ở Nam Cao: giọng điệu triết lí sâu sắc về cuộc đời, nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật chân thực, cách kể chuyện hấp dẫn.

=> Nam Cao đã có cái nhìn và cách cảm thụ độc đáo về một đề tài đã cũ. Nhưng bằng “đôi mắt mới” và tài năng của mình đã tạo nên một phong cách riêng không lặp lại bất kỳ ai và cũng không lặp lại chính mình.

**\* So sánh hai tác phẩm**

- Điểm chung: Phạm Tiến Duật và Nam Cao đều chọn khai thác hiện thực từ những vùng đất đã cũ, đề tài cũ; Cả hai nhà thơ, nhà văn đều có khám phá riêng, tài năng riêng, độc đáo.

- Điểm riêng:

+ Phạm Tiến Duật khai thác đời sống ở chiến trường với vẻ đẹp ngang tàng của người lính lái xe Trường Sơn, với cái nhìn mới mẻ, đầy sáng tạo, giọng điệu ngang tàng, trẻ trung, tinh nghịch….

+ Nam Cao khai thác về đề tài người nông dân với đời sống bần cùng trước Cách mạng tháng Tám nhưng vẫn sáng người những phẩm chất cao quý, với cách kể chuyện hấp dẫn, nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật….

**\* Đánh giá, nâng cao**

- Khẳng định vai trò của đôi mắt mới trong cách cảm thụ đời sống của nhà văn.

- Để tạo nên tác phẩm nghệ thuật, để có cái nhìn và cách cảm thụ độc đáo nhà văn phải bám sát vào hiện thực đời sống, trau dồi tài năng…lao động nghệ thuật nghiêm túc như một “cuộc thám hiểm thực sự”.

- Người đọc khi tiếp cận tác phẩm cần trân trọng, đồng điệu với sáng tạo của nhà văn, nhà thơ.

**c. Kết bài**

- Khẳng định tính đúng đắn của ý kiến.

- Khái quát lại giá trị của tác phẩm và tài năng của nhà văn, nhà thơ.

**CHUYÊN ĐỀ 4 : NGHỊ LUẬN VĂN HỌC**

**(LUYỆN ĐỀ)**

**Thời lượng: 5 buổi**

**Đề 1:** Nguyễn Đình Thi từng quan niệm: ***“Tác phẩm nghệ thuật nào cũng xây dựng bằng những chất liệu mượn ở thực tại. Nhưng nghệ sĩ không ghi lại cái đã có rồi mà còn muốn nói một điều gì mới mẻ. Anh gửi vào tác phẩm một lá thư, một lời nhắn nhủ, anh muốn đem một phần của mình góp vào đời sống chung quanh”.***

 **(**Trích ***Tiếng nói của văn nghệ*,** SGK *Ngữ văn 9*, Tập hai, NXB Giáo dục, 2011, tr.12 -13).

 Em hiểu thế nào là *điều mới mẻ, lời nhắn nhủ* trong quan niệm của Nguyễn Đình Thi? Qua bài thơ *Ánh trăng*, em hãy làm rõ *điều mới mẻ* và *lời nhắn nhủ* mà nhà thơ Nguyễn Duy muốn góp vào đời sống.

**Đáp án:**

**- *Yêu cầu về kĩ năng***

 *Hiểu đề, biết cách làm bài văn nghị luận văn học. Bố cục rõ ràng, lập luận chặt chẽ. Hành văn trôi chảy. Văn viết có cảm xúc. Không mắc lỗi diễn đạt, dùng từ, ngữ pháp, chính tả.*

***- Yêu cầu về kiến thức***

Học sinh có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng bài viết cần đáp ứng các yêu cầu sau:

**I. Mở bài**

- Văn học là tấm gương phản ánh hiện thực qua lăng kính chủ quan của các tác giả. Cho nên đến với mỗi tác phẩm văn học người đọc không chỉ thấy được bức tranh hiện thực mà còn thấy tâm tư, tình cảm, thấy những điều nhà văn muốn nói, muốn gửi tới bạn đọc.

- Vì thế nhà văn Nguyễn Đình Thi viết: “ Tác phẩm…chung quanh”

Với nhận định này nhà văn muốn khẳng định vai trò của chức năng giáo dục và cải tạo xã hội của văn học nghệ thuật.

- Soi vào ***Ánh trăng*** của nhà thơ Nguyễn Duy ta thấy nhận định ấy thật đúng.

**II. Thân bài**

1. Giải thích

 - *Điều mới mẻ*: là cách cảm nhận và thể hiện độc đáo của người nghệ sĩ về hiện thực đời sống.

- *Lời nhắn nhủ*: Là tư tưởng, tình cảm, thông điệp thẩm mỹ mà người nghệ sĩ muốn gửi đến bạn đọc thông qua tác phẩm nghệ thuật của mình.

Thông điệp ấy gắn với chức năng giáo dục và cải tạo xã hội của văn học nghệ thuật

***2. Phân tích, chứng minh****: Điều mới mẻ và lời nhắn nhủ*của Nguyễn Duyqua ***Ánh trăng* (4,0 điểm)**

 *- Giới thiệu khái quát về tác giả, tác phẩm (0,25 điểm)*

+ Nguyễn Duy là nhà thơ – chiến sĩ, gương mặt tiêu biểu trong lớp nhà thơ trẻ thời chống Mĩ cứu nước. Ông cũng là cây bút có sức sáng tạo bền bỉ sau năm 1975.

+ ***Ánh trăng*** được viết năm 1978 tại Thành phố Hồ Chí Minh. Bài thơ vừa mang đến *điều mới mẻ*, vừa là *lời nhắn nhủ* sâu sắc của Nguyễn Duy về thái độ sống của con người.

- *Điều mới mẻ mà Nguyễn Duy thể hiện qua* ***Ánh trăng*** *(2,0 điểm)*

 Trăng là đề tài quen thuộc của thơ ca xưa nay, nhưng Nguyễn Duy vẫn có những cảm nhận và cách thể hiện riêng.

 + *Bài thơ* ***Ánh trăng*** *mới mẻ ở nội dung*:

 Trăng được thể hiện như là biểu tượng cho vẻ đẹp bình dị mà vĩnh hằng của thiên nhiên, theo nhân vật trữ tình từ thời thơ ấu bình yên đến những ngày chiến tranh ở rừng. Vì thế, trăng còn là biểu tượng của quá khứ gian khó mà tươi đẹp, của nghĩa tình thắm thiết, đằm sâu với quê hương, đồng đội, bạn bè.

 Trăng còn được Nguyễn Duy đặt vào trong mối quan hệ đa chiều với nhân vật trữ tình: Nếu quá khứ trăng là *tri kỉ* thì hiện tại trăng bị biến thành *người dưng*. Từ tình huống *Thình lình đèn điện tắt*, nhà thơ phát hiện thêm một vẻ đẹp khác đáng trân trọng của trăng: thuỷ chung, bao dung mà nghiêm khắc, có khả năng thức tỉnh con người.

 + *Bài thơ* ***Ánh trăng*** *mới mẻ ở nghệ thuật*: Ngôn ngữ giản dị, mộc mạc mà vẫn chứa chất triết lý sâu xa; hình ảnh thơ đa nghĩa, có tính biểu tượng cao; kết hợp giữa chất tự sự với tính trữ tình; kết cấu bài thơ theo mạch thời gian; tạo được tình huống bất ngờ; hầu như không sử dụng dấu chấm câu và chỉ viết hoa chữ đầu tiên của mỗi khổ thơ...

*- Lời nhắn nhủ của tác giả qua bài thơ (1,5 điểm):*

+ Bài thơ có ý nghĩa như một lời cảnh tỉnh, lời nhắc nhở chúng ta đừng quên đi những gì đẹp đẽ đã gắn bó với con người trong quá khứ, cần phải sống tình nghĩa, thuỷ chung. Đạo lý “uống nước nhớ nguồn” đã được gửi gắm kín đáo và tinh tế.

+ Trong cuộc sống, con người cũng cần những phút “*giật mình*”, nghĩa là trạng thái thức tỉnh của lương tâm, soi lại bản thân để nhận ra sự thiếu sót, vị kỉ, chưa hoàn thiện. Nếu không có những phút giật mình như thế, con người ta rất dễ đánh mất chính mình, phản bội lại quá khứ ân tình, ân nghĩa.

***3. Đánh giá (0,5 điểm)***

- Chính những khám phá mới mẻ về nội dung nghệ thuật, chính thông điệp giàu tính nhân văn đã làm nên sức sống của bài thơ và phong cách nghệ thuật của nhà thơ Nguyễn Duy. Đó đồng thời là bản chất của sáng tạo nghệ thuật, là yêu cầu đối với mỗi người nghệ sĩ (bài học về sáng tạo).

- Bài thơ không phải là một sản phẩm của triết lý khô khan, lời nhắn nhủ phải được thể hiện với tính nghệ thuật mới có khả năng lay động. Điều đó cũng đòi hỏi độc giả phải là người đồng sáng tạo để cảm nhận được những thông điệp mà người nghệ sĩ muốn gửi tới (bài học về tiếp nhận).

**III. Kết bài**

- Khẳng định lại vấn đề

- Suy nghĩ của bản thân

**Đề 2:** ***Nét tương đồng và khác biệt trong cảm hứng trữ tình của Bằng Việt và Nguyễn Duy qua hai bài thơ “Bếp lửa” và “Ánh trăng”.***

**Đáp án gợi ý**

***\* Về kỹ năng:*** Hiểu đúng yêu cầu của đề bài. Biết cách làm bài văn nghị luận (so sánh văn học) bố cục rõ ràng, kết cấu hợp lý. Diễn đạt tốt, không mắc các lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.

***\* Về nội dung :***

 Học sinh có thể sắp xếp trình bày theo nhiều cách khác nhau, có thể có những ý kiến riêng miễn sao phải phù hợp với yêu cầu của đề bài. Dù triển khai theo trình tự nào cũng cần đạt được những ý chính sau đây.

**I. Mở bài**. Giới thiệu vài nét về tác giả, tác phẩm và vấn đề cần nghị luận:

 - Bằng Việt thuộc thế hệ các nhà thơ trẻ trưởng thành trong kháng chiến chống Mĩ. Bài thơ ***Bếp lửa*** được sáng tác năm 1963 khi tác giả đang là sinh viên học ngành Luật ở nước ngoài.

 - Nguyễn Duy cũng là gương mặt tiêu biểu cho lớp nhà thơ trẻ trưởng thành trong thời kì kháng chiến chống Mĩ. Bài thơ ***Ánh trăng*** được viết năm 1978, khi nhà thơ đã rời quân ngũ chuyển sang làm công tác văn nghệ.

 - Cảm hứng trữ tình của cả hai bài thơ: Hồi ức về quá khứ, thể hiện nghĩa tình con người, bày tỏ những suy nghĩ và bài học triết lý nhân sinh.

***II. Thân bài***

1.Giải thích vấn đề:

 - Trữ tình là sự bộc lộ cảm xúc một cách trực tiếp trước hiện tượng đời sống. Trong thơ, cảm hứng trữ tình là yếu tố đầu tiên hình thành, là mạch cảm xúc xuyên suốt và chi phối hệ thống hình tượng nghệ thuật của toàn tác phẩm.

 - Hai bài thơ **Bếp lửa** và **Ánh trăng** vừa có sự tương đồng lại vừa có nét khác biệt trong cảm hứng trữ tình.

2. Chứng minh

a. Nét tương đồng trong cảm hứng trữ tình của hai bài thơ:

- Cảm hứng của hai nhà thơ đều được khơi gợi từ những hình ảnh quen thuộc, gần gũi hàng ngày, từ đó nâng lên thành những hình tượng thơ giàu ý nghĩa.

 - Cảm hứng của hai nhà thơ đều gắn liền với những kí ức sâu đậm.

 - Cả hai bài thơ đều được xem như là niềm tự thức của các tác giả, nhớ về cội nguồn và từ đó đưa đến những suy ngẫm, chiêm nghiệm thấm thía, mang ý nghĩa nhân sinh sâu sắc.

- Cảm xúc của hai nhà thơ trong hai bài thơ “Bếp lửa” và “Ánh trăng" đều được thể hiện bằng giọng tự sự, giãi bày.

b. Nét khác biệt trong cảm hứng trữ tình của hai bài thơ***:***

\*. Cảm hứng trữ tình trong bài thơ ***Bếp lửa***:

 - Được khơi gợi từ một hình ảnh trong đời sống sinh hoạt ấm áp, thường nhật của gia đình: Bếp lửa, ngọn lửa.

 - Gắn với hình ảnh người bà và kí ức đẹp đẽ của những năm tháng tuổi thơ tác giả: từ nỗi nhớ về cái bếp lửa cụ thể, hiện lên hình ảnh người bà đã nuôi nấng, chăm sóc, ấp iu sớm hôm (Bà vẫn giữ thói quen dậy sớm,..Nhóm dậy cả những tâm tình tuổi nhỏ) Đây là một tình cảm vừa rất cụ thể, vừa sâu sắc.

 - Gợi tình bà cháu, tình cảm gia đình, tình quê hương, đất nước.

 - Là nguồn sống, di dưỡng tâm hồn nhà thơ trong suốt cuộc đời.

\*. Cảm hứng trữ tình trong bài thơ ***Ánh trăng***:

 - Được khơi gợi từ một hình ảnh thiên nhiên lớn lao, cao cả: Ánh trăng.

 - Gắn với kí ức của một người lính: với đông đội, núi rừng, đồng, bể : (hồi chiến tranh ở rừng; vầng trăng thành tri kỉ),với những năm tháng chiến tranh gian khổ mà nghĩa tình.

- Gợi quá khứ vẹn nguyên, trong sáng, thuỷ chung, độ lượng, bao dung (ngửa mặt lên nhìn mặt…trăng cứ tròn vành vạnh; kể chi người vô tình).

- Là nguồn sáng lay thức, soi thấu (ánh trăng im phăng phắc; đủ cho ta giật mình)vào lương tri để từ đó con người thức tỉnh, chiêm nghiệm, nhận ra chính mình, trở về với quá khứ nghĩa tình. Soi mình vào quá khứ để điều chỉnh sự lệch chuẩn của hiện tại, rút ra bài học nhân sinh thấm thía.

3. Đánh giá khái quát:

 - Nét tương đồng trong cảm hứng của hai nhà thơ, cho thấy sự gần gũi về quan điểm thẩm mĩ, quan niệm nhân sinh của hai tác giả.Tiếng nói trữ tình đó tiêu biểu cho suy nghĩ, tình cảm của cả một thế hệ nhà thơ và của cả dân tộc.

 - Sự khác biệt trong cảm hứng ở hai bài thơ xuất phát từ tài năng, cá tính sáng tạo của mỗi thi sỹ và đem lại sự đa điệu, đa vẻ cho thơ trữ tình Việt Nam hiện đại.

**3. Kết bài**

* Khẳng định lại vấn đề
* Suy nghĩ của bản thân

**Đề 3:** Nhận xét về văn học Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám 1945, có ý kiến viết:

“*Văn học của ta đã xây dựng và thể hiện sinh động hình ảnh của thế hệ trẻ.*

***“Xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước”*** *với ý thức ngày càng sâu sắc về trách nhiệm của thế hệ trước dân tộc và nhân dân, trước Tổ quốc và lịch sử.”*

 Qua một số tác phẩm đã học, em hãy làm sáng tỏ ý kiến trên

**\* Về kĩ năng:**

- Biết cách làm bài văn nghị luận văn học có bố cục rõ ràng, đúng thao tác nghị luận, diễn đạt sáng rõ, không mắc lỗi diễn đạt, dùng từ, đặt câu.

- Xác định đúng vấn đề nghị luận: ***Vẻ đẹp của hình ảnh thế hệ trẻ Việt Nam trong kháng chiến chống Mĩ*** và phạm vi tư liệu

**Lưu ý**: Về phạm vi tư liệu sử dụng cho bài viết, ngoài hai văn bản đã học ở học kì I lớp 9 là ***Bài thơ về tiểu đội xe không kính*** của Phạm Tiến Duật và ***Lặng lẽ Sa Pa*** của Nguyễn Thành Long, giám khảo cần khuyến khích cho những thí sinh có thêm những dẫn chứng ở các tác phẩm khác ở HKII hoặc ngoài chương trình cùng đề tài.

**Đáp án gợi ý:**

**\* Về kiến thức**

 Bài viết cần trình bày được những nội dung cơ bản sau:

**1. Mở bài**

- Giới thiệu vấn đề nghị luận: Hình ảnh thế hệ trẻ Việt Nam qua thực tế văn học chống Mĩ

- Trích ý kiến

- Khái quát vấn đề

**2. Thân bài**

**a. Khái quát chung (1điểm)**

- Hoàn cảnh lịch sử: Hai mươi năm dân tộc Việt Nam tiến hành cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước. Đó là cuộc chiến đấu đầy gian khổ, ác liệt và hi sinh.

- Hình ảnh trung tâm của thời đại, niềm tự hào của dân tộc và cũng là hình ảnh trung tâm của văn học kháng chiến chống Mĩ đó là hình ảnh thế hệ trẻ Việt Nam - thế hệ đóng góp lớn công sức và xương máu cho sự nghiệp giải phóng dân tộc và dựng xây đất nước:

*Xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước*

 *Mà lòng phơi phới dậy tương lai*

Bởi vậy văn học giai đoạn từ sau Cách mạng tháng Tám 1945, nhiều tác phẩm thơ ca cũng như văn xuôi của các tác giả đã khắc hoạ sinh động hình ảnh thế hệ trẻ Việt Nam trong kháng chiến chống Mĩ: Họ là những người lính lái xe Trường Sơn; những cô gái thanh niên xung phong trên chiến trường; những con người ngày đêm miệt mài lao động cống hiến cho đất nước...

- Họ đều là những thanh niên sống có lý tưởng cao đẹp, họ nguyện đem sức trẻ, tinh thần, trí tuệ…cống hiến cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.Tuy nhiệm vụ khác nhau nhưng họ cùng chung mục đích, lý tưởng là bảo vệ và xây dựng đất nước nên ở họ đều toả sáng những phẩm chất cao đẹp tuyệt vời.

**b. Phân tích và chứng minh**

**\* Luận điểm 1**: ***Đó là lớp thanh niên trẻ có lý tưởng cách mạng cao đẹp, có hoài bão ước mơ, sẵn sàng cống hiến sức trẻ cho đất nước (1,25điểm)***

- Lý tưởng cao đẹp của những người lính lái xe Trường Sơn: Vì sự nghiệp giải phóng miền Nam thống nhất đất nước

*Xe vẫn chạy vì miền Nam phía trước*

*Chỉ cần trong xe có một trái tim.*

***(Bài thơ về tiểu đội xe không kính)***

Nhân vật anh thanh niên dù tuổi đời còn rất trẻ nhưng anh đã ý thức được một cách sâu sắc về trách nhiệm của mình (một công dân) đối với quê hương đất nước, mà cao hơn là lý tưởng sống, lý tưởng cách mạng

“ Mình sinh ra là gì,mình đẻ ở đâu, mình vì ai mà làm việc?” (Lặng lẽ Sa Pa)

**\* Luận điểm 2: Họ là những con người dũng cảm, gan dạ, đầy tinh thần trách nhiệm, coi thường hiểm nguy,vượt qua mọi gian khổ sẵn sàng hi sinh để hoàn thành nhiệm vụ (1,25điểm).**

- Những người lính lái xe Trường Sơn với tinh thần dũng cảm và ý chí kiên cường vì sự nghiệp giải phóng đất nước đã giúp họ vượt qua sự nguy hiểm của bom đạn ( sự ác liệt trên tuyến đường Trường Sơn thời chống Mĩ), vượt qua sự khó khăn gian khổ để hoàn thành nhiệm vụ

“ Không có kính không phải vì xe không có kính

Bom giật bom rung kính vỡ đi rồi…”

“ Không có kính ừ thì có bụi….”

“ Không có kính ừ thì ướt áo…”

“ Lại đi, lại đi trời xanh thêm.”

- Anh thanh niên với lòng yêu nghề và tinh thần trách nhiệm đã giúp anh vượt qua nỗi cô đơn, vượt qua mọi gian khổ để hoàn thành nhiệm vụ

“ Cháu ở đây có nhiệm vụ đo nắng, đo mưa….xong việc trở vào là không thể nào ngủ lại được.”

**\*. Luận điểm 3: Ở họ có tình đồng chí, đồng đội gắn bó thân thiết, sẵn sàng chia sẻ với nhau trong cuộc sống thiếu thốn, gian khổ và hiểm nguy.(1,25điểm).**

- Những người lính lái xe Trường Sơn từ sự cùng chung nhiệm vụ, lý tưởng họ đã trở thành đồng đội của nhau, sẻ chia với nhau những gian khổ ở chiến trường, tình đồng đội đã tiếp thêm cho họ sức mạnh để vượt qua bom đạn hiểm nguy. Hơn thế họ còn coi nhau như anh em trong một gia đình.

 (Dẫn chứng và phân tích)

Anh thanh niên có thể vượt qua nỗi cô đơn, vượt qua mọi sự gian khổ để hoàn thành nhiệm vụ là vì anh luôn suy nghĩ anh không cô đơn mà luôn có đồng đội tiếp sức cho anh: “ Huống chi công việc của cháu gắn liền với việc của bao anh em đồng chí dưới kia”. Vì đồng đội mà anh luôn cố gắng trong công việc bởi anh luôn thấy những đóng góp của mình cho đất nước còn quá nhỏ bé so với họ (anh bạn trên đỉnh Phan-xi-păng, anh cán bộ nghiên cứu bản đồ sét, ông kĩ sư vườn rau Sa- Pa).

**\*Luận điểm 4: Giữa những khó khăn ác liệt của cuộc sống họ vẫn tràn đầy tinh thần lạc quan, sự trẻ trung, lãng mạn của tuổi trẻ(1,25điểm)**

Sự trẻ trung, ngang tàng, sôi nổi đậm chất lính của những chiến sĩ lái xe Trường Sơn giữa chiến trường ác liệt. Thái độ bất chấp những gian khổ hiểm nguy.

 (Dẫn chứng và phân tích)

Anh thanh niên, qua những lời anh tâm sự với ông hoạ sĩ và cô kĩ sư về cuộc sống một mình của anh, về công việc của anh ta thấy được ý chí nghị lực phi thường ở anh“ …Nếu là nỗi nhớ phồn hoa đô hội thì xoàng…”. Không chỉ vậy, ngoài giờ làm việc còn trồng hoa, nuôi gà và đặc biệt là dành thời gian để đọc sách mở mang hiểu biết.

**c. Đánh giá (0,5điểm)**

Hình ảnh thế hệ trẻ Việt Nam trong kháng chiến chống Mĩ hiện lên chân thực, sinh động trên các trang văn của các tác giả đã có sức thuyết phục với người đọc.

Hình ảnh ấy không chỉ cho thấy tài năng của các tác giả mà còn cho chúng ta thấy sự am hiểu, trải nghiệm cuộc sống trong những năm kháng chiến ác liệt của các nhà văn, nhà thơ.

Qua đó, chúng ta có thể hiểu thêm về lịch sử dân tộc, thêm tự hào và tiếp bước truyền thống các thế hệ cha anh.

**3. Kết bài**

- Khẳng định lại vấn đề

- Suy nghĩ của bản thân

**Đề 4: Có ý kiến cho rằng: Tác phẩm văn học là sự phản ánh khúc xạ, vang hưởng đời sống hiện thực, là tấm gương phản ánh diện mạo lịch sử của một thời kì.**

**Anh (chị) hiểu ý kiến trên như thế nào? Bằng sự hiểu biết của mình về hoàn cảnh lịch sử đất nước, con người Việt Nam trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, hãy làm sáng tỏ qua tác phẩm Đồng chí của Chính Hữu và Bài thơ tiểu đội xe không kính của Phạm Tiến Duật**

# *\* Định hướng làm bài*

**1. Giải thích**

- Phản ánh khúc xạ : là sự tái hiện những đặc trưng của cuộc sống vào tác phẩm

- Vang hưởng:thanh âm có sức lan truyền

- Đ/sống hiện thực:đó là cuộc sống của con người với các mối quan hệ đa diện,đa chiều

- Diện mạo lịch sử của một thời kỳ : là nét tiêu biểu của một giai đoạn lịch sử
=> Tác phẩm văn học là sự phản ánh khúc xạ vang hưởng,đời sống hiện thực,là tấm gương phản ánh diện mạo lịch sử của một thời kỳ có nghĩa là văn học phản ánh đời sống,cho người đọc một cái nhìn toàn diện về một thời ký lịch sử mà tác phẩm ra đời

**2. Chứng minh qua hai tác phẩm**

***2.1. Tác phẩm “ Đồng chí” –Chính hữu***

*\* Hoàn cảnh sáng tác*

***Đồng chí*** được sáng tác năm 1948 thời điểm sau chiến dịch Việt bắc,quân và dân ta đã đánh thắng cuộc tiến công quy mô lớn của quân pháp cuối năm 1947 lên khu căn cứ địa Việt Bắc. Chính hữu là một nhà thơ-chiến sĩ,là chính trị viên đại đội thuộc trung đoàn thủ đô,ông cùng đơn vị tham gia chiến đấu suốt chiến dịch. Tác phẩm ra đời là kết quả của những trải nghiệm chân thực và những cảm xúc sâu xa,mạnh mẽ của tác giả với đồng đội trong chiến dịch việt bắc

\* Bài thơ “ *Đồng chí*” là sự phản ánh khúc xạ,vang hưởng đời sống hiện thực,là tấm gương phản ánh diện mạo lịch sử của một thời kỳ kháng chiến chống Pháp gian khổ mà oanh liệt.

- *Đồng chí* được viết từ sự rung cảm của tác giả trước hiện thực của cuộc kháng chiến chống pháp đầy khó khan,gian khổ.Thi sĩ xúc động,cảm phục trân trọng vể đẹp của người lính và tình đồng đội keo sơn gắn bó của họ.

+ Cở sở hình thành tình đồng chí : họ cùng nguồn gốc xuất thân,ra quê từ những vùng quê nghèo hội tụ thành đồng chí,đồng đội,đồng chí hướng,đồng nhiệm vụ cầm súng và bảo vệ độc lập tự do dân tộc.Buổi đầu xa lạ để rồi thành tri kỷ,thành đồng chí,thương nhau nắm lấy đôi bàn tay.

+ Họ cùng nhau nếm trải và sẻ chia những khó khan,thiếu thốn:sốt run người vầng chán ướt mồ hôi,áo rách,quần vá,miệng cười buốt giá,chân không giày,rừng hoang sương muối… Hiện thực của cuộc kháng chiến được tái hiện chân thực đến từng góc cạnh. Nhưng vượt lên trên tất cả vẫn là tình đồng chí, đồng đội thiêng liêng cao đẹp.

+ Gian nan, thiếu thốn, hi sinh nhưng lí tưởng của người lính vô cùng cao đẹp. Đó là lí tưởng chiến đấu bảo vệ đất nước. Vẻ đẹp chân thực nhưng cũng rất hào hoa của người lính được nhà thơ thể hiện bằng hình ảnh nghệ thuật đầy sáng tạo Đầu súng trăng treo.Bút pháp lãng mạn bay bổng ở hình ảnh kết thúc của bài thơ để lại ấn tượng trong tâm hồn người đọc.

=> Bằng sự kết hợp hài hòa giữa bút pháp hiện thực và lãng mạn,hình ảnh người lính hiện lên chân thực, giản dị,hàm súc và giàu sức biểu cảm. Tình đồng chí của người lính dựa trên cơ sở cùng chung cảnh ngộ và lí tưởng chiến đấu đã góp phần quan trọng tạo nên sức mạnh và vẻ đẹp tinh thần của người lính cách mạng. Đồng chí đã trở thành biểu tượng đẹp của thơ ca kháng chiến chống Pháp.

***2.2. Bài thơ về tiểu đội xe không kính –* Phạm Tiến Duật**

*\* Hoàn cảnh sáng tác*

Bài thơ về tiểu đội xe không kính được sáng tác năm 1969 khi cuộc kháng chiến chống Mĩ đang diễn ra ác liệt. Đế quốc Mĩ thực hiện chiến lược Việt Nam hóa chiến tranh gây ra cuộc chiến hủy diệt, tàn khốc với dân tộc Việt Nam. Song cả dân tộc với tinh thần độc lập, tự do đã đoàn kết đứng dậy đấu tranh, quyết đánh cho Mĩ cút, đánh cho Ngụy nhào. Đặc biệt là tinh thần của lớp thanh niên Xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước.Phạm Tiến Duật cũng là nhà thơ – chiến sĩ có mặt trong đội ngũ trùng trùng điệp điệp ấy. Ông đã tìm thấy chất thơ trong cuộc sống, chiến đấu đầy gian khổ của người lính thời chống Mĩ.

**\* Bài thơ về tiểu đội xe không kính** là sự phản ánh khúc xạ, vang hưởng đời sống hiện thực, là tấm gương phản ánh diện mạo lịch sử của một thời kì kháng chiến chống Mĩ hào hùng và oanh liệt.

- **Bài thơ về tiểu đội xe không kính** được gợi cảm hứng từ hình tượng độc đáo: những chiếc xe không kính và người chiến sĩ lái xe trên tuyến đường Trường Sơn những năm chống Mĩ. Giặc Mĩ bắn phá miền Bắc ác liệt với âm mưu hủy diệt chặn đứng con đường huyết mạnh nối liền hai miền Nam – Bắc .dưới mưa bom,bão đạn của kẻ thù,những chiếc xe vận tải tiếp sức cho tiền tuyến đã bị biến dạng :không kính,không đèn,không mái…những chiếc xe vẫn ngày đêm bang qua bom đạn tiến thẳng qua mặt trận và trở thành biểu tượng của một anh hùng,phản ánh đúng tinh thần khốc liệt của cuộc chiến.Hình ảnh thơ traanf trụi nhưng độc đáo,đầy sáng tạo…

- Vẻ đẹp hình tượng người lính lái xe Trường sơn gắn liền với hình tượng của những chiếc xe không kính.Người lính lái xe trẻ trung,năng động,dũng cảm,lạc quan,yêu đời đã truyền qua vô lăng khí thế hiên ngang,bất khuất,tính cách ngang tang,dũng mãnh,quả cảm bất chấp mọi gian nguy thiếu thốn để người lái xe hoàn thành nhiệm vụ.

+ Tư thế hiên ngang,tự tin,tự hào và đầy chất lãng mạng,của người lính lái xe nhìn đất,nhìn trời,nhìn thẳng,nhìn thấy con đường chạy thẳng vào tim,.. mặc cho mọi thứ có thể va đập,quăng quật vào buồng lái gây nguy hiểm như gió,mưa,bụi,cánh chim,tất cả đều được bình thường hóa và được cảm nhận bằng tâm hồn trẻ trung và lãng mạn.

+ Ý chí, nghị lực phi thường vượt qua điều kiện thiếu thốn,khó khan gian khổ. Sự bình thản của người lái xe đạt tới mức vô tư,phớt tỉnh,người lính mang nét đẹp giản dị phóng trần kiêu hùng và lãng mạn:chưa cần rửa..chưa cần thay..gió lùa mau khô thôi.

+ Niềm vui gia đình của người lính là tình đồng chí, đồng đội, điều kiện làm nên sức mạnh để người lính vượt qua những gian khổ là tình yêu đất nước,là long nhiệt tình cách mạng của tuổi trẻ ,quyết tâm chiến đấu giải phóng miền nam thống nhất đất nước.Đó là sự đối lập đầy kịch tính bất ngờ dưới giữa người và xe,giữa vật chất và tinh thần,giữa cái không với cái khó….. Tất cả làm nên sự gai góc khốc liệt của cuộc chiến và phẩm chất anh hùng bất khuất đẹp đẽ của con người.

=> Bằng việc khai thác chất liệu hiện thực của đời sống chiến tranh;những chiếc xe không kính và phẩm chất cao đẹp của người lính lái xe Trường Sơn,bài thơ đã góp phần tạo nên chất thơ mới,giọng điệu,thanh khí mới cho thơ ca thời chống Mỹ.

***4. Đánh giá chung***

- Khẳng định tính đúng đắn của ý kiến trên,bởi nhiệm vụ của nghệ thuật nói chung và văn học nói riêng là phản ánh đời sống đến với văn học là đến với cuộc đời,mỗi trang văn đều soi bóng thời đại mà nó ra đời,mỗi tác phẩm đều mang trong mình âm vang của thời đại.

- Hai bài thơ là minh chứng cho thực tế lịch sử ,là bài ca ca ngợi người lính giúp thế hệ sau thấy được thời kỳ kháng chiến chống thực dân Phâp và đế quốc Mỹ gian khổ ,hy sinh nhưng rất nỗi anh hùng.

- Bài học đối với nghệ sĩ và bạn đọc: để viết được tác phẩm giàu giá trị hiện thực, người nghệ sĩ phải hòa mình vào hơi thở của thời đại ,thiết tha với nhịp sống của cuộc đời,trở trăn trước mọi vấn đề dân tộc .Văn học gắn liền với cuộc sống vì thế khi đến với văn học bạn phải mang theo tâm thế khám phá phát hiện…..

 **ĐỀ 5: Có ý kiến cho rằng: *Thơ ca bắt rễ từ lòng người, nở hoa nơi từ ngữ.***

 Hãy làm sáng tỏ điều đó qua một bài thơ trong chương trình N.văn đã học.

**1. Giải thích** (2,0 điểm)
- Thơ ca: trước hết là một loại hình văn học, sau nữa có thể hiểu là chỉ văn
học nghệ thuật nói chung.
- Thơ ca bắt rễ từ lòng người: Thơ ca là tiếng nói chân thực của tình cảm. Nó
được khơi nguồn, bắt rễ từ tư tưởng, cảm xúc của người nghệ sĩ. Vế thứ nhất của
nhận định đề cập đến khởi nguồn của thơ, vai trò của yếu tố tình cảm, xúc cảm
trong sáng tác thơ, đến nội dung của tác phẩm văn học.
- Nở hoa nơi từ ngữ: Từ ngữ hiểu rộng là ngôn từ nghệ thuật, là giá trị nghệ thuật, là vẻ đẹp
ngôn ngữ của tác phẩm văn học.
Như vậy, nhận định của đề bài bàn về mối quan hệ giữa nội dung và hình thức của tac phẩm
nghệ thuật; về đặc trưng của văn học, đặc trưng của thơ; đề cao vai trò của yếu tố tình cảm, cảm xúc
2. Bình luận
a. Vì sao lại nói: Thơ ca bắt rễ từ lòng người, nở hoa nơi từ ngữ?
- Thơ ca bắt rễ từ lòng người bởi lẽ:
+ Xuất phát từ đặc trưng của văn học: Nghệ thuật là lĩnh vực sáng tạo để phản ánh hiện
thực, trong đó phản ánh tâm tư, tình cảm của chủ thể sáng tạo. Xuất phát từ đặc trưng về đối tượng,
nội dung của văn học, có thể thấy: văn học không phản ánh hiện thực một cách bàng quan, lạnh
lung mà bao giờ cũng gắn chặt với tình cảm, ước mơ, khát vọng…của nhà văn. Điều đó tạo nên qui
luật tình cảm trong phản ánh nghệ thuật.
+ Xuất phát từ đặc trưng của thơ, đặc biệt là thơ trữ tình: tiếng nói trữ tình bao giờ cũng
được bộc lộ trực tiếp, trở thành bình diện thứ nhất của sáng tác.
- Tiếng nói của tình cảm, tâm tư con người được gửi gắm trong tác phẩm nghệ thuật như thế
nào?
+ Nhu cầu được giãi bày những gì chất chứa trong lòng (niềm vui, nỗi buồn…)
+ Là lời nhắn gửi, sự cảm thông; là tiếng lòng đến với tiếng lòng (tiếng nói tri âm)
+ Nghệ thuật chân chính còn chứa đựng trong nó chiều sâu của tư tưởng tiến bộ, các giá trị
đối với cuộc sống, làm đẹp và phong phú hơn cho tâm hồn con người.
- Nở hoa nơi từ ngữ bởi lẽ: vẻ đẹp của tình cảm, cảm xúc trong thơ phải được kết tinh ở
hình thức nghệ thuật, được biểu hiện bằng những biện pháp nghệ thuật độc đáo mà trước hết là nghệ
thuật sử dụng ngôn từ.
b. Bàn luận, mở rộng vấn đề
- Nếu thơ chỉ bắt rễ từ lòng người, chỉ có tình cảm cảm xúc mãnh liệt mà không nở hoa nơi
từ ngữ thì tình cảm cảm xúc trong thơ sẽ không tìm được hình thức biểu hiện độc đáo, hấp dẫn; do
đó khó tạo nên vẻ đẹp, sức lôi cuốn của tác phẩm.
- Ngược lại, nếu chỉ trau chuốt, đẽo gọt ngôn từ mà xem nhẹ tình cảm, cảm xúc thì tác phẩm
sẽ trở nên khô khan, nghệ thuật không sao cất cánh lên được.
3. Chứng minh (6,0 điểm)

**ĐỀ 6: Nguyễn Đình Thi từng quan niệm:“*Tác phẩm nghệ thuật nào cũng xây dựng bằng những chất liệu mượn ở thực tại. Nhưng nghệ sĩ không ghi lại cái đã có rồi mà còn muốn nói một điều gì mới mẻ. Anh gửi vào tác phẩm một lá thư, một lời nhắn nhủ, anh muốn đem một phần của mình góp vào đời sống chung quanh*”.**

 (Trích *Tiếng nói của văn nghệ*, SGK Ngữ văn 9, Tập hai)

 Em hiểu thế nào là *điều mới mẻ, lời nhắn nhủ* trong quan niệm của Nguyễn Đình Thi? Qua bài thơ *Ánh trăng*, em hãy làm rõ *điều mới mẻ* và *lời nhắn nhủ* mà nhà thơ Nguyễn Duy đã góp cho nghệ thuật và đời sống.

 **\* Định hướng**

- Yêu cầu về kĩ năng: Hiểu đề, biết cách làm bài văn nghị luận văn học. Bố cục rõ ràng, lập luậnchặt chẽ. Hành văn trôi chảy. Văn viết có cảm xúc. Không mắc lỗi diễn đạt,dùng từ, ngữ pháp, chính tả.

- Yêu cầu về kiến thức Học sinh có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng phải làm sángtỏ những nội dung cơ bản sau:

**1. Giải thích khái niệm**

- ***Điều mới mẻ:*** là cách cảm nhận và thể hiện độc đáo của người nghệ sĩ về hiện thực đời sống.

- ***Lời nhắn nhủ***: Là tư tưởng, tình cảm, thông điệp thẩm mỹ mà người nghệsĩ muốn gửi đến bạn đọc thông qua tác phẩm nghệ thuật của mình. Thông điệp ấy gắn với chức năng giáo dục và cải tạo xã hội của văn học nghệ thuật.

**2. Chứng minh**: Điều mới mẻ và lời nhắn nhủ của Nguyễn Duy qua *Ánh trăng*

**\* Giới thiệu khái quát về tác giả, tác phẩm**

+ Nguyễn Duy là nhà thơ – chiến sĩ, gương mặt tiêu biểu trong lớp nhà thơ trẻ thời chống Mĩ cứu nước. Ông cũng là cây bút có sức sáng tạo bền bỉ sau năm 1975.

+ Ánh trăng được viết năm 1978 tại Thành phố Hồ Chí Minh. Bài thơ vừa mang đến điều mới mẻ, vừa là lời nhắn nhủ sâu sắc của Nguyễn Duy về thái độ sống của con người.

\* **Điều mới mẻ mà Nguyễn Duy thể hiện qua *Ánh trăng***: Trăng là đề tài quen thuộc của thơ ca xưa nay, nhưng Nguyễn Duy vẫn có những cảm nhận và cách thể hiện riêng.

**- Bài thơ Ánh trăng mới mẻ ở nội dung:**

+ Trăng được thể hiện như là biểu tượng cho vẻ đẹp bình dị mà vĩnh hằng của thiên nhiên, theo nhân vật trữ tình từ thời thơ ấu bình yên đến những ngày chiến tranh ở rừng. Vì thế, trăng còn là biểu tượng của quá khứ gian khó màtươi đẹp, của nghĩa tình thắm thiết, đằm sâu với quê hương, đồng đội, bạn bè.

+ Trăng còn được Nguyễn Duy đặt vào trong mối quan hệ đa chiều với nhân vật trữ tình: Nếu quá khứ, trăng là tri kỉ thì hiện tại trăng bị biến thành người dưng. Từ tình huống Thình lình đèn điện tắt, nhà thơ phát hiện thêm một vẻ đẹp khác, đáng trân trọng ở trăng: thủy chung, bao dung mà nghiêm khắc, có khả năng thức tỉnh con người.
 **- Bài thơ Ánh trăng mới mẻ ở nghệ thuật:** ngôn ngữ giản dị, mộc mạc mà vẫn chất chứa ý nghĩa sâu xa; h/ả thơ đa nghĩa, có tính biểu tượng cao; kết hợp giữa chất tự sự với tính trữ tình; kết cấu bài thơ theo mạch thời gian, tạo được tình huống bất ngờ, hầu như không sử dụng dấu chấm câu và chỉ viết hoa chữ cái đầu tiên ở mỗi khổ thơ ...

**\* Lời nhắn nhủ của tác giả qua bài thơ:**

- Bài thơ có ý nghĩa như một lời cảnh tỉnh, lời nhức nhở chúng ta đừng quên đi những gì đẹp đẽ đã gắn bó với con người trong quá khứ, cần phải sống tình nghĩa, thủy chung. Đạo lí "Uống nước nhớ nguồn" đã được gửi gắm kín đáo và tinh tế.

- Trong c/s con người cũng cần những phút *giật mình*, nghĩa là trạng thái thức tỉnh của lương tâm, soi lại bản thân để nhận ra sự thiếu sót, vị kỉ, chưa hoàn thiện. Nếu không có những phút giật mình như thế, con người ta dễ đánh mất chính mình, phản bội lại quá khứ ân tình, ân nghĩa.

**3. Đánh giá**

- Chính những khám phá mới mẻ về nội dung, nghệ thuật, chính những thông điệp giàu tính nhân văn đã làm nên sức sống của bài thơ và phong cách nghệ thuật của nhà thơ Nguyễn Duy. Đó đồng thời là bản chất của sáng tạo nghệ thuật, là yêu cầu đối với mỗi người nghệ sĩ (bài học về sáng tạo)

- Bài thơ không phải là sản phẩm của triết lí khô khan, lời thể hiện phải có tính nghệ thuật mới có khả năng lay động. Điều đó đòi hỏi độc giả cũng phải là người đồng sáng tạo để cảm nhận được những thông điệp mà người nghệ sĩ muốn gửi tới (bài học về tiếp nhận)

ĐỀ 7: Trong văn bản *Tiếng nói của văn nghệ* (SGK Ngữ văn 9 - tập hai), Nguyễn Đình Thi viết: *“Bắt rễ ở cuộc đời hàng ngày của con người, văn nghệ lại tạo được sự sống cho tâm hồn người”.*

Qua hai tác phẩm *Sang thu* của Hữu Thỉnh và *Mùa xuân nho nhỏ* của Thanh Hải, em hãy làm sáng tỏ nhận định trên.

**\* Định hướng:**

**I. Yêu cầu:**

*1. Về kỹ năng:*

 - Học sinh biết cách làm bài nghị luận về tác phẩm thơ để giải thích, chứng minh một nhận định.

 - Bố cục rõ ràng, lập luận chặt chẽ.

 - Diễn đạt trôi chảy, không mắc lỗi ngữ pháp, dùng từ, chính tả.

*2. Về kiến thức:*

 Trên cơ sở hiểu biết về văn bản *Tiếng nói của văn nghệ* vàcác bài thơ *Sang thu, Mùa xuân nho nhỏ,* thí sinh cần làm sáng tỏ nhận định của Nguyễn Đình Thi về văn nghệ. Thí sinh có thể có những cách trình bày khác nhau nhưng cần đảm bảo các ý sau đây:

*a) Giải thích ngắn gọn ý kiến của Nguyễn Đình Thi:*

 Ý kiến của Nguyễn Đình Thi nêu lên nguồn gốc của văn nghệ - trong đó có văn học - cũng như vai trò, ý nghĩa, tác động của văn nghệ đối với tâm hồn người tiếp nhận, thưởng thức:

 - Văn nghệ “bắt rễ ở cuộc đời hàng ngày của con người”: Các tác phẩm văn học, nghệ thuật bắt nguồn từ cuộc sống hiện thực; người nghệ sĩ lấy chất liệu sáng tác từ đời sống hàng ngày.

 - Văn nghệ “tạo được sự sống cho tâm hồn người”: văn học, nghệ thuật giúp đời sống tinh thần của con người trở nên phong phú hơn, làm giàu có thêm tâm hồn với những tình cảm vui - buồn, yêu thương - căm giận…Văn nghệ góp phần nuôi dưỡng, bồi đắp thế giới tinh thần của người thưởng thức, tiếp nhận.

*b) Làm sáng tỏ ý kiến của Nguyễn Đình Thi qua việc phân tích hai bài thơ: “Sang thu”, “Mùa xuân nho nhỏ”.*

\* Với bài *Sang thu*:

- Bài thơ “bắt rễ ở cuộc đời”: khung cảnh thiên nhiên, đất trời trong khoảnh khắc giao mùa cuối hạ đầu thu trở thành chất liệu cho thi phẩm, trở thành nguồn cảm hứng nghệ thuật của Hữu Thỉnh.

- Bài thơ “tạo được sự sống cho tâm hồn” người đọc: độc giả được cùng tác giả khám phá những tín hiệu ban đầu của thiên nhiên lúc sang thu; bài thơ khơi dậy trong lòng người đọc tình yêu thiên nhiên, yêu cảnh sắc quê hương Việt Nam; ở hai câu cuối (*Sấm cũng bớt bất ngờ - Trên hàng cây đứng tuổi*)ngoài nghĩa tả thực còn gợi suy ngẫm về triết lí cuộc đời: sự vững vàng của con người từng trải trước những biến động của cuộc sống.

\* Với bài *Mùa xuân nho nhỏ:*

- Bài thơ cũng bắt nguồn từ đời sống: khung cảnh mùa xuân của thiên nhiên, đất trời và mùa xuân của đất nước đã in bóng trong trang thơ của Thanh Hải; bên cạnh đó, còn có mùa xuân của lòng người: khát vọng cống hiến cho cuộc đời chung của tác giả.

- Bài thơ cũng “tạo được sự sống cho tâm hồn” độc giả: người đọc được cùng tác giả khám phá vẻ đẹp của thiên nhiên, của đất nước vào xuân; thêm yêu đời, yêu thiên nhiên và khao khát sống đẹp, sống cống hiến cho đời.

*c) Đánh giá chung:*

Hai bài thơ *Sang thu, Mùa xuân nho nhỏ* là tác phẩm của những tác giả khác nhau, ra đời trong những hoàn cảnh khác nhau nhưng chúng đều là minh chứng tiêu biểu cho mối quan hệ giữa nghệ thuật và cuộc đời, nghệ thuật và người thưởng thức văn nghệ. Nhận định của Nguyễn Đình Thi đúng đắn và có tầm khái quát cao.

**ĐỀ 8:**  “*Thơ văn hiện đại Việt Nam giai đoạn 1945 - 1975, ngoài hình ảnh người chiến sĩ trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc còn mang nhịp thở của con người lao động mới*.”
 Bằng những hiểu biết về văn học giai đoạn này, em hãy làm sáng tỏ nhận định trên

**\* GỢI Ý LÀM BÀI**

**1. Mở bài:**
- Hiện thực của đất nước ta từ 1945 đến 1975 là hiện thực của những cuộc kháng chiến vệ quốc vĩ đại và công cuộc xây dựng cuộc sống mới đi lên chủ nghĩa xã hội.
- Hiện thực đó đã tạo nên cho dân tộc Việt Nam một vóc dáng nổi bật: vóc dáng người chiến sĩ luôn trong tư thế chủ động chiến đấu chống kẻ thù, vóc dáng của con người mới xây dựng đất nước đi lên chủ nghĩa xã hội.
- Hình ảnh người chiến sĩ và người lao động mới hoà quyện tạo nên vẻ đẹp của con người dân tộc Việt Nam. Và điều này đã làm nên hơi thở, sức sống của văn học thời kì 1945 - 1975.
**2, Thân bài:** Chứng minh
+. “Hình ảnh người chiến sĩ trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc”: họ là những con người ở mọi tầng lớp, mọi lứa tuổi và nổi bật với lòng yêu nước, ý chí quyết tâm chiến đấu chống kẻ thù xâm lược, với tình đồng đội cao cả, sắt son, tinh thần lạc quan.:
- Họ là những con người ở mọi tầng lớp, lứa tuổi như: người nông dân mặc áo lính (“Đồng chí” của Chính Hữu), những chàng trai trí thức vừa rời ghế nhà trường (“Bài thơ về tiểu đội xe không kính” của Phạm Tiến Duật), là em bé liên lạc (“Lượm” của Tố Hữu)...
- Họ là những người lính, người chiến sĩ có lòng yêu nước sâu sắc, có ý chí quyết tâm chiến đấu chống kẻ thù xâm lược, bảo vệ Tổ quốc. (dẫn chứng)
- Hoàn cảnh sống chiến đấu đầy khó khăn, gian khổ song họ luôn có tinh thần lạc quan và tình đồng chí, đồng đội cao đẹp... (dẫn chứng)
+. “Hình ảnh người lao động mới”: họ xuất hiện với tư cách là những người làm chủ cuộc sống mới, họ lao động, cống hiến một cách hăng say, hào hứng, sẵn sàng hi sinh cả tuổi thanh xuân của mình vì những lí tưởng cao cả và tương lai đất nước:
- Người lao động trong "Đoàn thuyền đánh cá" của Huy cận mang nhịp thở tươi vui, hăm hở, hoà mình cùng trời cao biển rộng: họ ra khơi với niềm hân hoan trong câu hát, với ước mơ trong công việc, với niềm vui thắng lợi trong lao động. Đó là những con người mang tầm vóc vũ trụ, hăm hở ra khơi bằng tất cả sức lực và trí tụê của mình.(Dẫn chứng).
- "Lặng lẽ SaPa" của Nguyễn Thành Long mang nhịp thở của người lao động mới với phong cách sống đẹp, suy nghĩ đẹp, sống có lí tưởng, say mê, miệt mài trong công việc, quên mình vì cuộc sống chung, vô tư thầm lặng cống hiến hết mình cho đất nước. Cuộc sống của họ âm thầm, bình dị mà cao đẹp (Dẫn chứng)
**3. Kết bài:**
- Văn học Việt Nam giai đoạn 1945-1975 đã đáp ứng được những yêu cầu của lịch sử và thời đại. Ở ngoài tiền tuyến khói lửa là hình ảnh của những người lính dũng cảm, kiên cường. Nơi hậu phương là những người lao động bình dị mang nhịp thở của thời đại mới.
- Hình ảnh người chiến sĩ và người lao động đã kết tinh thành sức mạnh của con người và dân tộc Việt Nam thế kỉ XX.
- Các tác giả văn học thời kì này họ đồng thời vừa là nhà văn, nhà thơ, vừa là người lính, người chiến sĩ, người lao động cầm bút để ngợi ca về con người dân tộc Việt với niềm say mê và tự hào. Họ đã làm nên vẻ đẹp và sức sống mới cho văn học Việt Nam.

ĐỀ 9: Cùng viết về tình cha con nhưng hai tác phẩm Lão Hạc của Nam Cao và Chiếc lược ngà của Nguyễn Quang Sáng lại có những khám phá sáng tạo riêng, độc đáo.

Bằng cảm nhận về tình cha con trong hai tác phẩm, em hãy làm sáng tỏ nhận định trên.

**\* GỢI Ý LÀM BÀI**

**1. Giới thiệu khái quát**

- Dẫn dắt vấn đề: Có thể đi từ tình cha con trong văn học.

- Nêu vấn đề: Cùng viết về tình cha con nhưng hai tác phẩm *Lão Hạc* của Nam Cao và *Chiếc lược ngà* của Nguyễn Quang Sáng lại có những khám phá sáng tạo riêng, độc đáo.

**2. Cảm nhận về tình cha con qua hai tác phẩm**

**2.1. Tình cha con trong "Lão Hạc"**

- Giới thiệu khái quát về nhân vật lão Hạc.

- Tình thương của lão Hạc dành cho con bộc lộ qua nhiều chi tiết:

- Lão luôn day dứt vì không có tiền cưới vợ cho con. Bao tình thương yêu, lão gửi gắm qua con chó Vàng- kỉ vật duy nhất còn lại của đứa con. Cách lão gọi "cậu Vàng", cách lão chăm sóc, trò chuyện, cưng nựng...con chó Vàng, nỗi đau đớn khi lão phải bán đi con chó cho ta thấy rõ điều đó.

- Ở nhà, tuy sức tàn lực kiệt nhưng lão vẫn cố gắng bòn vườn, tích cóp tiền cho con về cưới vợ và có chút vốn làm ăn. Lão thà chịu đói khổ chứ nhất quyết không tiêu vào số tiền dành dụm của con.

- Lão thà chết chứ nhất định không chịu bán mảnh vườn của con.

=> Lão Hạc là một người cha rất mực thương con, hết lòng vì con.

**2.2. Tình cha con trong "Chiếc lược ngà"**

\* Giới thiệu khái quát về nhân vật ông Sáu, bé Thu

\* Biểu hiện tình cha con của ông Sáu:

- Khi ở chiến trường, ông Sáu mong mỏi đến cháy lòng được gặp con.

- Khi mới gặp lại con, ông vô cùng xúc động (chú ý phân tích những chi tiết về hành động, ngoại hình, tâm trạng...).

- Cố tìm cách gần gũi, làm thân, chăm sóc con trong những ngày nghỉ phép mà không được, ông Sáu vô cùng khổ tâm, day dứt.

- Khi con cất tiếng gọi ba, ông Sáu xúc động rơi nước mắt. Người cha ấy đã mang vào chiến trường một mong ước giản dị của con: "Ba về! Ba mua cho con một cây lược nghe ba".

- Ở chiến trường, ông dồn hết tâm huyết để làm cho con một cây lược. Khi kiếm được khúc ngà, mặt ông "hớn hở như đứa trẻ được quà", những lúc rỗi, ông "ngồi cưa từng chiếc răng lược, thận trọng, tỉ mỉ và khổ công như người thợ bạc". Khi chiếc lược đã hoàn thành, ông tỉ mẩn gò công khắc từng nét chữ: "Yêu nhớ tặng Thu con của ba". Nâng niu, trân trọng như một vật báu, ông thường xuyên "lấy cây lược ra ngắm nghía rồi mài lên tóc cho cây lược thêm bóng mượt". Có thể nói, lòng yêu con đã biến người chiến sĩ thành một nghệ nhân sáng tạo ra một tác phẩm thiêng liêng, cao quý. Cây lược ngà đã kết tinh trong nó tình phụ tử mộc mạc mà đằm thắm, đơn sơ mà thật kì diệu.

- Kỉ vật thiêng liêng chưa kịp trao thì ông Sáu đã hi sinh. Tàn lực cuối cùng ông dồn lên đôi mắt và đưa tay vào túi, móc cây lược ra đưa cho người bạn chiến đấu thân thiết nhất, như muốn nói, như muốn chuyển giao sự sống, chuyển giao ước nguyện cuối cùng của người cha cho người đồng chí: hãy tiếp tục làm tròn bổn phận của một người cha, hãy gìn giữ mãi tình cha con ruột thịt. Ông Sáu đã hi sinh, nhưng tình cha con không bao giờ chết. Chiến tranh khốc liệt có thể cướp đi sinh mạng, nhưng không thể cướp đi tình cha con cao quý, sâu nặng. Nó sẽ sống mãi trong chiếc lược ngà mà ông đã kì công làm cho con.

\* Tình cha con của bé Thu:

- Đằng sau sự bướng bỉnh, cương quyết không nhận cha của bé Thu ẩn chứa một tình yêu cha tha thiết, một niềm kiêu hãnh rất đỗi trẻ thơ: tin rằng cha của em rất đẹp. Em chỉ yêu cha khi tin chắc đó là cha của mình.

- Tâm trạng ân hận của em khi biết rõ sự thật qua lời kể của bà ngoại.

- Đỉnh cao của tình cha con là buổi sáng tiễn đưa ông Sáu lên đường (chú ý phân tích những chi tiết về vẻ ngoài, hành động, tiếng thét xé lòng...của bé Thu).

**3. Điểm gặp gỡ và sự sáng tạo trong cách thể hiện tình cha con của hai tác phẩm**

**3.1. Điểm gặp gỡ**

- Hai người cha, hai thời đại, hai cảnh ngộ khác nhau nhưng họ có chung một phẩm chất: yêu thương con nhất mực. Lão Hạc quyên sinh để dành lại mảnh vườn cho con. Ông Sáu dồn tình yêu thương vào việc làm chiếc lược ngà. Cả hai nhân vật đều là biểu tượng sáng ngời cho tình phụ tử sâu nặng: dành cho con tất cả, thậm chí sẵn sàng hi sinh tất thảy vì con.

- Để khắc họa tình cha con, cả hai tác phẩm đều xây dựng được những chi tiết nghệ thuật đặc sắc, tình huống truyện độc đáo, miêu tả tâm lí nhân vật tinh tế.

**3.2. Điểm độc đáo, sáng tạo**

- Ở "Lão Hạc", NamCao khám phá tình cha con của người nông dân Bắc Bộ trước Cách mạng tháng 8 trước thử thách khốc liệt của cái đói và miếng ăn, của cảnh ngộ khốn cùng, qua đó, tác giả thể hiện niềm tin bất diệt vào vẻ đẹp, bản chất lương thiện của họ.

- Ở "Chiếc lược ngà", Nguyễn Quang Sáng khắc sâu chủ đề về tình cha con của người chiến sĩ cách mạng miền Nam trong thử thách khốc liệt của chiến tranh trên cả hai phương diện: tình cha với con và ngược lại, từ đó cho người đọc thấy những nỗi đau tột cùng mà chiến tranh gây ra cho cuộc sống con người.

- Cùng viết về tình cha con nhưng ở "Lão Hạc", Nam Cao chọn nhân vật tôi - ông giáo là người trần thuật lại câu chuyện. Nhân vật tôi mang hình bóng cái tôi của tác giả đã đi từ dửng dưng, nghi ngờ đến ngạc nhiên, thấu hiểu. Có lúc, tác giả còn xen vào những lời bình luận trữ tình ngoại đề. Giọng điệu trần thuật của tác phẩm , do đó, cũng mang tính chất đa thanh: vừa dửng dưng lạnh lùng, vừa đằm thắm yêu thương, vừa xót xa bi phẫn... Hành trình nhận thức của nhân vật tôi cũng chính là hành trình mà người đọc khám phá những vẻ đẹp nhân cách cao cả của lão Hạc.

- Trong khi đó, ở "Chiếc lược ngà", Nguyễn Quang Sáng để nhân vật tôi là người bạn chiến đấu lâu năm với ông Sáu kể lại câu chuyện cảm động về tình cha con. Do đó, câu chuyện được kể lại bằng giọng điệu thân mật, dân dã, thể hiện sự cảm thông, thấu hiểu của tình bạn, tình đồng chí, giàu tính nhân văn.

- Truyện ngắn của Nguyễn Quang Sáng thấm đẫm chất Nam Bộ. Nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật rất tinh tế, đặc biệt là tâm lí của trẻ thơ. Truyện của Nam Cao giàu chất trữ tình và triết lí.

**4. Đánh giá chung**

- Cùng viết về tình cha con nhưng hai tác phẩm có những sáng tạo độc đáo trên là do: bản chất của văn học (phải không ngừng sáng tạo), do sự khác biệt của thời đại, mục đích sáng tác, đặc điểm sáng tác của hai tác giả.

- Ý nghĩa của sự tương đồng và khác biệt trong việc thể hiện tình cha con ở hai tác phẩm:

+ Sự tương đồng: góp phần làm nên chất nhân bản, nhân văn của văn học.

+ Sự khác biệt làm nên vẻ đẹp phong phú, đa dạng của văn học.

- Thành công của hai tác phẩm là xây dựng được hình tượng những người cha mẫu mực.

- Trong tình cảnh éo le, tình cha con càng thắm thiết, sâu nặng, để lại trong lòng người đọc những xúc động sâu xa, những giá trị nhân bản đẹp đẽ, thiêng liêng.

* Bài học cho người sáng tác và tiếp nhận.

**Đề 10 : “Lời gửi của văn nghệ là sự sống”.**

**“Mỗi tác phẩm lớn như rọi vào bên trong chúng ta một áng riêng, () và chiếu tỏa lên mọi việc chúng ta sống, (…) làm cho thay đổi hẳn mắt ta nhìn, óc ta nghĩ”.**

**( Nguyễn Đình Thi, dẫn theo Ngữ văn 9, tập hai, trang 14)**

**Từ việc tìm hiểu các ý kiến trên, hãy viết về “lời gửi” của một tác phẩm trong chương trình Ngữ văn lớp 8 hoặc lớp 9 đã làm “thay đổi hẳn” cách “nhìn”, cách “nghĩ” của em về con người và cuộc sống.**

**1. Giải thích các ý kiến:**

\* Về ý kiến: “Lời gửi của văn nghệ là sự sống”.

- Văn nghệ là một loại hình nghệ thuật có giá trị to lớn trong việc tác động vào tư tưởng, tình cảm, nhận thức của mỗi người cũng như toàn xã hội: đem đến cho con người một thế giới phong phú.

- “Lời gửi” của văn nghệ và các loại hình nghệ thuật khác chính là cuộc sống, là sự sống; góp phần làm cho đời sống nhân sinh ngày càng tốt đẹp hơn. Tác giả - người sáng tạo ra tác phẩm, chính là người đem “lời gửi” – thông điệp về đời sống và con người – đến với các thế hệ bạn đọc.

\* Về ý kiến: ““Mỗi tác phẩm lớn như rọi vào bên trong chúng ta một áng riêng, (…) và chiếu tỏa lên mọi việc chúng ta sống, (…) làm cho thay đổi hẳn mắt ta nhìn, óc ta nghĩ”.”

- Tác phẩm văn học lớn có khả năng kì diệu trong việc tác động vào tư tưởng, tình cảm, nhận thức của mỗi người cũng như toàn xã hội; để lại những ấn tượng sâu sắc, có giá trị lâu dài.

- Mỗi tác phẩm văn học lớn đều đặt ra và giải quyết vấn đề theo một cách riêng của nhà văn và cũng được bạn đọc tiếp nhận theo những con đường riêng.

- Tác phẩm văn học lớn đánh thức những cảm xúc tốt đẹp trong tâm hồn độc giả, giúp con người tự nhận thức, xây dựng và phấn đấu hoàn thiện mình một cách toàn diện, bền vững.

=> Hai ý kiến gắn gọn, cô động, sâu sắc cùng hướng đến thể hiện nội dung, vai trò của văn nghệ nói chung và tác phẩm văn học nói riêng đối với việc xây dựng, bồi đắp tâm hồn con người, làm cho cuộc sống ngày càng hoàn thiện.

2. Phân tích lời gửi của một tác phẩm trong chương trình Ngữ văn lớp 8 hoặc lớp 9.

Từ cách hiểu các ý kiến trên, học sinh viết về “lời gửi” của một “tác phẩm lớn” trong chương trình Ngữ văn lớp 8 hoặc lớp 9 đã làm “thay đổi hẳn” cách “nhìn”, cách “nghĩ” về con người và cuộc sống.

Sau đây là một số gợi ý:

- Giới thiệu những nét cơ bản về tác giả, tác phẩm.

- Phân tích để làm rõ:

+ “Lời gửi” của tác phẩm.

+ “Ánh sáng riêng” mà tác phẩm ấy ( bằng nội dung và nghệ thuật) đã rọi vào tư tưởng, tình cảm, nhận thức của mỗi con người cũng như toàn xã hội.

+ Từ “lời gửi” và “ánh sáng” ấy, tác phẩm đã cảm hóa, lôi cuốn, giúp mỗi người tự thay đổi, tự nhận thức, tự xây dựng mình để được sống ý nghĩa hơn, phong phú hơn với cuộc đời và với chính mình.

\* Học sinh cần trình bày bài văn với tình cảm chân thành, sâu sắc; nêu được những vấn đề thực sự có ý nghĩa không chỉ đối với cá nhân mà còn với cả cộng đồng.

**Đề 11. Vẻ đẹp trong lối sống, tâm hồn của nhân vật anh thanh niên trong “Lặng lẽ Sa Pa” của Nguyễn Thành Long và nhân vật Phương Định trong “Những ngôi sao xa xôi” của Nguyễn Minh Khuê.**
Gợi ý:
a. Giới thiệu sơ lược vềđề tài viết về những con người sống, cống hiến cho dất nước trong văn học. Nêu tên 2 tác giả và 2 tác phẩm cùng nhưngc vẻ đẹp của anh thanh niên và Phương Định.
b. Vẻ đẹp của 2 nhân vật trong hai tác phẩm :
\* vẻ đẹp trong cách sống :
+ Nhân vật anh thanh niên: trong Lặng lẽ Sa Pa - Hoàn cảnh sống và làm việc: một mình trên núi cao, quanh năm suốt tháng giữa cây cỏ và mây núi Sa Pa. Công việc là đo gió, đo mưa đo năng, tính mây, đo chấn động mặt đất…
- Anh làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, cụ thể, tỉ mỉ, chính xác, đúng giờ ốp thì dù cho mưa tuyết, giá lạnh thế nào anh cũng trở đậy ra ngoài trời làm việc đúng giờ quy định.
- Anh đã vượt qua sự cô đơn vắng vẻ quanh năm suốt tháng trên đỉnh núi cao không một bóng người.
- Sự cởi mở chân thành, quý trọng mọi người, khao khát được gặp gỡ, trò chuyện với mọi người. - Tổ chức sắp xếp cuộc sống của mình một cách ngăn nắp, chủ động: trồng hoa, nuôi gà, tự học…
+ Cô xung phong Phương Định:
- Hoàn cảnh sống và chiến đấu: ở trên cao điểm giữa một vùng trọng điểm trên tuyến đường Trường Sơn, nơi tập trung nhất bom đạn và sự nguy hiểm, ác liệt. Công việc đặc biệt nguy hiểm: Chạy trên cao điểm giữa ban ngày, phơi mình trong vùng máy bay địch bị bắn phá, ước lượng khối lượng đất đá, đếm bom, phá bom.
- Yêu mến đồng đội, yêu mến và cảm phục tất cả những chiến sĩ mà cô gặp trên tuyến đường Trường Sơn.
- Có những đức tính đáng quý, có tinh thần trách nhiệm với công việc, bình tĩnh, tự tin, dũng cảm…
\* Vẻ đẹp tâm hồn:
+ Anh thanh niên trong Lặng lẽ Sa Pa:
- Anh ý thức về công việc của mình và lòng yêu nghề khiến anh thấy được công việc thầm lặng ấy có ích cho cuộc sống, cho mọi người.
- Anh đã có suy nghĩ thật đúng và sâu sắc về công việc và những đóng góp của mình rất nhỏ bé.
- Cảm thấy cuộc sống không cô dơn buồn tẻ vì có một nguồn vui, đó là niềm vui đọc sách mà lúc nào anh cũng thấy như có bạn để trò chuyện.
- Là người nhân hậu, chân thành, giản dị.
+ Cô thanh niên Phương Định:
- Có thời học sinh hồn nhiên vô tư, vào chiến trường vẫn giữ được sự hồn nhiên.
- Là cô gái nhạy cảm, mơ mộng, thích hát, tinh tế, quan tâm và tự hào về vẻ đẹp của mình.
- Kín đáo trong tình cảm và tự trọng về bản thân mình. Các tác giả miêu tả sinh động, chân thực tâm lí nhân vật làm hiện lên một thế giới tâm hồn phong phú, trong sáng và đẹp đẽ cao tượng của nhân vật ngay trong hoàn cảnh chiến đấu đầy hi sinh gian khổ.
c. Đánh giá, liên hệ.
- Hai tác phẩm đều khám phá, phát hiện ngợi ca vẻ đẹp tâm hồn con người Việt Nam trong lao động và trong chiến đấu.
- Vẻ đẹp của các nhân vật đều mang màu sắc lí tưởng, họ là hình ảnh của con người Việt Nam mang vẻ đẹp của thời kì lịch sử gian khổ hào hùng và lãng mạn của dân tộc. Liên hệ với lối sống, tâm hồn của thanh niên trong giai đoạn hiện nay.

**Đề 12: Sự khám phá và thể hiện vẻ đẹp tình cảm gia đình - tình cha con - qua hai tác phẩm: “*Chiếc lược ngà*” của Nguyễn Quang Sáng và “*Nói với con*” của Y Phương.**

 **I. Mở bài: Giới thiệu được vấn đề nghị luận.**

Tình cảm gia đình là 1 đề tài thiêng liêng bởi ai sinh ra cũng từ 1 mái ấm gia đình. Có những tình cảm nhẹ nhàng âu yếm đầy ngọt ngào như tình mẹ nhưng cũng loé lên sự nghiêm khắc giàu lòng thương con của tình cha. Điển hình lớn trong văn học hiện đại Việt Nam là truyện ngắn *Chiếc lược ngà* của nhà văn Nguyễn Quang Sáng và tác phẩm *Nói với con* của Y Phương.
 **II. Thân bài:
 1. Khám phá và thể hiện vẻ đẹp tình cảm gia đình trong “Chiếc lược ngà”
 \* Tình cảm của người cha – ông Sáu dành cho con sâu sắc:**
 - Ở chiến trường, nỗi nhớ con luôn giày vò ông Sáu, chính vì vậy về tới quê, nhìn thấy Thu, ông đã nhảy vội lên bờ và định ôm hôn con cho thỏa nỗi nhớ mong.
 - Mấy ngày về phép, ông luôn tìm cách gần gũi con mong bù lại cho con những tháng ngày xa cách dù cho bé Thu hiểu lầm có thái độ hỗn hào phản kháng, ông vẫn kiên nhẫn chiều chuộng, thuyết phục. (0,75 điểm)
 **\* Tình cảm của người cha dành cho con trong sự hy sinh thầm lặng:**
 - Lúc ra đi, ông âm thầm, lặng lẽ nhìn con, chỉ khi bé Thu nhận ra ba và nhảy lên ôm chặt lấy cổ ba, lúc bấy giờ nước mắt ông mới trào ra.
 - Những ngày ở căn cứ, lúc rảnh rỗi là ông gửi hết tình thương con vào việc làm chiếc lược ngà. Trước lúc hy sinh, điều mà ông nghĩ tới duy nhất là nhờ đồng đội mang chiếc lược về cho con.
 - Tình cảm yêu thương con sâu nặng của ông Sáu làm cho người đọc xúc động và thấm thía nỗi đau thương mất mát, éo le do chiến tranh gây ra. Nhưng điều đáng quý nhất trong cái mất mát ấy đó là tình cảm cha con, tình cảm muôn thuở có tính nhân bản bền vững, tình cảm ấy bất diệt trước sự hủy diệt tàn khốc của chiến tranh.
 **2. Sự khám phá và thể hiện vẻ đẹp tình cảm gia đình trong “Nói với con”:
 \* Vẻ đẹp về tình cha con:**
 - Tình yêu người cha dành cho con thể hiện qua lời tâm sự, nhắc nhở về nguồn cội sinh dưỡng, cho con thấy được sự đầm ấm của gia đình và sức sống mạnh mẽ, bền bỉ về truyền thống tốt đẹp của quê hương. (dẫn chứng)
 - Là tình yêu mà người cha muốn thắp sáng ý chí, nghị lực và niềm tin cho con mình trong cuộc sống để kế thừa, tự hào và phát huy truyền thống của “người đồng mình” … (dẫn chứng)
 **\* Cách thể hiện:**
 - Lựa chọn hình thức mượn lời mộc mạc mà gợi cảm, mạnh mẽ, người cha đã thể hiện khung cảnh núi rừng quê hương thật thơ mộng và nghĩa tình. Thiên nhiên ấy đã chở che nuôi dưỡng con cả tâm hồn và lối sống.
 - Dùng cách nói giàu hình ảnh, cụ thể, mộc mạc mà có tính khái quát, giàu chất thơ, người cha đã truyền đến con thái độ sống nghĩa tình, biết chấp nhận, vượt qua thử thách; giúp con hiểu thêm sức sống và vẻ đẹp tâm hồn của dân tộc mình - gợi nhắc tình cảm gia đình luôn gắn bó với truyền thống quê hương.
 **3. So sánh, đánh giá, mở rộng và nâng cao vấn đề
 a. So sánh
 - Những nét giống nhau:** Tình yêu thương của sự chăm sóc, ân cần dạy dỗ, tấm lòng vị tha, đức hy sinh một đời vì con của cha, một tình cảm mang tính gia đình cao cả. Đây cũng là truyền thống đạo lý của dân tộc, cần kế thừa và gìn giữ.
 **- Những nét riêng**: Hoàn cảnh, tình cảm, xuất phát từ mối quan hệ, tình cảm cha -con...và nét riêng trong hình thức thể hiện ...
 **b. Đánh giá, mở rộng và nâng cao vấn đề:** - Tình cảm gia đình – tình cha con là một trong những thứ tình cảm thiêng liêng và quý giá của mỗi người. Mỗi nhà thơ, nhà văn bằng sự khám phá và thể hiện của mình đã đem đến cho văn học những tác phẩm giàu giá trị nhân bản, nhân văn sâu sắc, có ý nghĩa giáo dục và đánh thức tình cảm tốt đẹp của con người về tình cảm gia đình.
 - Vẻ đẹp của tình cảm gia đình – tình cha con trong hai tác phẩm như những nét vẽ góp phần hoàn thiện bức chân dung gia đình của mỗi con người. Tình cảm ấy lại được hoà quyện thống nhất, gắn bó chặt chẽ với tình yêu quê hương đất nước. Đây cũng là một mạch nguồn tình cảm được lưu chuyển qua dòng chảy truyền thống của thơ ca dân tộc nhưng luôn có những khám phá, phát hiện và cách thể hiện theo những nét riêng - một đặc trưng quan trọng trong sáng tạo nghệ thuật.
(HS có thể liên hệ đến các tác phẩm cùng đề tài khác)
 **III. Kết bài:**
 - Khẳng định lại nội dung của hai tác phẩm:
 Tình cha đối với con ở hai hoàn cảnh khác nhau, cách biểu hiện khác nhau nhưng đều có điểm chung là tình thương yêu hết sức sâu sắc, đằm thắm, thầm lặng và đầy sự hy sinh.
 - Liên hệ bài học cho bản thân:
 + Tình cảm cha con nói riêng, tình cảm gia đình nói chung là tình cảm quý báu, mỗi người cần biết trân trọng, giữ gìn, phát huy.
 + Con người phải sống và làm việc sao cho xứng đáng với các tình cảm cao quý đó

**Đề 13:**

Trong văn bản *Tiếng nói của văn nghệ* (SGK Ngữ văn 9 - tập hai), Nguyễn Đình Thi viết: *“Bắt rễ ở cuộc đời hàng ngày của con người, văn nghệ lại tạo được sự sống cho tâm hồn người”.*

Qua hai tác phẩm *Sang thu* của Hữu Thỉnh và *Mùa xuân nho nhỏ* của Thanh Hải, em hãy làm sáng tỏ nhận định trên.

***a) Giải thích ngắn gọn ý kiến của Nguyễn Đình Thi:***

Ý kiến của Nguyễn Đình Thi nêu lên nguồn gốc của văn nghệ - trong đó có văn học - cũng như vai trò, ý nghĩa, tác động của văn nghệ đối với tâm hồn người tiếp nhận, thưởng thức:

- "Bắt rễ": bám sâu, bám chắc vào cuộc đời hằng ngày của con người (cuộc sống sinh hoạt của con người)

- "Văn nghệ": văn học nghệ thuật, sản phẩm sáng tạo của nghệ sĩ. Nhờ sản phẩm sáng tạo của người nghệ sĩ nên đã tạo được sự sống trong tâm hồn con người, làm tâm hồn con người trở nên tươi mát và có ý nghĩa hơn.

=> Nhận định của Nguyễn Đình Thi đã chỉ ra mối quan hệ giữa văn học và hiện thực cuộc sống. VH lấy chất liệu từ hiện thực cuộc sống để sáng tạo nên tác phẩm văn học và cuối cùng văn học lại quay trở về để phục vụ đời sống con người, cảm hóa con người

**\* Tại sao lại nói như vậy:**

- Vì văn nghệ không thể xa rời cuộc sống, phải viết về cuộc sống, nhất là cuộc sống của nhân dân lao động, những con người lao động và chiến đấu trên khắp mọi miền đất nước.

- Hiện thực cuộc sống là nguồn đề tài không bao giờ vơi cạn, giúp cho văn nghệ phát triển giống như Chế Lan Viên đã viết:

***Nhà thơ như con ong biến trăm hoa thành một mật***

***Một giọt mật thành, đòi vạn chuyến ong bay***

***Nay rừng nhãn non Đoài, mai vườn cam xứ Bắc***

***Ngọt mật ở đồng bằng mà hút nhị tận miền Tây.***

**(**Muốn trở thành nhà thơ, nhà văn thực sự thì cần phải chăm chỉ, cần cù trong lao động nghệ thuật.**)**

**- Mặt khác, tác phẩm văn học, nghệ thuật ra đời lại quay trở lại phục vụ đời sống hằng ngày, giúp con người mở rộng tâm hồn để yêu thương nhiều hơn, sống có ý nghĩ hơn. Đó là quy luật tồn tại, phát triển và cũng là chức năng cao cả của văn nghệ.**

**b. Chứng minh:** **Lấy chất liệu từ cuộc sống là nguồn cảm hứng cho sáng tác, Hữu Thỉnh đã phát hiện ra vẻ đẹp của bức tranh mùa thu qua bài "Sang thu" và nhà thơ Thanh Hải khám phá vẻ đẹp của bức tranh mùa xuân qua bài "MXNN", để từ đó nhà thơ bộc lộ tấm lòng yêu đời, yêu cuộc sống thiết tha.**

**\* Với bài *Sang thu*:**

- Bài thơ “bắt rễ ở cuộc đời”: khung cảnh thiên nhiên, đất trời trong khoảnh khắc giao mùa cuối hạ đầu thu trở thành chất liệu cho thi phẩm, trở thành nguồn cảm hứng nghệ thuật của Hữu Thỉnh.

 (Dẫn chứng - Phân tích vẻ đẹp của mùa thu trong bài thơ - **ngắn gọn**)

- Bài thơ “tạo được sự sống cho tâm hồn” người đọc: độc giả được cùng tác giả khám phá những tín hiệu ban đầu của thiên nhiên lúc sang thu; bài thơ khơi dậy trong lòng người đọc tình yêu thiên nhiên, yêu cảnh sắc quê hương Việt Nam; ở hai câu cuối (*Sấm cũng bớt bất ngờ - Trên hàng cây đứng tuổi*)ngoài nghĩa tả thực còn gợi suy ngẫm về triết lí cuộc đời: sự vững vàng của con người từng trải trước những biến động của cuộc sống.

 (Phân tích nghĩa thực, nghĩa biểu tượng của hai câu cuối)

\* Với bài *Mùa xuân nho nhỏ:*

- Bài thơ cũng bắt nguồn từ đời sống: khung cảnh mùa xuân của thiên nhiên, đất trời và mùa xuân của đất nước đã in bóng trong trang thơ của Thanh Hải; bên cạnh đó, còn có mùa xuân của lòng người: khát vọng cống hiến cho cuộc đời chung của tác giả.

+ Vẻ đẹp của bức tranh thiên nhiên rực rỡ sắc màu, rộn ràng âm thanh cuộc sống

+ Bức tranh mùa xuân đất nước gắn với niềm vui và hi vọng cho con người. (dẫn thơ, phân tích => cảm xúc của nhà thơ trước mùa xuân đất nước)

+ Chính vẻ đẹp của thiên nhiên, đất nước đã tác động đến tâm hồn thi nhân để thi nhân gửi gắm những ước nguyện chân thành mà thiết tha. (dẫn thơ, phân tích => tiếng lòng của nhà thơ trước khi từ giã cõi đời, tiếng lòng ấy như nhắc nhở mọi người về vai trò, trách nhiệm của mỗi cá nhân với cuộc đời)

- Bài thơ cũng “tạo được sự sống cho tâm hồn” độc giả: người đọc được cùng tác giả khám phá vẻ đẹp của thiên nhiên, của đất nước vào xuân; thêm yêu đời, yêu thiên nhiên và khao khát sống đẹp, sống cống hiến cho đời.

=> Văn nghệ có khả năng thức tỉnh tâm hồn con người, để con người sống có ý nghĩa hơn. Như nhà thơ Tố Hữu đã viết: *Nếu là con chim, là chiếc lá*

*Thì chim phải hót, chiếc lá phải xanh*

*Lẽ nào vay mà không trả*

*Sống là cho, đâu chỉ nhận riêng mình.*

**c) Đánh giá chung:**

Hai bài thơ *Sang thu, Mùa xuân nho nhỏ* là tác phẩm của những tác giả khác nhau, ra đời trong những hoàn cảnh khác nhau nhưng chúng đều là minh chứng tiêu biểu cho mối quan hệ giữa nghệ thuật và cuộc đời, nghệ thuật và người thưởng thức văn nghệ. Nhận định của Nguyễn Đình Thi đúng đắn và có tầm khái quát cao.

- Bằng những trải nghiệm của cuộc đời sáng tác, ý kiến của Nguyễn Đình Thi hoàn toàn đúng đắn khi nói đến mối quan hệ giữa văn học và hiện thực cuộc sống; vai trò của văn nghệ đối với đời sống con người.

- Ý kiến ấy đem đến bài học cho người sáng tác, là cơ sở để đánh giá giá trị của một tác phẩm.

**Đề 14:**

 Trên đỉnh núi Yên Sơn cao 2600 mét, có một anh cán bộ khí tượng kiêm vật lý địa cầu sống một mình, bốn bề chỉ có cây cỏ mây mù lạnh lẽo và một số máy móc khoa học. Nhưng khi gặp ông họa sĩ già anh vẫn khẳng định: “*Cháu sống thật hạnh phúc*”.
 ( “Lặng lẽ Sa Pa” - Nguyễn Thành Long)
 Ngoài biển khơi xa, trong đêm tối, có những con người vẫn háo hức ra đi trong tiếng hát. Họ “*Ra đậu dặm xa dò bụng biển/ Dàn đan thế trận lưới vây giăng*”.
 ( “Đoàn thuyền đánh cá” - Huy Cận)
 Núi cao biển xa, chân trời góc bể nhưng những người lao động ấy vẫn nhiệt tình, âm thầm mang sức lao động của mình cống hiến cho Tổ quốc.
 Dựa vào hai tác phẩm trên, em hãy làm sáng tỏ vẻ đẹp của người lao động mới?

**1. Mở bài:** ( 1,0 điểm)
Nêu đúng vấn đề và giới hạn - vẻ đẹp của người lao động mới trong hai tác phẩm: “Đoàn thuyền đánh cá” của Huy Cận và “Lặng lẽ Sa Pa” của Nguyễn Thành Long.
**2. Thân bài:** ( 8,0 điểm)
**\* Bối cảnh lịch sử và hoàn cảnh sáng tác (1,0 điểm)**
Sau chiến thắng chống thực dân Pháp, miền Bắc nước ta bắt tay ngay vào công cuộc xây dựng CNXH. Một không khí phấn khởi, hăng say lao động kiến thiết đất nước dấy lên khắp mọi nơi.
“Đoàn thuyền đánh cá” - Huy Cận (1958), “Lặng lẽ Sa Pa” - Nguyễn Thành Long (1970) đều là kết quả của những chuyến đi thực tế mà các tác giả sống trực tiếp cùng với những con người lao động. Hình tượng người lao động đã được khắc họa rõ nét trong hai tác phẩm. Họ thuộc đủ mọi lớp người, mọi lứa tuổi, với những nghề nghiệp khác nhau, làm việc ở những vùng khác nhau nhưng đều có chung những phẩm chất cao đẹp.
**a. Luận điểm 1 ( 2,0 điểm):** **Công việc, điều kiện làm việc của họ đầy gian khó, thử thách.**
- Người ngư dân trong bài thơ “Đoàn thuyền đánh cá” ra khơi khi thiên nhiên, vũ trụ vào trạng thái nghỉ ngơi. Đánh cá trên biển là một công việc rất vất vả và nguy hiểm. Nhưng những người ngư dân đã hòa nhập với thiên nhiên bao la và trở thàn\h hình ảnh sáng đẹp.
Trong “Lặng lẽ Sa Pa”: Anh thanh niên làm công tác khí tượng trên đỉnh Yên Sơn cao 2600 mét. Anh sống một mình, xung quanh anh chỉ có cây cỏ, mây mù lạnh lẽo và một số máy móc khoa học. Cái gian khổ nhất với anh là sự cô độc. Công việc của anh là “đo gió, đo mưa..dự báo thời tiết”. Công việc ấy đồi hỏi phải tỉ mỉ, chính xác. Mỗi ngày anh đo và báo số liệu về trạm bốn lần. Nửa đêm, đúng giờ “ốp” dù mưa tuyết, gió rét thế nào thì vẫn phải trở dậy làm việc.
**b.Luận điểm 2 (2,0 điểm): Trong điều kiện khắc nghiệt như vậy nhưng những người lao động ấy vẫn nhiệt tình, hăng say, mang hết sức lực của mình để cống hiến cho Tổ quốc.**- Những người ngư dân là những con người lao động tập thể. Họ hăm hở:
“ Ra đậu dăm xa dò bụng biển
Dàn đan thế trận lưới vây giăng.”
Họ làm việc nhiệt tình, hăng say trong câu hát.
- Anh thanh niên có những suy nghĩ đúng đắn, sâu sắc về công việc. Anh hiểu việc mình làm có ý nghĩa quan trọng “ phục vụ sản xuất…”. Công việc tuy lặp lại đơn điệu song anh vẫn rất nhiệt tình, say mê, gắn bó với nó ( qua lời anh nói với ông họa sĩ).
**c. Luận điểm 3 (2,0 điểm): Đó còn là những con người sống có lí tưởng và tràn đầy lạc quan. Họ thực sự tìm thấy niềm hạnh phúc trong công việc lao động đầy gian khổ.**- Đánh cá trong đêm đầy vất vả, nguy hiểm xong người ngư dân đã thu về thành quả thật tốt đẹp. Họ ra đi, làm việc và trở về đều trong câu hát. Hình ảnh thơ cuối bài rạng rỡ niềm vui, tin tưởng, hi vọng của người lao động. Họ vui say lao động vì một ngày mai “huy hoàng”.
- Lí tưởng sống của anh thanh niên trong Lặng lẽ SaPa là vì nhân dân, vì đất nước. Chính từ suy nghĩ : “mình sinh ra…. vì ai mà làm việc?” mà anh đã vượt lên nỗi “thèm người” để gắn bó với đỉnh Yên Sơn trong công việc thầm lặng.
Trong cái lặng im của Sa Pa ấy, không phải chỉ có anh thanh niên mà còn có cả thế giới những người “làm việc và lo nghĩ cho đất nước” qua lời anh kể như: ông kĩ sư vườn rau, đồng chí cán bộ nghiên cứu lập bản đồ sét… Họ thực sự tìm thấy niềm hạnh phúc trong lao động cống hiến.
**\* Đánh giá (1,0 điểm):** Người lao động vô danh trong hai tác phẩm đủ mọi thành phần, lứa tuối , nghề nhiệp, dù ở núi cao hay biển xa đều là những người nhiệt tình, say mê công việc, sống có lí tưởng. Họ là điển hình cao đẹp của con người lao động mới, con người trưởng thành trong công cuộc xây dưng CNXH ở miền Bắc.
**3. Kết bài (1,0 điểm):** Khẳng định thành công của các tác giả trong việc khắc họa hình ảnh người lao động và nêu cảm nghĩ hoặc liên hệ mở rộng.

Lưu ý: Ngoài cách triển khai như trên, nếu chứng minh lần lượt theo từng tác phẩm nhưng biết dùng lập luận tổng - phân - hợp (khái quát rõ vẻ đẹp nói chung của người lao động trong hai tác phẩm rồi mới chứng minh cụ thể, sau đó tổng hợp, nâng cao) để vấn đề được sáng tỏ

**Đề 15:** Trong văn bản *Tiếng nói của văn nghệ* (SGK Ngữ văn 9 - tập hai), Nguyễn Đình Thi viết: *“Bắt rễ ở cuộc đời hàng ngày của con người, văn nghệ lại tạo được sự sống cho tâm hồn người”.*

Qua hai tác phẩm *Sang thu* của Hữu Thỉnh và *Mùa xuân nho nhỏ* của Thanh Hải, em hãy làm sáng tỏ nhận định trên.

***a) Giải thích ngắn gọn ý kiến của Nguyễn Đình Thi:***

Ý kiến của Nguyễn Đình Thi nêu lên nguồn gốc của văn nghệ - trong đó có văn học - cũng như vai trò, ý nghĩa, tác động của văn nghệ đối với tâm hồn người tiếp nhận, thưởng thức:

- "Bắt rễ": bám sâu, bám chắc vào cuộc đời hằng ngày của con người (cuộc sống sinh hoạt của con người)

- "Văn nghệ": văn học nghệ thuật, sản phẩm sáng tạo của nghệ sĩ. Nhờ sản phẩm sáng tạo của người nghệ sĩ nên đã tạo được sự sống trong tâm hồn con người, làm tâm hồn con người trở nên tươi mát và có ý nghĩa hơn.

=> Nhận định của Nguyễn Đình Thi đã chỉ ra mối quan hệ giữa văn học và hiện thực cuộc sống. VH lấy chất liệu từ hiện thực cuộc sống để sáng tạo nên tác phẩm văn học và cuối cùng văn học lại quay trở về để phục vụ đời sống con người, cảm hóa con người

**\* Tại sao lại nói như vậy:**

- Vì văn nghệ không thể xa rời cuộc sống, phải viết về cuộc sống, nhất là cuộc sống của nhân dân lao động, những con người lao động và chiến đấu trên khắp mọi miền đất nước.

- Hiện thực cuộc sống là nguồn đề tài không bao giờ vơi cạn, giúp cho văn nghệ phát triển giống như Chế Lan Viên đã viết:

***Nhà thơ như con ong biến trăm hoa thành một mật***

***Một giọt mật thành, đòi vạn chuyến ong bay***

***Nay rừng nhãn non Đoài, mai vườn cam xứ Bắc***

***Ngọt mật ở đồng bằng mà hút nhị tận miền Tây.***

**(**Muốn trở thành nhà thơ, nhà văn thực sự thì cần phải chăm chỉ, cần cù trong lao động nghệ thuật.**)**

**- Mặt khác, tác phẩm văn học, nghệ thuật ra đời lại quay trở lại phục vụ đời sống hằng ngày, giúp con người mở rộng tâm hồn để yêu thương nhiều hơn, sống có ý nghĩ hơn. Đó là quy luật tồn tại, phát triển và cũng là chức năng cao cả của văn nghệ.**

**b. Chứng minh:** **Lấy chất liệu từ cuộc sống là nguồn cảm hứng cho sáng tác, Hữu Thỉnh đã phát hiện ra vẻ đẹp của bức tranh mùa thu qua bài "Sang thu" và nhà thơ Thanh Hải khám phá vẻ đẹp của bức tranh mùa xuân qua bài "MXNN", để từ đó nhà thơ bộc lộ tấm lòng yêu đời, yêu cuộc sống thiết tha.**

**\* Với bài *Sang thu*:**

- Bài thơ “bắt rễ ở cuộc đời”: khung cảnh thiên nhiên, đất trời trong khoảnh khắc giao mùa cuối hạ đầu thu trở thành chất liệu cho thi phẩm, trở thành nguồn cảm hứng nghệ thuật của Hữu Thỉnh.

 (Dẫn chứng - Phân tích vẻ đẹp của mùa thu trong bài thơ - **ngắn gọn**)

- Bài thơ “tạo được sự sống cho tâm hồn” người đọc: độc giả được cùng tác giả khám phá những tín hiệu ban đầu của thiên nhiên lúc sang thu; bài thơ khơi dậy trong lòng người đọc tình yêu thiên nhiên, yêu cảnh sắc quê hương Việt Nam; ở hai câu cuối (*Sấm cũng bớt bất ngờ - Trên hàng cây đứng tuổi*)ngoài nghĩa tả thực còn gợi suy ngẫm về triết lí cuộc đời: sự vững vàng của con người từng trải trước những biến động của cuộc sống.

 (Phân tích nghĩa thực, nghĩa biểu tượng của hai câu cuối)

\* Với bài *Mùa xuân nho nhỏ:*

- Bài thơ cũng bắt nguồn từ đời sống: khung cảnh mùa xuân của thiên nhiên, đất trời và mùa xuân của đất nước đã in bóng trong trang thơ của Thanh Hải; bên cạnh đó, còn có mùa xuân của lòng người: khát vọng cống hiến cho cuộc đời chung của tác giả.

+ Vẻ đẹp của bức tranh thiên nhiên rực rỡ sắc màu, rộn ràng âm thanh cuộc sống

+ Bức tranh mùa xuân đất nước gắn với niềm vui và hi vọng cho con người. (dẫn thơ, phân tích => cảm xúc của nhà thơ trước mùa xuân đất nước)

+ Chính vẻ đẹp của thiên nhiên, đất nước đã tác động đến tâm hồn thi nhân để thi nhân gửi gắm những ước nguyện chân thành mà thiết tha. (dẫn thơ, phân tích => tiếng lòng của nhà thơ trước khi từ giã cõi đời, tiếng lòng ấy như nhắc nhở mọi người về vai trò, trách nhiệm của mỗi cá nhân với cuộc đời)

- Bài thơ cũng “tạo được sự sống cho tâm hồn” độc giả: người đọc được cùng tác giả khám phá vẻ đẹp của thiên nhiên, của đất nước vào xuân; thêm yêu đời, yêu thiên nhiên và khao khát sống đẹp, sống cống hiến cho đời.

=> Văn nghệ có khả năng thức tỉnh tâm hồn con người, để con người sống có ý nghĩa hơn. Như nhà thơ Tố Hữu đã viết: *Nếu là con chim, là chiếc lá*

*Thì chim phải hót, chiếc lá phải xanh*

*Lẽ nào vay mà không trả*

*Sống là cho, đâu chỉ nhận riêng mình.*

**c) Đánh giá chung:**

Hai bài thơ *Sang thu, Mùa xuân nho nhỏ* là tác phẩm của những tác giả khác nhau, ra đời trong những hoàn cảnh khác nhau nhưng chúng đều là minh chứng tiêu biểu cho mối quan hệ giữa nghệ thuật và cuộc đời, nghệ thuật và người thưởng thức văn nghệ. Nhận định của Nguyễn Đình Thi đúng đắn và có tầm khái quát cao.

- Bằng những trải nghiệm của cuộc đời sáng tác, ý kiến của Nguyễn Đình Thi hoàn toàn đúng đắn khi nói đến mối quan hệ giữa văn học và hiện thực cuộc sống; vai trò của văn nghệ đối với đời sống con người.

- Ý kiến ấy đem đến bài học cho người sáng tác, là cơ sở để đánh giá giá trị của một tác phẩm.

Ngày 29/4/2022

Có đủ nội dung bồi dưỡng.

TTCM

Lý Thị Xuân